

Số: 120/2018/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn
ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 24 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 417/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn và việc sử dụng nguồn dự phòng vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020

1. Điều chỉnh giảm nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển 261,534 tỷ

đồng (giảm từ 261,534 tỷ đồng xuống còn 0 tỷ đồng).

2. Bổ sung 8.090 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh (bao gồm các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, nguồn dự phòng ngân sách xây dựng cơ bản tập trung và các khoản bổ sung khác từ Trung ương,...) vào kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020.

3. Cho phép sử dụng số vốn dự phòng nguồn ngân sách xây dựng cơ bản tập trung 317,585 tỷ đồng và bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 trong cơ cấu nguồn vốn ngân sách tỉnh tại khoản 2 Điều này. Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, xây dựng phương án phân bổ chi tiết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong kế hoạch hằng năm trên cơ sở danh mục dự án bổ sung được thông qua tại Nghị quyết này.

Đối với số vốn dự phòng nguồn thu tiền sử dụng đất và nguồn thu xổ số kiến thiết: Không bổ sung 02 nguồn vốn trên vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020, cho phép giao kế hoạch đầu tư công hằng năm trên cơ sở khả năng thu thực tế và triển khai tổng kết vào cuối kỳ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Bổ sung danh mục dự án và điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020

1. Điều chỉnh nội dung chi Trả nợ vay vốn tín dụng đầu tư phát triển năm 2016 theo Quyết định số 1939/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: 142,283 tỷ đồng (tại mục 2.2 điều 4 Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh) như sau:

a) Hỗ trợ thanh toán khối lượng hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ các dự án thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương và đường giao thông nông thôn theo Quyết định số 1939/QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: 69,943 tỷ đồng và cho phép phân bổ ngay trong kế hoạch năm 2019;

b) Bổ sung vốn cho các dự án quan trọng, cấp bách của địa phương: 72,34 tỷ đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, đề xuất bổ sung danh mục (nếu cần thiết) và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua phương án phân bổ chi tiết trong kế hoạch năm 2020;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện và khai tổng kết nội dung này vào cuối kỳ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

2. Bổ sung danh mục và phương án phân bổ chi tiết số vốn bổ sung 8.115 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh (bao gồm các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, nguồn ngân dự phòng ngân sách xây dựng cơ bản tập trung và các khoản bổ sung khác từ Trung ương,...) như sau:

a) Bổ trí thanh toán nợ xây dựng cơ bản, thanh toán khối lượng hoàn thành và chuyển tiếp cho các dự án triển khai giai đoạn trước năm 2015 ở 3 cấp ngân sách tỉnh, huyện, xã: 2.724,676 tỷ đồng của 749 dự án. Trong đó: Đã bổ trí các năm 2016, 2017 và 2018: 2.091,26 tỷ đồng của 714 dự án; Dự kiến bổ trí giai đoạn 2019-2020: 633,416 tỷ đồng, của 83 dự án (*Chi tiết theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo*);

b) Đầu tư hạ tầng kiến thiết đô thị: 443,049 tỷ đồng của 28 dự án. Trong đó: Đã bổ trí các năm 2016, 2017 và 2018: 166,622 tỷ đồng của 10 dự án; Dự kiến bổ trí giai đoạn 2019-2020: 276,427 tỷ đồng, của 24 dự án (*Chi tiết theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo*);

c) Hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới tại các địa phương: 1.646,422 tỷ đồng của 116 dự án. Trong đó: Đã bổ trí các năm từ 2016 đến 2018: 278,166 tỷ đồng của 57 dự án; Dự kiến bổ trí giai đoạn 2019-2020: 1.368,257 tỷ đồng, của 107 dự án (*Chi tiết theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo*);

d) Các dự án theo Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy và Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh: 145,513 tỷ đồng của 9 dự án. Trong đó: Đã bổ trí các năm 2016, 2017 và 2018: 44,097 tỷ đồng của 03 dự án; Dự kiến bổ trí giai đoạn 2019-2020: 101,416 tỷ đồng, của 09 dự án (*Chi tiết theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo*);

e) Bổ sung vốn đối ứng còn thiếu cho các dự án ODA: 120 tỷ đồng của 30 dự án (*Chi tiết theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo*);

f). Các dự án quan trọng, cấp bách phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong giai đoạn 2016-2020: 2.237,496 tỷ đồng của 91 dự án. Trong đó: Đã bổ trí các năm 2016, 2017 và 2018: 296,481 tỷ đồng của 44 dự án; Dự kiến bổ trí giai đoạn 2019-2020: 1.941,015 tỷ đồng, của 80 dự án (*Chi tiết theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo*);

g). Các dự án thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội: 797,843 tỷ đồng, của 98 dự án. Trong đó: Đã bổ trí các năm 2016, 2017 và 2018: 107,289 tỷ đồng của 46 dự án; Dự kiến bổ trí giai đoạn 2018-2020: 690,554 tỷ đồng, của 78 dự án (*Chi tiết theo Phụ lục số 07 ban hành kèm theo*);


Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa cho từng năm, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để thống nhất và tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, điều chỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu của Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin VP HĐND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

Phụ lục 01. DANH MỤC DỰ ÁN TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN TRƯỚC NĂM 2015 BỔ SUNG NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số 120/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)		Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Chí chủ	
		TMDT		TMDT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Trong đó:		
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Bổ sung giai đoạn 2019-2020
	TỔNG SỐ		21,147,952	7,952,083	2,793,922	11,504,201	4,514,239	1,433,809	2,724,676	2,091,260	633,416		
I	DANH MỤC DỰ ÁN CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ		18,325,921	6,350,732	2,793,922	10,361,849	3,421,266	1,433,809	2,097,456	1,464,040	633,416		
1	Đường vào trung tâm xã Cẩm Thăng, huyện Cẩm Xuyên	1528 31/5/2010	63,645	61,645	34,299	30,474	3,000	1,000	2,000	2,000			
2	Kè chống sạt lở bờ sông Rác đoạn qua xã Cẩm Lạc, Cẩm Trung huyện Cẩm Xuyên	3399; 24/10/2011	104,701	92,701		71,500	23,500	5,000	18,000	18,000			
3	Tu bổ, tôn tạo quần thể di tích khu mộ, khu lưu niệm và quảng trường cổ Tổng bi thứ Hà Huy Tập	1112; 04/4/2011	71,502	21,502		48,310	2,000	-	1,500	1,500			
4	Dự án hạ tầng kỹ thuật vùng nuôi tôm trên cát thôn Mỹ Hòa, xã Cẩm Hòa, huyện Cẩm Xuyên	3247; 29/10/2014	24,541	6,041		5,000	1,000	-	1,000	1,000			
5	Dự án: Tu bổ, nâng cấp đê biển, đê cửa sông xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên	454; 24/02/2009	126,320	49,134		90,029	2,408	900	2,134	2,134			
6	Dự án: Tu bổ, nâng cấp đê biển, đê cửa sông Lạc - Hà, huyện Cẩm Xuyên	1178; 06/4/2011	98,042	76,042		33,346	30,758	26,696	38,000	13,000	25,000		
7	Đường giao thông các xã miền núi Cẩm Duệ - Cẩm Thành - Cẩm Bình, huyện Cẩm Xuyên	2882; 05/10/2010	65,319			48,300	8,300	4,500	4,000	4,000			
8	Sửa chữa, nâng cấp đập Khe Lau, xã Cẩm Lĩnh, huyện Cẩm Xuyên	2593; 19/9/2017	23,762	23,762		2,000	19,075	16,335	10,500	10,500			
9	Xử lý sạt lở bờ sông Ngân Mộ đoạn sau hạ lưu trấn xã lũ hồ Kê Ổ, huyện Cẩm Xuyên	1806/QĐ-UBND ngày 01/7/2014	26,852	26,852		19,000	1,950	950	1,000	1,000			
10	Dự án: Đường cứu hộ, cứu nạn và phòng chống bão lụt hồ Kê Ổ	532/QĐ-UBND ngày 25/02/2014	199,000		31,657	117,675	2,000	-	2,000	-	2,000		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lý do số vốn đã bỏ từ kế hoạch đầu tư năm 2015	Nhu cầu bỏ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-UBND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020				Ghi chú
		TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh	TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Bổ sung giải ngân 2019-2020				
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giải ngân 2016-2018					Bổ sung giải ngân 2019-2020			
11	Dự án: Đường vào trung tâm xã Cẩm Nam	856/QĐ-UBND ngày 27/3/2012	36.481	9.631					31.250	1.600	-	1.600	-	1.600			
12	Nâng cấp đường giao thông trục chính xã Cẩm Hoa (tuyến đường 20/7)	4634/21/12/2015	19.990	19.990					2.000	17.990	8.700	8.500	8.500				
13	Đường Giao thông Cẩm Hưng - Cẩm Lạc, huyện Cẩm Xuyên	1246/QĐ-UBND ngày 07/5/2013	49.515	49.515					5.000	43.637	22.000	21.637	20.500	1.137			
14	Đường vào Nhà thờ Nguyễn Đình Liên, huyện Cẩm Xuyên	2879/QĐ-UBND ngày 03/10/2014	9.631	9.631					2.000	6.980	2.500	4.000	4.000				
15	Cầu Chạy Chua và đường hai đầu cầu, huyện Cẩm Xuyên	2779/QĐ-UBND ngày 23/9/2010	36.523	36.523		2974/QĐ-UBND ngày 10/10/2014	43.236	43.236	27.669	7.690	2.000	7.000	7.000				
16	Dự án: Đường vào trại chăn nuôi tập trung xã Cẩm Lạc và xã Cẩm Thăng	1735/QĐ-UBND ngày 20/6/2014	24.520	24.520					17.500	800	-	800	800				
17	Đường giao thông nông thôn liên thôn xã Cẩm Vinh, huyện Cẩm Xuyên	2379/23/6/2015	3.169	3.169					1.500	1.669	-	1.500	1.500				
18	Đường GINT kết hợp vào trang trại chăn nuôi tập trung xã Cẩm Phúc	3510/18/11/2014	2.555	2.555					1.500	1.000	-	1.000	1.000				
19	Đường vào khu chăn nuôi tập trung xã Cẩm Sơn	3041/7/8/2015	3.441	3.441					2.500	535	-	535	535				
20	Nâng cấp đường trục xã kết hợp vào khu chăn nuôi tập trung xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuyên	3115/11/8/2015	15.345	12.000					2.900	9.000	-	9.000	7.500	1.500			
21	Trung tâm dạy nghề Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên (Chương mục Nhà học số 2, 3 tầng 15 lớp)	2147/31/7/2008	6.562	6.562					3.163	3.000	-	3.000	3.000				
22	Nhà học 2 tầng 6 phòng trường MNV xã Cẩm Thành	2339/03/8/2011	3.507	2.607					2.083	1.000	-	1.000	1.000				
23	Đường cứu hộ, cứu nạn Hồ chứa nước Vực Trống	1513/28/5/2010	37.972						25.024	1.700	-	1.700	1.700				
24	Đường từ xã Trường Lạc vào Trung tâm xã miền núi Gia Hạnh, huyện Cẩm Xuyên	1123/4/4/2010	48.532	48.532					14.000	6.883	1.000	7.300	7.300				
25	Đường cứu hộ, cứu nạn các xã vùng trung huyện Cẩm Xuyên	807/23/3/2011	128.070	88.070					74.900	31.979	15.000	16.000	16.000				
26	Đường giao thông nông thôn xã Tùng Lộc	2354/14/8/2014, 3635/26/11/2014	36.448	6.448					26.277	1.481	-	1.000	1.000				
27	Đề sáng Nghien đoạn qua Thị trấn và các xã Thiên Lộc, Vương Lộc, Khánh Lộc	2115/30/6/2011	42.861	4.141					31.800	1.000	-	1.000	1.000				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)			Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tính giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HBND	Bổ sung ngân sách tính giai đoạn 2016-2020			Chi chủ		
		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành		TMDT		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành					TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Trong đó:
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh									
28	Cải tạo, nâng cấp Đường từ TL 7 đi Chùa Hương Tích, huyện can Lộc	2525; 14/12/2005	11,364		3390; 20/10/2011	19,565	1,565	18,572	493	-	73	73				
29	Sửa chữa, nâng cấp đập Miếu Lớn xã Thiên Lộc	3665; 20/11/2013	32,395	14,395				14,254	1,029	-	1,028	1,028				
30	Kế chống sạt lở Kênh T9 thuộc xã Phúc Lộc và xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc	873; 25/3/2011	22,186					17,001	1,538	1,155	383	383				
31	Đường liên xã Khánh Lộc- Gia Hanh, huyện Can Lộc	845; 25/3/2011	42,417	24,417				26,000	5,015	3,500	3,300	3,300				
32	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Khe Trúc	3117; 26/9/2011	60,079	18,675				53,439	4,467	-	4,467	4,467				
33	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Miền núi Thiên Lộc - Phú Lộc	3285; 19/10/2009	184,811		3612; 24/11/2014	201,207	17,207	173,000	3,156	-	3,156	-	3,156			
34	Đường Xổ Viết kéo dài, thị trấn Nghiền, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	3236; 5/10/2011	86,792	86,792				11,000	69,289	15,913	14,000	14,000	39,376			
35	Cầu Đồng Huệ, xã Vương Lộc, huyện Can Lộc	1885/OĐ-UBND ngày 20/5/2015	12,787	12,787				4,000	7,332	2,000	4,649	4,649				
36	Đường vào khu chăn nuôi tập trung, PT kinh tế vùng Trà Sơn xã Phú Lộc, huyện Can Lộc	3059; 15/10/2014	12,765	12,765				4,000	6,557	-	3,500	3,500	3,057			
37	Đường GTNT kết hợp vào trang trại khu chăn nuôi tập trung xã Khánh Lộc (Đường thuận Thăng - Liên Hội)	2657; 12/9/2014	8,446	8,446				7,000	1,275	-	1,060	1,060				
38	Nhà học 3 tầng trường THCS Xuân Diệu	476 18/2/2014	8,650	8,650				5,197	3,128	1,000	2,128	1,000	1,128			
39	Dự án nhà học 2 tầng 10 phòng trường tiểu học V6 Liêm Sơn	2462; 26/7/2011	5,419	900				3,561	500	-	500	500				
40	Đường GTNT liên xã Thanh Lộc - Yên Lộc	2474; 23/8/2010	3,031	3,031				1,400	675	-	675	675				
41	Đường tránh lũ kết hợp sản xuất xã Thường Lộc	4159; 30/10/2015	9,067	9,067				1,500	6,659	-	6,659	6,659				
42	Nâng cấp tuyến đường từ Nhà thờ đi Khu mộ và lên căn cứ địa khởi nghĩa Phan Đình Phùng, huyện Đức Thọ	1240 8/5/2008	83,087	8,387	1327; 12/5/2010	92,208	17,508	76,650	8,177	2,001	6,912	6,912				
43	Đường nối Trung Lương - Yên Hồ - Quốc lộ 8A	3283; 15/11/2010	69,105	34,105				29,325	22,395	-	22,395	3,545	18,850			
44	Nâng cấp trạm bơm và hệ thống tưới, tiêu vùng trọng điểm lúa huyện Đức Thọ	2534; 27/8/2010	121,772	86,772				72,900	27,973	5,500	22,473	20,000	2,473			
45	Đường liên xã Đức Lâm - Đức An - Tân Hương, huyện Đức Thọ	940; 10/4/2014	58,834	23,834				30,000	2,149	1,000	1,149	-	1,149			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Như cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020				Chi chi
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Trong đó:									
46	Đường giao thông nông thôn xã Đức Hòa, huyện Đức Thọ	1992; 17/7/2014; 3638; 26/11/2014	34.272	14.272				13.000	4.141	2.000	2.141	-	2.141				
47	Kè bờ tả sông La đoạn qua xã Trường Sơn và Lèn Minh, huyện Đức Thọ	2018; 17/7/2008	76.196					51.760	4.638	1.800	2.753	2.753					
48	Đường trục chính nối từ Tỉnh lộ 5 vào trung tâm xã Đức Lạng, huyện Đức Thọ	131; 13/01/2010	66.741					40.529	13.842	9.500	6.500	6.500					
49	Hệ thống tưới ứng các xã Tùng Ảnh - Thị trấn - Đức Yên, huyện Đức Thọ	2135; 31/7/2014	53.329	53.329				19.000	30.696	19.688	11.008	9.000	2.008				
50	Cầu Con Vèo xã Trung Lễ	Số 1844 Ngày 26/6/2014	5.319	5.319				3.000	1.340	-	1.339	1.339					
51	Đường GTNT kết hợp vào trang trại chăn nuôi tập trung xã Đức Lạng, Tân Hương, Đức Dũng	2140; 31/7/2014	20.983	20.983				10.000	10.983	-	10.500	10.500					
52	Đường giao thông nông thôn kết hợp vào trang trại chăn nuôi xã Đức An, huyện Đức Thọ	3877, 10/12/2014	31.811	31.811				9.000	15.882	-	15.500	15.500					
53	Nhà học bộ môn Trường THCS Nguyễn Biểu, huyện Đức Thọ.	4326 31/12/2014	4.911	2.947				1.370	1.953	1.000	953	953					
54	Đường phòng tránh lũ Hà Linh - Phương Mỹ, huyện Hương Khê	1603 20/5/2011	71.947	29.647				24.431	38.947	4.500	34.447	4.000	30.447				
55	Dự án tu bổ tôn tạo thành Sơn Phòng-Hầm Nghi và di tích đền Trần Lâm, đền Công Đông	09; 21/2/2008	21.798		3423; 01/11/2013	28.318	6.588	25.048	3.000	-	3.000	3.000					
56	Đường giao thông các xã Hà Linh, Hương Thủy, Hương Giang, Lộc Yên, Hương Đà, Phúc Trạch, huyện Hương Khê (Giai đoạn 1,2,3)	295 5/2/2009	75.520		2289 12/8/2014	134.043	38.523	94.283	36.751	18.407	18.344	15.500	2.844				
57	Đường liên xã từ xóm 13 xã Gia Phố đi vùng Phước Sơn xã Hương Giang	1930; 09/7/2014; 3629; 26/11/2014	21.822	10.000				12.000	1.800	-	1.800	1.800					
58	Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống thủy lợi Khe Con - Hồ Vỹ, xã Hương Giang	33; 06/01/2014	45.472					11.459	17.676	12.500	9.000	9.000					
59	Đường 2 đầu cầu làng sông tiến xã Phú Phong	3614; 4/12/2012	8.040					7.000	338	-	338	338					
60	Khởi phục, sửa chữa Đập Dài, xã Phúc Trạch, huyện Hương Khê	1239; 14/4/2011	14.285					13.000	900	-	900	900					
61	Cầu trần Tân Hòa-xã Hòa Hải	3251; 01/11/2012	17.405	2.005				15.000	436	-	436	436					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao và Nghị quyết 75/NQ-HBND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Chú chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020	
62	Đường cứu hộ, cứu nạn Phúc Đồng - Trúc - Hương Đô - Khe Mây huyện Hương Khê (giai đoạn 1)	1652; 25/5/2011	90,749	24,500			47,000	34,800	-	34,800	27,000	7,800		
63	Đường vào trung tâm xã Hòa Hải, Hương Bình, huyện Hương Khê	2917; 8/10/2010	75,760				60,660	7,131	5,900	1,231	-	1,231		
64	Kè chống sạt lở bờ sông Ngân Sầu đoạn qua xã Hương Trạch, huyện Hương Khê	2360 19/7/2011	46,828	46,828			9,000	31,018	12,000	18,500	18,500			
65	Sửa chữa, nâng cấp Đập chứa nước Cây Chanh - xã Hương Trạch, huyện Hương Khê	2974; 31/7/2015	6,099	6,099			2,800	2,754	-	2,400	2,400			
66	Cầu Trộ, Cầu Đất xã Hương Thủy, huyện Hương Khê	907; 29/10/2014	19,000	8,132			3,000	14,762	8,000	11,762	11,762			
67	Kè chống sạt lở bờ sông Ngân Sầu, đoạn qua xã Lộc Yên, huyện Hương Khê	3418; 01/9/2015	44,736	18,736			4,000	30,758	20,901	14,161	14,161			
68	Đường GT xóm 6, xóm 8 xã Hương Lâm, huyện Hương Khê	1752; 12/5/2015	14,452	12,000			9,000	3,765	-	3,765	-	3,765		
69	Cầu Nhà Rôm và đường giao thông thôn 11, thôn 12 xã Hương Giang, huyện Hương Khê	3989; 15/10/2015	14,486	14,486			6,619	6,726	3,000	3,726	3,726			
70	Đường giao thông nông thôn xã Hương Long (Hlo11), huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	3961 12/12/2014	9,581	9,581			3,000	4,500	1,000	3,300	3,300			
71	Nâng cấp, mở rộng đường Lý Tự Trọng, Nguyễn Huệ thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê	1636; 07/5/2015	10,954	3,000			7,000	2,166	-	2,166	-	2,166		
72	Đường nối từ đường Hồ Chí Minh vào đường trục chính xã Hương Long, huyện Hương Khê	1329/QĐ-UBND ngày 16/4/2015	9,151	6,000			5,000	2,566	2,000	566	566			
73	Đường Phúc Trạch - Hương Liên, huyện Hương Khê	3446; 13/11/2014	79,691	79,691			7,300	64,834	58,250	15,000	15,000			
74	Đường giao thông vào khu tái định cư mới đồng bào dân tộc Chứt, bản Rào Tre, xã Hương Liên	3857; 07/10/2015	36,973	23,000			14,000	19,395	12,000	7,395	-	7,395		
75	Đường vào các khu sản xuất, chăn nuôi tập trung phía Tây xã Phúc Trạch, huyện Hương Khê	1026; 27/3/2015	10,685	7,000			5,000	4,300	-	4,300	4,300			
76	Đường GTNT kết hợp vào trang trại tập trung xã Lộc Yên, Phú Gia	1366; 19/5/2014	11,663	11,663			9,500	1,168	-	1,168	1,168			
77	Đường vào khu trang trại Trạng Neo, Đông Rú xã Phúc Trạch	4005; 22/12/2014	13,500	9,000			4,000	4,731	-	4,500	4,500			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lũy kế số vốn đã bỏ từ kế hoạch công tác năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tài chính quyết nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020				Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMDT					Trong đó:		Bổ sung giải đoạn 2019-2020		
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Đã phân bổ giải đoạn 2016-2018									
78	Đường vào khu trang trại chăn nuôi tập trung xã Hương Giang	25/59; 29/8/2014	6,125	4,800					2,300	3,730	-	3,730	3,730				
79	Nhà học 2 tầng 10 phòng THCS Phú Gia, huyện Hương Khê	3484/QĐ-LUB 14/11/2014	6,461	3,500					2,500	2,933	1,900	1,033	1,033				
80	Đường giao thông đến xã Sơn Bình - Sơn Lễ, huyện Hương Sơn	163; 20/01/2010	104,784	64,784					50,291	47,673	6,551	41,122	4,000	37,122			
81	Xử lý sắt lở bờ sông Ngàn Phố đoạn qua xã Sơn Thịnh, huyện Hương Sơn	3819; 02/12/2009	17,070						2008; 23/6/2011	20,518	-	271	271				
82	Đường Tây Linh Hồng đi Khu di tích Hải Thượng Lãn Ông (Đường vào trung tâm xã Sơn Quang)	3863; 31/12/2008 và 745; 21/3/2011	148,062	78,062					4041; 20/10/2015	172,736	25,107	52,543	41,000	11,543			
83	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 8B nối quốc lộ 8A, huyện Hương Sơn	866/QĐ-LUBND ngày 25/3/2011	138,000	132,000					31,500	38,000	12,000	26,000	16,500	9,500			
84	Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Phố đoạn qua khối 11, TT Tây Sơn và xóm Đông Phái, xã Sơn Tây	1434; 19/5/2009	25,736						24,168	291	-	291	291				
85	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bình Kiề, xã Sơn Hà	2395; 20/7/2011	14,529						13,473	155	-	155	155				
86	Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Phố đoạn qua xã Sơn Ninh	4192; 25/12/2009	16,252						12,747	820	-	820	820				
87	Kè bờ tả sông Ngàn Phố đoạn qua xã Sơn Ninh, huyện Hương Sơn (tuyến 1)	2506; 26/8/2010	27,818						14,000	1,710	-	1,710	-	1,710			
88	Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Phố đoạn qua xã Sơn Giang, huyện Hương Sơn	858; 25/3/2011	32,501						23,000	6,683	-	6,100	6,100				
89	Đập Khe Mỏ, xã Sơn Hà	1731; 01/6/2011	71,051						58,000	4,698	-	6,000	6,000				
90	Kè chống sạt lở sông Ngàn Phố đoạn qua xã Sơn Tân và Sơn Mỹ, huyện Hương Sơn	3937; 28/12/2010	41,681						11,000	22,197	-	22,197	6,000	16,197			
91	Đường ứng cứu lũ xã Sơn Diêm, huyện Hương Sơn	1524; 31/5/2010	102,937						25,177	49,087	18,000	31,087	24,800	6,287			
92	Đường giao thông liên xã Sơn Bình - Sơn Tân, huyện Hương Sơn (Giai đoạn 2)	1651; 16/6/2014	21,434	10,964					9,000	10,160	6,500	5,500	5,500				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tính giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tính giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Trong đó:	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh							
93	Kè chống sạt lở bờ sông Ngân Phố đoạn qua xã Sơn Trung	3925; 28/12/2010	42,956	42,956			13,961	6,150	-	6,150	500	5,650		
94	Cầu Khe Bùn, TT Tây Sơn	1212; 09/4/2011	24,780	24,780			22,000	2,518	-	2,518	2,518			
95	Đường giao thông nông thôn xã Sơn Hòa, huyện Hương Sơn	3329; 13/10/2011	35,892	35,892			22,000	1,500	11,512	1,500	1,500			
96	Đường giao thông liên xã Sơn Bình - Sơn Tân (đoạn Sơn Bình - Sơn Mỹ)	64; 11/01/2008	23,195	23,195			8,941	9,193	-	9,193	7,412	1,781		
97	Đường vào trung tâm xã Sơn Mai, huyện Hương Sơn	1141; 26/04/2010	40,423	423			23,720	9,148	-	8,500	8,500			
98	Đường giao thông liên xã Sơn Hòa - Sơn Thịnh	3289; 31/10/2014	5,445	5,445			3,000	2,251	-	2,251	2,251			
99	Cải tạo, nâng, sửa chữa, nâng cấp tỉnh lộ 8B1, huyện Hương Sơn	1270/QĐ-UBND; 26/6/2001	5,646	5,646			4,500	763	-	763	763			
100	Đường vào khu sản xuất chăn nuôi tập trung vùng kinh tế mới huyện Hương Sơn	2875; 29/9/2013	8,336	8,336			7,000	944	-	710	710			
101	Hệ thống điện vùng chăn nuôi tập trung tại thôn Khe Dầu, xã Sơn Kim 1	3556; 12/11/2013	4,623	4,623			3,500	493	-	493	493			
102	Đường GTNT kết hợp phục vụ sản xuất xã Sơn Thịnh, huyện Hương Sơn (tuyến vào các thôn Tân Thịnh, Đại Thịnh, Hưng Thịnh)	3777/QĐ-UBND; 30/9/2015	11,983	11,983			2,000	8,200	-	8,200	8,200			
103	Đường vào khu sản xuất tập trung xã Sơn Long, Sơn Lâm, huyện Hương Sơn	4355; 31/12/2014	7,244	7,244			3,000	4,000	-	4,000	4,000			
104	Ứng dụng CNTT trong CCHC huyện Hương Sơn	3541/QĐ-UBND; 19/11/2014	2,608	2,608			1,000	1,608	-	1,608	-	1,608		
105	Nhà học 2 tầng 10 phòng Trường THCS Phố Diệm, huyện Hương Sơn	3236/QĐ-UB 29/10/2014	6,482	6,482			3,000	2,762	2,300	462	462			
106	Nhà học 2 tầng 8 phòng Trường THCS Phan Đình Phùng, huyện Hương Sơn	3238/QĐ-UB 29/10/2014	5,749	5,749			2,000	3,069	-	3,069	3,069			
107	Nhà học 2 tầng 8 phòng Trường THCS Hồ Tùng Mậu, huyện Hương Sơn	3237/QĐ-UB 29/10/2014	5,705	5,705			3,000	2,200	-	2,200	2,200			
108	Ứng dụng CNTT trong CCHC huyện Hương Sơn	1049/QĐ/UBND D, 30/3/2015	2,600	2,600	Không		2,600	2,600	-	2,600	-	2,600		
109	Đường đi dân vùng lũ xã Kỳ Thọ, huyện Kỳ Anh	1789; 22/6/2010	97,503	67,503			18,500	76,930	15,000	61,930	60,500	1,430		
110	Cung cấp, nâng cấp đê Kỳ Thọ, huyện Kỳ Anh (hỗ trợ XL)	2374; 19/7/2011	164,260	79,260	4078; 22/10/2015	174,670	110,955	26,604	25,433	1,000	1,000			
111	Cung cấp, nâng cấp đê Hải - Thu, huyện Kỳ Anh	583; 08/3/2011	211,298	106,298	2222; 10/8/2016	219,209	170,200	44,094	29,000	15,000	15,000			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lấy kế số vốn đã bỏ từ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Chi chi
		TMĐT		TMĐT		TMĐT		Trong đó:								
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tài cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tài cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tài cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018				Bổ sung giai đoạn 2019-2020			
112	Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Cây Trâm xã Kỳ Sơn	3989/ 10/12/2013	14,351					-	2,351	-	2,351	-	2,351			
113	Dự án quy hoạch bố trí sắp xếp ổn định dân cư vùng sát bờ hai bờ sông Rào Trỏ, xã Kỳ Thượng, huyện Kỳ Anh	4016/ 19/12/2011	38,742	11,623				30,400	1,545	-	1,545	-	1,545			
114	Đường từ trung tâm xã Kỳ Bắc đi Cẩm Lĩnh, huyện Kỳ Anh	2126/ 31/7/2014	8,260	8,260				2,900	4,860	-	4,500	4,500				
115	Đường giao thông liên xã Đất Đỏ - Thiệu Điền, nối liền từ Kỳ Giang đi Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh	2970/QĐ-UBND ngày 21/10/2008	25,957	25,957	2152/QĐ-UBND ngày 17/7/2013	59,959	59,959	37,000	15,000	12,000	3,000	3,000				
116	Cầu trần Bến Xái, xã Kỳ Thượng, huyện Kỳ Anh	409/QĐ-UBND ngày 29/01/2015	20,876	20,876				16,009	4,700	4,000	700	700				
117	Đường vào khu sản xuất chăn nuôi Cồn Mụ, xã Kỳ Phương, huyện Kỳ Anh	2173/QĐ-UBND ngày 05/6/2015	6,692	6,692				2,000	3,999	-	3,915	3,915				
118	Trạm y tế xã Kỳ Phong	2368/QĐ-UBND ngày 15/8/2014	3,600	1,800				690	1,000	-	1,000	1,000				
119	Nhà làm việc 02 tầng, Trạm y tế xã Kỳ Tiên, huyện Kỳ Anh	1379/QĐ-UBND ngày 21/4/2015	3,812	1,906				320	1,906	-	1,010	1,010				
120	Trụ sở làm việc tạm thời của Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ và một số cơ quan đoàn thể huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	1790/QĐ-UBND ngày 14/05/2015	10,050	10,050				5,000	4,463	463	4,000	4,000				
121	Dự án củng cố nâng cấp đê biển, đê của sông kết hợp giao thông dọc bờ biển huyện Lộc Hà (gđ1)	1583/9/6/2008	138,841	93,841				67,872	10,290	9,500	205	205				
122	Nâng cấp đường giao thông liên xã huyện Lộc Hà	3864/ 31/12/2008 4442/ 31/11/2015	104,299	36,817				16,600	11,000	-	11,000	-	11,000			
123	Đường cứu hộ, cứu nạn cho nhân dân các xã ven biển huyện Lộc Hà	3920/ 27/12/2010;	180,641		3246/ 29/10/2014	123,170	123,170	19,557	103,633	14,207	89,426	-	89,426			
124	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh lộ 9, đoạn từ cầu Hộ Độ đến trung tâm huyện Lộc Hà	3165 03/12/2007	214,438		4168 23/12/2013	482,742	96,425	436,003	33,954	26,085	7,869	6,681	1,188			

STT	Danhs mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tình hình giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tình hình giai đoạn 2016-2020			Chú chú	
		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành		TMDT		TMDT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó: Ngân sách tình hình	TMDT	TMDT	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020								
125	Hệ thống điện chiếu sáng khu vực trung tâm hành chính huyện Lộc Hà và các cụm dân cư dọc TL9 (GD II)	1495; 30/5/2014; 3647; 26/11/2014	43,867				27,000	3,208	2,184	1,024	-	1,024			
126	Trung tâm Dạy nghề - Hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên huyện Lộc Hà	1757; 19/06/2012	38,759	18,759			16,138	4,000	3,000	1,000	1,000				
127	Củng cố nâng cấp đề tài nghiên cứu từ K16+300 đến K26+00	471; 20/2/2008	81,263				66,628	424	-	424	424				
128	Kế biến chống xâm thực huyện Lộc Hà đoạn từ K3+00 đến K11+105 thuộc địa bàn xã Thạch Bàng và Thạch Lộc	2088; 23/7/2012	311,569	37,803			280,109	21,996	-	21,996	20,263	1,733			
129	Đường vào khu sản xuất chăn nuôi tập trung xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà	83; 08/01/2015	6,495	6,495			5,500	354	-	354	354				
130	Nhà học 3 tầng, 15 phòng, Trường THCS Bình An Thịnh, huyện Lộc Hà	2093; 29/7/2014	7,650	7,650			4,500	2,915	2,415	500	500				
131	Đường giao thông liên xã Tiên Điền - Xuân Yên	3268; 12/11/2010	35,560	5,560	41,213	41,213	31,163	9,050	8,000	1,050	-	1,050			
132	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật vùng nuôi tôm trên cát các xã Xuân Đan - Xuân Phố - Xuân Hải, huyện Nghi Xuân	3248; 29/10/2014	24,267	6,267			5,094	1,621	-	1,400	1,400				
133	Nâng cấp tuyến đê Hội Thống, đoạn từ K0+00 đến K5+00, huyện Nghi Xuân	2826; 28/9/2010 275; 01/2/2016	109,219	57,219			65,364	2,095	474	1,619	1,619				
134	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Xanh nước xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân	2602/QĐ-UBND ngày 07/7/2015	6,359	6,359	5,613	5,613	1,000	4,544	-	4,544	3,500	1,044			
135	Sửa chữa, nâng cấp đường Con Hò xã Xuân Đan, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	3793; 05/12/2014	9,933	9,933			2,000	6,812	4,863	3,500	3,500				
136	Đường tránh lũ cho xã Xuân Hồng đi qua thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân	3936; 12/12/2014	11,525	11,525			2,000	8,029	2,000	8,000	8,000				
137	Đường giao thông nông thôn giữa Đông Kỳ đi Đông Trám vào khu trồng rau sạch công nghệ cao xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân	1205; 09/4/2015	9,374	9,374			5,000	4,374	800	3,500	3,500				
138	Đường vào Khu nuôi trồng thủy sản xã Cương Gián, Hệ thống điện vào trang trại chăn nuôi bò lợn tập trung xã Xuân Mỹ, huyện Nghi Xuân	1513/QĐ-UBND ngày 27/4/2015	6,575	6,575	6,522	6,522	1,500	4,693	-	4,693	4,693				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lý do kết số vốn đã bố trí từ thời công tác đến hết năm 2015	Như cầu bố sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020				Chi chi
		TMĐT		TMĐT		TMĐT		Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020		
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh										
139	Đường GTNT kết hợp vào trang trại chăn nuôi tập trung xã Xuân Mỹ và Hệ thống điện NTTS xã Xuân Phố, Xuân Trường	2286; 12/8/2014	11.344	11.344					8.500	1.391	-	1.391	1.391				
140	Đường trục ngang ra biển và vào khu chăn nuôi tập trung, sản xuất rau củ quả công nghệ cao xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân	4147; 28/10/2015	10.516	10.516					2.000	6.738	4.918	2.500	2.500				
141	Đường trục chính xã Xuân Liên kết hợp vào khu sản xuất nuôi trồng thủy sản	1909; 21/5/2015	9.768	9.768					3.000	5.000	-	5.000	5.000				
142	Ứng dụng CNTT trong CCHC huyện Nghi Xuân	1049/QĐ-UBND; 30/3/2015	3.076	3.076					1.000	2.076	-	2.076	200	1.876			
143	Cải tạo, nâng cấp Nhà Văn hóa Nguyễn Du, huyện Nghi Xuân	733, 27/2/2015	6.266	6.266					4.977	925	-	925	925				
144	Nhà hiệu bộ trường THCS Tiên Yên xã Tiên Điền	3369 ngày 6/11/2014	4.640	4.640					2.150	2.000	-	2.000	2.000				
145	Nhà học 2 tầng 10 phòng Trường THCS Đan Trường Hội, huyện Nghi Xuân	3714/QĐ-UBND 12/01/2014	4.890	4.890	2122/QĐ-UBND ngày 13/10/2015	4.687	4.687		2.000	2.107	1.000	1.107	1.107				
146	Nhà học 2 tầng 16 phòng, Trường THCS Cương Gián, huyện Nghi Xuân	1398 ngày 21/4/2015	9.226	9.226					3.000	5.000	3.000	2.000	2.000				
147	Nhà làm việc 02 tầng, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nghi Xuân	157/QĐ-UBND ngày 13/01/2015	3.268	3.268					1.000	1.805	-	1.805	1.805				
148	Nhà học 2 tầng 10 phòng Trường Mầm non xã Xuân Hồng, huyện Nghi Xuân	1633/QĐ-UBND ngày 07/5/2015	10.441	10.441					4.000	5.214	2.000	3.214	3.214				
149	Trạm Y tế xã Xuân Phố, Nghi Xuân	2512/QĐ-UBND 30/6/2015	3.810	3.810					1.846	1.589	-	800	800				
150	Sửa chữa, cải tạo, mở rộng trụ sở huyện ủy Nghi Xuân	3016; 005/8/205	6.750	6.750					2.000	3.500	2.000	1.500	1.500				
151	Ứng dụng CNTT trong CCHC huyện Nghi Xuân	1049/QĐ/UBND D. 30/3/2015	3.076	1.538					2.800	1.538	-	1.538	-	1.538			
152	Đường giao thông xã Thạch Liên	1124; 03/4/2011	39.400						17.078	20.230	12.999	8.000	8.000				
153	Trung tâm dạy nghề huyện Thạch Hà	1586; 19/5/2011	34.682						17.936	2.226	-	1.753	1.753				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tình hình giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tình hình giai đoạn 2016-2020			Ghi chú		
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành					TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh									
154	Đường vào trung tâm các xã Thạch Điền, Nam Hương, Thạch Hương, Thạch Xuân, huyện Thạch Hà	2212; 30/7/2010	169,563	97,063			63,839	19,397	11,276	8,000	8,000					
155	Dự án hạ tầng kỹ thuật vùng nuôi tôm trên cát xã Thạch Lạc, Thạch Trì, huyện Thạch Hà	3222/QĐ-UBND; 30/10/2012	12,500	1,250			9,731	781	-	781	781					
156	Nâng cấp đê Hữu Phú huyện Thạch Hà đoạn từ K0+00 đến K10+00	3792; 21/12/2010	192,561	147,561			153,944	41,541	7,500	34,041	29,000	5,041				
157	Tiền dự án hồ chứa nước Khe Giao thuộc hệ thống thủy lợi Khe Giao, huyện Thạch Hà (gọi là 02-XL)	227/QĐ-UBND; ngày 22/01/2010	112,037	-	2732/QĐ-UBND ngày 15/7/2015	137,990	112,037	25,953	11,000	18,000	18,000					
158	Đường giao thông liên thôn xã Thạch Đài, huyện Thạch Hà	356; 24/01/2014	4,963	4,963			1,463	3,500	2,500	1,000	1,000					
159	Đường vào trung tâm xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà	1208; 09/4/2015	14,294	14,294			2,000	5,532	3,500	3,500	3,500					
160	Đường GTNT xã Thạch Tiến, huyện Thạch Hà	1228/QĐ-UBND ngày 13/4/2015	6,937	6,937			4,278	2,136	2,000	136	136					
161	Đường giao thông nông thôn kết hợp vào khu chăn nuôi tập trung xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà	4139/QĐ-UBND; ngày 28/10/2015	14,987	14,987			2,000	9,988	5,543	4,400	4,400					
162	Đường giao thông nông thôn kết hợp đường vào khu sản chăn nuôi tập trung xã Thạch Điền, Thạch Vĩnh	2472; 25/8/2014	11,068	11,068			9,000	582	-	582	582					
163	Đường vào khu chăn nuôi tập trung xã Nam Hương.	2950; 28/10/2014	3,138	3,138			1,485	1,441	-	1,441	1,441					
164	HT giao thông kết hợp vào các khu sản xuất, chăn nuôi xã Thạch Khê, huyện Thạch Hà	3832; 05/12/2014	38,065	26,646			4,000	26,966	-	26,966	26,966					
165	Đường giao thông dân sinh kết hợp phục vụ các vùng sản xuất tập trung xã Tương Sơn, huyện Thạch Hà	3835; 05/12/2014	33,061	23,143			4000	23,143	-	23,000	23,000					
166	Trường THCS Tân Lâm, huyện Thạch Hà	834; 25/3/2011	8,066	5,600			5,600	2,296	-	2,296	2,296					
167	Nhà làm việc 02 tầng, Trạm y tế xã Thạch Thanh, huyện Thạch Hà	633 11/2/2015	3,582	1,791			1,200	1,791	-	1,400	1,400					
168	Hệ thống mương thoát nước thải và trạm xử lý nước thải tại Cụm công nghiệp Phú Việt, huyện Thạch Hà	460/QĐ-UBND ngày 03/01/2015	12,271	12,271			11,200	1071	-	1,071	-	1,071				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)			Lấy kế số vốn đã bỏ từ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Chú chú
		TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh	TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh				Trong đó:			
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Bổ phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giải đoạn 2019-2020	
169	Đường vào trung tâm cáo xã Thạch Trung, Thạch Hạ - TP Hà Tĩnh	3120; 27/10/2010 867, 25/3/2011	67.703	6.771	1833; 19/6/2018	103.672	76.445	31.000	62.602	37.660	24.942	20.000	4.942	
170	Hệ thống tiêu thoát lũ xã Thạch Trung	1637, 25/5/2011	22.915					7.923	739	-	739	739		
171	Đê phía Tây bờ tả sông Phú, đoạn từ cầu Nhũ đến cầu Phú, thành phố Hà Tĩnh (còn bộ dự án)	3399, 28/10/2009	67.139	15.639				27.012	3.838	3.400	438	438		
172	Cung cố, nâng cấp tuyến đê Đông Môn đoạn từ cầu Cây đến cầu Phú, thành phố Hà Tĩnh (đoạn từ K11+263 đến K15+585)	2414, 11/9/2007 3433, 04/9/2015	151.352	101.352				19.521	45.138	29.824	15.314	14.019	1.295	
173	Đê Trung Lĩnh đoạn từ Cầu Đông đến cầu Cây, thành phố Hà Tĩnh	336; 04/02/2010	54.873	5.523	4101; 23/12/2014	66.571	17.221	56.000	8.197	5.197	3.000	3.000		
174	Đường Ngõ Đốc Kế	790; 31/5/2011	34.832	34.832				23.329	1.392	-	1.392	-	1.392	
175	Đường Xuân Diệu đoạn từ Đường 70 đến đường Vành đai KĐT Bắc	1325; 10/9/2013	24.758	24.758				14.000	10.000	-	10.000	1.241	8.759	
176	Nâng cấp, mở rộng đường Môn - Đình, thành phố Hà Tĩnh	1946; 10/7/2014	14.365	14.365				5.500	6.951	2.950	4.000	4.000		
177	Đường nối từ đường Nguyễn Biền đến đường Võ Liên Sơn kéo dài, thành phố Hà Tĩnh	3858/QĐ-UBND ngày 07/10/2015	5.995	5.995				500	5.095	-	5.000	5.000		
178	Phục hồi và phát huy giá trị di tích Văn Miếu Hà Tĩnh	2067, 15/7/2010	74.900	74.900				9.640	10.000	5.000	5.000	5.000		
179	Trường Tiểu học Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh	3383/QĐ-UBND ngày 07/11/2014	10.200	10.200				5.000	4.185	2.900	2.200	2.200		
180	Trường Tiểu học Nam Hà	2133/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của UBND thành phố	11.968	11.968				2.000	4.000	-	4.000	4.000		
181	Trung tâm văn hóa thị xã Hồng Lĩnh	2856 28/9/2010	36.103	6.103	3940, 17/11/2014	64.798	34.798	54.050	4.302	3.302	1.000	1.000		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lý do số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NO-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020		Ghi chú	
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018		Bổ sung giai đoạn 2019-2020
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh									
182	Nâng cấp mở rộng đường 3/2	2022; 12/7/2010	135,216	105,216					100,170	24,780	14,722	15,802	15,802			
183	Nâng cấp, mở rộng đường 19/5	2854; 28/9/2010	56,316	36,316					25,195	12,635	10,466	1,500	1,500			
184	Đường vào trung tâm Phường Đức Thuận, thị xã Hồng Lĩnh	3232; 5/10/2011	38,454	38,454					29,748	3,391	1,200	2,191	1,000	1,191		
185	Đường Song Trạng, thị xã Hồng Lĩnh	1580; 9/5/09	143,996		2276; 12/8/2014	173,393	29,397		151,355	13,669	-	13,669	2,000	11,669		
186	Hồ chứa nước Đa Bặc, thị xã Hồng Lĩnh	1817; 23/6/2011	29,992	29,992					27,125	1,280	-	1,279	1,279			
187	Đường GTNT kết hợp vào trang trại chăn nuôi tập trung xã Thuận Lộc	4003; 16/12/2014	5,365						4,000	1,000	-	1,000	1,000			
188	Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm thương mại tổng hợp, siêu thị thị xã Hồng Lĩnh	1994; 30/5/2014	99,354	99,354					82,685	8,199	-	8,199	3,000	5,199		
189	Nhà học 2 tầng 8 phòng Trường THCS Tân Hòa, huyện Kỳ Anh	3716/QĐ-UB 01/12/2014	4,080	2,400					2,400	1,072	-	1,072	1,072			
190	Trường THPT Cù Huy Cận	789; 23/3/2010	41,965		4073; 21/12/2011	60,185			36,916	1,083	-	642	642			
191	Dự án Đường Hòa Duyệt, Rủ Nón, Đức Lĩnh, Đức Bông, Đức Hương, Hương Thọ, Cửa Rào huyện Vũ Quang	3395; 23/11/2010	184,997	36,999					47,813	26,744	17,881	13,500	13,500			
192	Đường vào trung tâm các xã Ân Phú, Đức Giang huyện Vũ Quang kết hợp cứu hộ cứu nạn trong mùa mưa lũ	3603; 08/12/2010	110,130	70,130					87,029	2,000	-	2,000	2,000			
193	Hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp tập trung huyện Vũ Quang	1734; 01/6/2011	157,628	152,628	846; 28/3/2014	67,965	62,965		35,700	3,452	1,400	2,052	1,000	1,052		
194	Kê sông Ngân Sâu đoạn qua xã Ân Phú	2505; 26/8/2010	22,909						17,929	768	-	331	331			
195	Kê sông Ngân Trươi đoạn qua Thị trấn Vũ Quang	1978; 01/7/2009	35,384						30,500	1,500	-	1,500	1,500			
196	Đường cứu hộ, cứu nạn các xã Đức Bông, Đức Lĩnh, Đức Giang, Ân Phú huyện Vũ Quang	3958; 30/12/2010	143,449						43,100	18,039	6,500	11,800	11,800			
197	Kê chống sạt lở bờ sông Ngân Sâu đoạn qua xã Đức Lĩnh huyện Vũ Quang	266; 20/01/2012	83,719						75,000	1,048	-	1,048	-	1,048		
198	Kê chống sạt lở bờ sông Ngân Trươi đoạn qua Thị trấn Vũ Quang (giai đoạn 2)	1260; 12/5/2014	19,622						9,000	4,386	2,500	1,500	1,500			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lấy kế số vốn đã bố trí từ kết công đơn hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020				Ghi chú
		TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh	TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Bổ sung giải đoạn 2019-2020				
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Đã phân bổ giải đoạn 2016-2018	Bổ sung giải đoạn 2019-2020								
199	Đường Tỉnh lộ 5 đoạn qua Thị trấn Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Quang	1274- 19/4/2011	14.956	14.956	-	-	13.000	1.746	-	1.746	1.746	-	-	-	-	-	
200	Đường GTNT xã Hương Thọ, huyện Vĩnh Quang (tuyến từ thôn 4 đi thôn 5)	2410- 24/6/2015	12.617	-	-	-	2.500	8.804	5.200	3.530	3.530	-	-	-	-	-	
201	Đường Chợ Bông Sơn Mai đi trường Chu Huy Cận	1489- 25/4/2015	3.948	3.948	-	-	3.000	220	-	220	220	-	-	-	-	-	
202	Đường giao thông nội thị thị trấn Vĩnh Quang	3451- 13/11/2014	38.569	38.569	-	-	8.780	23.858	19.390	4.468	4.468	-	-	-	-	4.468	
203	Đường giao thông nông thôn kết hợp vào các vùng chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp xã Đức Lĩnh, huyện Vĩnh Quang	3980- 15/10/2015	9.000	9.000	-	-	1.500	5.000	-	5.000	5.000	-	-	-	-	-	
204	Đường vào khu sản xuất, chăn nuôi tập trung Khe Nặc Nậy xã Sơn Thọ, huyện Vĩnh Quang	2283- 12/8/2014	24.603	24.603	-	-	18.000	4.035	1.200	2.700	2.700	-	-	-	-	-	
205	Đường vào Khe Nhà Xuy xã Đức Bông, huyện Vĩnh Quang	596- 09/02/2015	9.221	9.221	-	-	3.000	1.989	-	1.989	1.989	-	-	-	-	-	
206	Đường liên thôn Tiên Yên, Bình Yên, Thanh Sơn xã Đức Lĩnh, huyện Vĩnh Quang	731- 27/02/2015	11.362	11.362	-	-	3.311	5.711	-	5.711	5.711	-	-	-	-	-	
207	Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Bộc Nguyễn	78- 7/1/2011	183.601	63.601	906- 07/4/2014	209.000	89.000	156.000	38.785	28.811	13.000	13.000	-	-	-	-	
208	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống phục vụ sản xuất lâm nghiệp, phát triển rừng và bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng (giai đoạn 1)	3225- 31/10/2012	59.620	-	-	-	27.673	13.773	7.500	6.273	5.000	-	-	-	-	1.273	
209	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Con Trôi - Con Song, huyện Hương Khê	965- 10/4/2014	26.207	-	-	-	-	2.957	2.000	2.353	2.353	-	-	-	-	-	
210	Hồ chứa nước thượng nguồn Sông Tré, xã Kỳ Hoa	1450- 21/7/2005	87.121	-	2488/QĐ- UBND ngày 08/9/2008	190.820	152.193	9.029	7.500	975	975	-	-	-	-	-	
211	Tiền dự án hồ chứa nước Khe Xai, Hệ thống thủy lợi Khe Giao, huyện Thạch Hà	3627, 16/11/09; 472, 10/02/10; 2929, 07/9/11	171.946	43.139	3977/QĐ- UBND,	206.565	77.758	176.605	23.686	10.000	13.500	13.500	-	-	-	-	
212	Dự án Quản lý Rủi ro thiên tai tài trợ bổ sung vốn vay WB4-HP3	643/ QĐ- UBND tỉnh, ngày 14/3/2013	72.245	12.245	-	-	62.572	5.384	-	5.384	-	-	-	-	-	5.384	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)			Lũy kế số vốn đã bỏ từ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tình hình giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tình hình giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Trong đó:	
213	Dự án nắn chuyển kênh N1-9, khu đô thị Bắc thành phố Hà Tĩnh (Đoạn từ K8+707 đến K10+828,7)	2153/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	18,799				14,999	219	-	219	219			
214	Đường phục vụ quản lý phát triển rừng, phòng chống cháy rừng kết hợp cứu hộ hồ Thương Túy	3863/04/12/2013	14,727				12,000	324	-	324	324			
215	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Hà Tĩnh	3985/QĐ-UBND ngày 10/12/2013; 1428; 26/5/2014	561,900	84,285			15,000	26,435	22,244	4,191	4,191		4,191	
216	Trường Tiểu học Sơn Tây, huyện Hương Sơn	Số 3866/QĐ-UBND ngày	5,650	-			4,530	566	-	565	565			
217	Đường và kè bờ sông Ngân Phố đoạn từ cầu Tây Sơn đến xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 2)	3254; 30/10/2014	79,163	31,665			47,498	9,100	7,000	4,500	4,500		4,500	
218	Nhà liên hợp cửa khẩu quốc tế Cầu Treo kết hợp Quốc môn, huyện Hương Sơn	136; 13/01/2014	225,388	90,975	214,433	64,330	158,000	56,433	17,000	41,413	41,413		41,413	
219	Đường trục ngang và đường điện 35KV Khu công nghiệp Gia Lạch, huyện Nghi Xuân	564; 07/11/2014	14,724				5,895	8,829	-	8,829	8,829		8,829	
220	Đường và cầu vào khối 9 thị trấn Tây Sơn, huyện Hương Sơn	159/QĐ-BQL ngày 14/12/2010	6,261	1,513			2,800	2,000	1,269	730	730		730	
221	Đường từ đường vào nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I đến cầu Hòa Lộc và Cầu Hòa Lộc	251/QĐ-KKT ngày 26/4/2010	128,693		139,031		135,527	1,672	-	1,672	1,672		1,672	
222	Đường Giao thông giữa 2 CK Cầu Treo (Việt Nam) - Nặm Phao (Lào), đoạn thuộc lãnh thổ Việt Nam	1525/QĐ-UBND; 30/5/2012	58,224				41,800	2,600	-	2,600	2,600		2,600	
223	Hệ thống điện chiếu sáng trục đường QL1A phần còn lại từ xã Kỳ Trinh đến Kỳ Phương	3867; 04/12/2013	30,720	-			12,000	11,225	-	11,225	11,225		8,000	3,225
224	Hệ thống điện chiếu sáng trục đường QL12 phần còn lại từ KCN I đến cầu cảng Vũng Áng	3866; 04/12/2013	16,002	-			6,900	2,634	-	2,634	2,634		-	2,634

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				1 lần kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Như cần bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020				Chi chi
		TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh	TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Bổ sung giai đoạn 2019-2020				
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018								
225	Dự án: Hà đàng trung tâm Khu du lịch Xuân Thành, huyện Nghi Xuân	3395; 31/10/2013	39,826	17,641			24,248	14,640	6,500	7,500	7,500						
226	Đường vào Khu du lịch Cửa Thà - Trại Tiên, huyện Cẩm Lộc	2549, 30/8/2010	90,719	61,719			76,000	9,547	3,900	5,000	5,000						
227	Đường ứng cứu hộ Kê Gổ, huyện Cẩm Xuyên	884, 28/3/2010	127,252	38,176			99,000	23,265	16,000	7,000	7,000						
228	Đường nối QL 1A đến Mỏ sắt Thạch Khê	1969, 14/8/2006	524,818	143,208			481,823	95,869	88,072	7,797	-	7,797					
229	Đường ven biển Xuân Hội - Thạch Khê - Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 1)	2117, 30/7/2008	984,244	13,000			903,713	43,391	40,000	3,391	-	3,391					
230	Đường miễn phí liên huyện Hồng Lĩnh - Cẩm Lộc - Lộc Hà	3073, 15/10/2010	157,315	13,000			30,000	31,000	24,890	6,110	1,000	5,110					
231	Công trình tuyến đường ống cấp nước số 2 từ đập phụ II Kê Gổ về hồ chứa nước Bộc Nguyễn	2446/QĐ- UBND ngày 25/6/2015	33,314	33,314			13,000	16,564	8,160	8,000	8,000						
232	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	2761/QĐ- UBND ngày 24/9/2014	10,024				5,300	500	-	500	500						
233	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Thạch Tân, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	1313/QĐ- UBND ngày 15/5/2014	18,235				6,500	4,382	-	4,382	500	3,882					
234	Mở rộng mạng lưới công trình cấp nước Nhà máy nước Bắc Cẩm Xuyên cho xã Cẩm Vinh, huyện Cẩm Xuyên	3781/QĐ- UBND ngày 05/12/2014	13,467				1,500	8,600	-	8,300	8,300						
235	Mở rộng mạng lưới công trình cấp nước Nhà máy nước Bắc Cẩm Xuyên cho xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Xuyên	2501/QDD- UBND; 27/8/2014	10,781				5,500	2,586	-	2,500	2,500						
236	Mở rộng mạng lưới công trình cấp nước Nhà máy nước Bắc Cẩm Xuyên cho xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Xuyên	2768/QDD- UBND; 24/09/2014	14,995				5,500	5,000	-	5,000	5,000						
237	Hệ thống xử lý nước thải Khu ký túc xá sinh viên Trường Đại học Hà Tĩnh.	3700/QĐ- UBND ngày 23/9/2015	8,457	8,457			3,000	4,963	450	4,500	4,500						

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)			Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tính giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016 -2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tính giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: Ngân sách tỉnh				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020	
238	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước huyện Đức Thọ (giai đoạn 2)	1368; 17/5/2010		36,449			31,150	2,729	2,200		1,000			
239	Thư viện tỉnh	3131 6/11/2008		30,015	7,015	18,481	32,096	4,386	4,000		239			
240	Đường vành đai kiểm soát đường tránh tại Khu di tích Ngã ba Đồng Lộc (giai đoạn I)	2065; 28/7/2014		29,884			8,000	11,500	9,044		2,000			
241	Dự án đầu tư Tu bổ, tôn tạo đền thờ Ngô Phúc Vạn, thị trấn Nghiền, huyện Can Lộc	534; 27/02/2012		10,903			6,864	1,200	-		1,200			
242	Sửa chữa, cải tạo công trình Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh.	1698 8/5/2015		7,200	7,200		6,000	1,170	1,128		1,170			
243	Khu trưng niệm đồng chí Lý Tự Trọng	2461/QĐ-TN ngày 23/9/2011		83,000	23,066		61,800	6,450	4,500		1,850			
244	Trạm kiểm định đo lường chất lượng tại Khu kinh tế Vũng Áng	4208/QĐ-UBND; 24/12/2013		23,264	23,264		3,049	20,215	15,000		5,000			
245	Nâng cao năng lực của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ Hà Tĩnh	2021/QĐ-UBND; 05/7/2013		98,694	98,694	98,483	18,700	77,720	63,693		14,000			
246	Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	4310 31/12/2014		3,992	3,992		1,000	2,992	1,700		603			
247	Ứng dụng chữ ký số	260; 17/12/2014		1,853	1,853		1,600	108	-		108			
248	Xây dựng một số Trạm truyền thanh không dây cho 1 số xã khó khăn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2015	2060; 29/5/2015		2,259	2,259		2,000	223	-		223			
249	Ứng dụng CNTT trong CCHC tại VP UBND tỉnh và Văn phòng các Sở Ban, ngành; UBND cấp huyện.	2511; 30/6/2015		9,848	9,848		6,500	2,957	-		2,000			
250	Ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính tại Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh	4195; 02/11/2015		4,195	3,166		1,023	3,172	172		3,000			
251	Số hóa, tin học hóa và phát sóng qua vệ tinh của Đài TT-TH tỉnh Hà Tĩnh (GĐ I)	2369; 15/8/2012		57,873	57,873		32,036	20,050	-		20,050			3,050
252	Dự án Xây dựng công trình Trường Đại học Hà Tĩnh (giai đoạn I)	3472; 24/12/2010		1,497,966		308,465	309,825	25,768	18,499		6,060			1,209

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lũy kế số vốn đã bỏ từ khi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
		TMĐT		TMĐT		Trong đó:										
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020							
253	Dự án Cơ sở đào tạo Cao đẳng nghề Vũng Áng - (Giai đoạn 1)	3043; 19/10/2010	519,133		3755; 28/9/2015	189,735		146,900	7,007	-	7,007	4,846	2,161			
254	Cải tạo, nâng cấp Trường Cao đẳng Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Du	2125 30/6/2011	77,954	77,954				16,150	17,378	10,500	6,878	4,700	2,178			
255	Trung tâm dạy nghề huyện Hương Khê	1232 14/04/2011	31,808	308	2456/QĐ 23/8/2012	39,200	7,700	32,500	5,371	2,800	2,000	2,000				
256	Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh (giai đoạn 1)	3304; 02/11/2011	62,417	35,417	3036; 13/10/2014	113,800	86,800	76,500	25,092	14,000	12,500	12,500				
257	Xây dựng Khu ký túc xá Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh	3270/QĐ-UBND 19/10/2009	67,804	1,954	390/QĐ-UBND 28/01/2015	80,924	15,074	66,850	13,235	6,823	6,412	5,000	1,412			
258	Dự án Khu ký túc xá sinh viên Đại học Hà Tĩnh	3535/QĐ-UBND ngày 9/11/2009	433,175	111,252	37/QĐ-UBND ngày 6/1/2011	586,501	222,974	317,877	9,064	5,200	3,848	3,848				
259	Dự án kênh tiêu úng đường GTND, nân kênh N33, N335 Đại học Hà Tĩnh	3397/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	17,814	15,000				15,587	1,098	-	500	500				
260	Đã xây dựng Cơ sở đào tạo nghề của Trung tâm giới thiệu việc làm Hà Tĩnh	2624; ngày 08/9/2010	52,804					9,536	5,312	-	5,312	5,312				
261	Dự án sửa chữa, nâng cấp Trường Chính trị Trần Phú	3205; 13/8/2015	15,317	15,317				991	12,623	9,000	3,623	3,623				
262	Dự án nghề trong đêm Trường trung cấp Kỹ nghệ Hà Tĩnh	519/QĐ/UB-CN; 20/3/2003	37,643		3387/QĐ-UBND; 31/10/2013	37,643	37,643	25,721	8,185	4,000	3,500	3,500				
263	Trường trung cấp nghề Hà Tĩnh	2034; 31/7/2007	59,417		1600; 03/6/2009; 419; 06/02/2014	66,937	7,520	31,802	9,055	7,734	1,358	1,358				
264	Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên ngành giáo dục Hà Tĩnh	2258; 13/8/2008	18,150	18,150	1021; 05/4/2011	23,938	23,938	16,500	2,330	2,130	200	200				
265	Dự án trường THPT Năng khiếu tỉnh	2740; 29/11/2006	59,740	59,740	3112; 11/8/2015	89,136	89,136	70,433	13,575	6,400	6,500	6,500				
266	Trường THPT Hương Sơn	3998; 11/12/2013	44,170	30,487		47,970	34,287	39,877	6,800	3,000	3,800	3,800				
267	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu, huyện Lộc Hà	4125 28/10/2015	35,734	21,440				2,000	24,940	15,991	8,949	5,500	3,449			
268	Nhà học bộ môn trường THPT Hương Khê	2242/QĐ-UBND; 08/8/2014	5,052	5,052				2,200	2,100	1,000	1,100	1,100				
269	Nhà học 3 tầng 15 phòng, Trường THPT Nghiện, huyện Can Lộc	743/QĐ-UBND; 14/3/2012	8,763	8,763				3,500	3,872	2,500	1,000	1,000				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020								
270	Trung tâm chính trị huyện Hương Khê	3294; 15/11/2010	4,577	2,000					1,000	3,000	-	3,000			
271	Nhà học lý thuyết trường THPT Kỳ Anh	2831/QĐ-UBND 29/9/2014	9,567	9,567					5,715	3,199	900	2,000	2,000		
272	Trường THPT Nguyễn Đình Liễn, huyện Cẩm Xuyên	2648; 16/9/2010	77,788	56,002					70,000	7,788	2,500	5,000	5,000		
273	Bệnh viện y học cổ truyền - Giai đoạn I	824; 6/5/2005 2201; 18/9/2006 3334; 13/10/2011;	91,427	35,727	3650; 21/9/2015	47,361			43,565	1,705	1,500	205	205	205	
274	Hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn y tế Bệnh viện đa khoa thành phố Hà Tĩnh	2218/QĐ-UBND ngày 07/7/2011	20,288	10,144					11,573	1,734	-	1,734	1,734		
275	Trung tâm Y tế dự phòng huyện Thạch Hà	3467; 23/11/2012	14,980	7,735					7,245	2,133	1,500	438	438		
276	Cải tạo, nâng cấp Nhà đa khoa nghiệp vụ thành Khu khám bệnh và điều trị ngoại trú - Khối hành chính, Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	2929/QĐ-UBND, 06/10/2014	18,498	17,098					5,000	12,899	11,012	1,887	1,887		
277	Tầng 3 và hệ thống chống nóng, chống thấm khu nhà điều trị và phẫu thuật Trung tâm mắt Hà Tĩnh	2203; 10/6/2015	1,681	467					1,193	468	-	468	468		
278	Trung tâm giáo dục lao động xã hội Hà Tĩnh (gđ1)	1450; 27/5/2008	102,125	37,628	1802; 22/6/2012 693; 09/3/2012	128,957	36,700		73,263	13,205	3,464	9,741	2,000	7,741	
279	Trung tâm Dạy nghề, giới thiệu, giải quyết việc làm và phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Hà Tĩnh	402; 25/01/2006	42,652						17,274	7,000	1,300	5,700	-	5,700	
280	Làng Thanh niên lập nghiệp Tây Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	663; 27/10/2014	52,820	13,779					3,600	13,779	-	13,779	-	13,779	
281	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ huyện Hương Khê	2206 10/6/15	14,049	10,049					6,000	6,697	1,800	6,697	6,697		
282	Trụ sở làm việc Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Hà Tĩnh	861; 25/3/2011	21,096						10,810	497	236	261	261		
283	Trạm kiểm soát tạm Khu vực cửa khẩu quốc tế Cầu Treo	79/QĐ-BQL; 1/8/2011	6,406	-					5,299	1,039	680	359	359		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lý do kế số vốn đã bỏ từ khi công tác hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016 -2020 đã được giao từ Nghị quyết 75/NQ-HBND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Chi chi		
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMEDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMEDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Trong đó:		Bổ sung giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh											
284	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Xây dựng Hà Tĩnh	885; 16/3/2015	3,199						2,000	999	-	999	999					
285	Trụ sở làm việc Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh	3620; 18/9/2015	103,105						7,000	50,000	-	50,000	-				50,000	
286	Cải tạo, nâng cấp trụ sở tiếp công dân tỉnh Hà Tĩnh	4405; 11/11/2015	3,842						1,517	2,206	706	1,500	1,500					
287	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Tài nguyên Môi trường	2014; 19/7/2016	3,385						650	2,735	-	2,735	1,000				1,735	
288	Trụ sở làm việc UBND - UBND huyện Thạch Hà	2523; 30/6/2015	39,983						8,300	25,730	22,000	7,000	7,000					
289	Trụ sở làm việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3778; 30/9/2015	109,237						52,200	57,037	11,430	45,607	17,500				28,107	
290	Đầu tư xây dựng công trình Đội phòng cháy, chữa cháy Khu Kinh tế Vũng Áng	2402; 21/5/2011	33,445						9,830	8,593	6,000	2,593	2,593					
291	Dự án cải tạo nâng cấp Khu A, mở rộng Khu B Doanh trại Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	3472; 28/10/2011 3050; 30/9/2013	34,016						37,000	6,340	2,000	3,420	3,420					
292	Dự án rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn Hà Tĩnh	1276; 19/4/2011	502,131						46,060	42,262	26,653	15,609	-				15,609	
293	Doanh trại đơn vị Yên Đài, kho vật chất Hậu cần - Bộ CHQS tỉnh Hà Tĩnh	2317; 30/7/2013	30,025						24,500	4,781	-	4,781	3,000				1,781	
294	Doanh trại Đơn vị đặc nhiệm/ Bộ CHQS tỉnh	1520; 10/02/2014	14,831						12,000	2,790	-	2,790	1,000				1,790	
295	Trung tâm huấn luyện quân dự bị động viên - Bộ CHQS tỉnh	1053; 10/4/2012	80,025						71,000	16,025	-	16,025	5,000				11,025	
296	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng trên đảo Sơn Dương, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	2873; 2/10/2014	75,568						36,000	37,649	9,000	28,649	12,500				16,149	
297	Nhà ở cấp an Đại đội Cảnh sát Cơ động, phòng Cảnh sát bảo vệ thuộc Công an tỉnh Hà Tĩnh	2436; 21/8/2012	10,646						8,154	1,748	1,500	240	240					
298	Hệ thống mạng máy tính Trung tâm nghiệp vụ lực lượng an ninh Công an tỉnh	1678/QĐ-UBND; 16/6/2014	3,513						3,000	128	-	127	127					
299	Doanh trại đoàn công tác đặc biệt và nhà thờ các anh hùng liệt sỹ - BCHQS tỉnh Hà Tĩnh tại tỉnh Bol'ykhamxay, nước CHDCND Lào	4530; 23/11/2015	30,950						8,000	13,727	13,000	3,000	3,000					
300	Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải Phòng khám đa khoa khu vực Đức Lĩnh, huyện Vũ Quang	3474/QĐ-UBND ngày 9/9/2015	2,751						1,500	1,045		1,045	1,045					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)			Lấy kế số vốn đã bỏ từ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tình giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao lại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tình giai đoạn 2016-2020		Ghi chú	
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn) Ngân sách tình	Tổng số (tất cả các nguồn vốn) giai đoạn 2016-2018		Bổ sung giai đoạn 2019-2020
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tình		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tình							
301	Trường trung học phổ thông Cẩm Xuyên (Hàng mục sơn nhà và lát gạch tầng 1,2,3 nhà học 18 tầng)		1,300	1,300			758	267			267			
302	Lập quy hoạch phân khu xây dựng khu du lịch sinh thái Cửa Thờ- Trại Tiểu tại hai xã Đông Lộc và Mỹ Lộc, huyện Can Lộc	1909/QĐ-UBND ngày 26/6/2018	2,667	2,667			482	1,881			1,000	1,000		
303	Nhà học 2 tầng 4 phòng trường mầm non xã Sơn Phúc, huyện Hương Sơn	1896/QĐ-UBND ngày 15/6/2011	3,138	3,138			1,700	1,097			1,097	1,097		
304	Nhà công vụ giáo viên trường THCS Thủy Mai, huyện Hương Sơn	11/QĐ-SKH ngày 19/01/2009	792	792			635	55			55	55		
305	Tiền dự án Nhà máy nước Bắc Cẩm Xuyên thuộc dự án phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh Miền Trung	3209/QĐ-UBND ngày 3/11/2010	33,175	33,175			26,315	1,911			1,911	1,911		
306	Đường giao thông Giảng Chua xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà	3708/QĐ-UBND ngày 1/12/2014	2,854	2,854			2,406	243			243	243		
307	Đắp khe đá và kênh tưới phục vụ sản xuất xã Nam Hương, huyện Thạch Hà	3042/QĐ-UBND ngày 15/10/2014	2,989	2,989			1,000	1,159			1,000	1,000		
308	Đường giao thông liên thôn (thôn Liên Hương và Liên Vinh) kết hợp sản xuất xã Thạch Đài, huyện Thạch Hà	7174/QĐ-UBND ngày 12/11/2015	5,976	5,976			1,000	4,243			2,000	2,000		
309	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự Thành phố Hà Tĩnh (Kính phi Bồi thường GPMB)	1620/QĐ-BTL ngày 23/10/2013	19,089	19,089			8,000	5,597			2,000	2,000		
310	Đường giao thông nội vùng khu trung tâm hành chính huyện Lộc Hà	2636/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	10,836	10,836			-	6,712			3,000	3,000		
311	Hàng mục nhà văn phòng thuộc dự án Trường THCS Ngọc Sơn, huyện Thạch Hà	1798/QĐ-UBND ngày 17/6/2009	3,660	3,660			2,476	925			925	925		
312	Trạm bảo vệ rừng phòng hộ Kỳ Hoa, thuộc Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020	3642/QĐ-UBND ngày 5/12/2012	1,231	1,231			787	285			285	285		
313	Trụ sở UBND xã Tân Lộc, huyện Lộc Hà	1247/QĐ-UBND ngày 13/4/2011	4,296	4,296			3,548	326			326	326		
314	Đường giao thông nông thôn xã Thạch Xuân, huyện Thạch Hà	3604/QĐ-UBND ngày 8/12/2010	12,911	12,911			11,929	419			419	419		
315	Đường giao thông nông thôn xã Hương Trà (NT04 đoạn xóm 6 - xóm 8), huyện Hương Khê	3092/QĐ-UBND ngày 16/10/2012	5,388	5,388			4,284	300			300	300		
316	Giải phóng mặt bằng dự án Trung tâm công nghiệp dệt may tại cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh										13,210	13,210		

STT	Tên mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lấy kế số vốn đã bỏ từ từ khởi công đến hết năm 2015	Như cầu bỏ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020				Chi chi
		TMĐT		TMĐT		TMĐT		Trong đó:									
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020								
317	Sửa chữa cầu Hòa Lạc và đường hai đầu cầu (Km5+673, ĐT.548)	3321/QĐ-UBND ngày 21/11/2016	1.800	1.800			500	1.172		1.000	1.000						
318	Hệ thống điện chiếu sáng trục đường Quốc lộ 12, phần còn lại từ KCN1 đến cảng xăng dầu Vũng Áng	3866/QĐ-UBND ngày 4/12/2013	16.002	16.002			6.900	2.634		2.000	2.000						
319	Quy hoạch phân khu xây dựng thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê (tỷ lệ 1/2.000)	2396/QĐ-UBND ngày 18/8/2014	3.524	3.524			928	2.196		2.196	2.196						
320	Đường giao thông nông thôn xã Sơn Thọ, huyện Vũ Quang (tuyến từ thôn 6 ra trung tâm xã Sơn Thọ)	2409/QĐ-UBND ngày 24/6/2015	6.091	6.091			3.000	2.454		2.000	2.000						
321	Đường vượt lị thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê	3119/QĐ-UBND ngày 13/8/2013	14.998	14.998			12.499	2.394		1.000	1.000						
322	Hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cơn Trồi - Cơn Song huyện Hương Khê									853	853						
323	Nâng cấp hệ thống thoát nước, vỉa hè và sửa chữa mặt đường các tuyến đường giao thông đô thị (đập lạng tiêu chuẩn đô thị loại IV), khu vực thị trấn Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	1989/QĐ-UBND ngày 25/5/2015	13.190	13.190			12.083	111		111	111						
324	Nhà làm việc 2 tầng và các hạng mục phụ trợ Trạm y tế xã Vương Lộc	2778/QĐ-UBND ngày 17/7/2015	4.793	4.793			3.850	424		424	424						
325	Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp xã Gia Phố, huyện Hương Khê	603/QĐ-UBND ngày 1/3/2012	392	392			-	360		360	360						
326	XD chợ tạm tại chợ Sơn thị trấn Hương Khê (QĐ 3957) - H chưa có	1794/QĐ-UBND ngày 9/6/2011	20.151	20.151			13.764	240		240	240						
327	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thiên Lộc, huyện Cẩm Lộc (Cột đầu 01)	3097/QĐ-UBND ngày 16/11/2012	10.322	10.322			8.800	1.086		1.086	1.086						
328	Đường giao thông nông thôn xã Hà Linh (HL09), huyện Hương Khê	4183/QĐ-UBND ngày 25/12/2014	9.258	9.258			7.950	1.308		1.397	1.397						
329	Đường GTNT kết hợp vào trang trại chăn nuôi tập trung xã Sơn Quang	667/QĐ-UBND ngày 14/12/2015	4.258	4.258			2.000	2.138		2.378	2.378						
330	Dự án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020), lập kế hoạch sử dụng đất năm 2016 các huyện, thành phố, thị xã									3.000	3.000						
331	Trụ sở hạt kiểm lâm Cẩm Xuyên (QĐ 1783)	3219/QĐ-UBND ngày 29/12/2006	9.978	9.978			7.491	1.893		1.893	1.893						
332	Trung tâm Dạy nghề - Hướng nghiệp và Giáo dục thường xuyên Thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 1)																

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)			Lý do số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tính giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HBND	Bổ sung ngân sách tính giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn) Ngân sách tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn) giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh							
333	Đường tránh, cầu tạm cầu Đồn Độ TX Hồng Lĩnh (QĐ 752)										800	800		
334	Cải tạo NLV 3 tầng Ủy ban MTTQ tỉnh Hà Tĩnh, hội trường lớn, kho cứu trợ tỉnh (QĐ 986)										2,000	2,000		
335	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện Hương Sơn	4134/QĐ-BQP ngày 29/10/2011	28,709	28,709			23,393	3,881			2,000	2,000		
336	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện Nghi Xuân giai đoạn 1	4064/QĐ-BQP ngày 23/10/2013	19,089	19,089			15,800	2,907			1,000	1,000		
337	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện Vũ Quang		28,000	28,000			24,800	2,640			1,500	1,500		
338	Cum công trình thủy lợi Động Tròn, huyện Hương Sơn (Gót 05 XL)	906/QĐ-UBND ngày 3/4/2007	6,294	6,294			4,927	854			700	700		
339	Đường giao thông nông thôn xã Xuân Lộc, huyện Can Lộc	3281/QĐ-UBND ngày 5/11/2012	3,723	3,723			3,350	250			250	250		
340	Kết cấu hạ tầng khu dân cư Nương Dưa xã Thái Yên	3111/QĐ-UBND ngày 11/8/2015	13,605	13,605			7,000	6,605			2,000	2,000		
341	Nhà học 2 tầng 10 phòng trường tiểu học Võ Liêm Sơn	2462/QĐ-UBND ngày 2/4/2015	5,419	5,419			3,561	1,409			1,400	1,400		
342	Đường vào trung tâm xã Mai Phụ, huyện Lộc Hà	130/QĐ-UBND ngày 13/01/2011	48,812	48,812			29,951	1,431			1,000	1,000		
343	Đường giao thông trục chính đi qua xóm 2, xóm 3 xã Hương Thủy	3939/QĐ-UBND ngày 20/5/2015	5,794	5,794			1,000	4,640			2,000	2,000		
344	Đường GTNT xóm 3 xã Hòa Hải huyện Hương Khê	5567/QĐ-UBND ngày 31/7/2015	6,000	6,000			800	5,000			6,000	6,000		
345	Trạm y tế xã Đức Đồng	114/QĐ-UBND ngày 12/01/2015	3,836	3,836			300	3,000			1,000	1,000		
346	Dự án xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới; đo đạc lập bản đồ địa chính và lập hồ sơ chuyển sang thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các Công ty nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh										7,000	7,000		
347	Đường thôn Mỹ Thành, Đại Tang xã Cẩm Thạch thị xã Thạch Điền và Thạch Lâm	6346/QĐ-UBND ngày 20/5/2015	4,778	4,778			4,000	778			700	700		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lấy kế số vốn đã bỏ từ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020				Ghi chú
		TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh	TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018				Bổ sung giai đoạn 2019-2020				
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh											
348	Đường vào khu sản xuất Tập trung xã Sơn Long, huyện Hương Sơn	2628/QĐ-UBND ngày 20/8/2013	13.914	13.914			9.301	4.495	5.394	5.394							
349	Đường giao thông nội thị thị trấn Đức Thọ huyện Đức Thọ	3782/QĐ-UBND ngày 25/12/2015	14.466	14.466			1.000	5.000	1.500	1.500							
350	Bồi dưỡng, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng Dự án phục hồi và phát huy giá trị Văn Miếu Hà Tĩnh - Ngày 17/01/2017 đã có VB điều chuyển vốn số 179 UB/T								7.500	7.500							
351	Cung cố nâng cấp đê sông Nghèn (Gói 01/XL)	3041/QĐ-UBND ngày 19/12/2014	17.159	17.159			13.068	357	300	300							
352	Garra máy công trình, trạm điện và hệ thống điện chiếu sáng hệ thống cung cấp nước sạch tại khu C trường Trung cấp nghề Thạch Ngọc	2034/QĐ-UBND ngày 31/07/2007	4.784	4.784			4.544	240	240	240							
353	Đường giao thông Bình Lộc- An Lộc- Thịnh Lộc huyện Lộc Hà (Gói thầu XL 05)	1917/QĐ-UBND ngày 21/05/2015	8.998	8.998			8.498	500	500	500							
354	Tru sở làm việc Chi cục Quản lý thị trường Hà Tĩnh	3747/QĐ-UBND ngày 02/12/2014	10.595	10.595			7.000	3.200	1.800	1.800							
355	Công thông tin điện tử Sở Kế hoạch và Đầu tư HT (QĐ 437)								968	968							
356	Đường GTNT xã Sơn Phú, Sơn Trung, Sơn Tây (QĐ 1004)								3.000	3.000							
357	Đường giao thông nông thôn Cửa Miếu đi Eo Lái, xóm 2 xã Đức Giang, huyện Vũ Quang	4549/QĐ-UBND ngày 23/11/2015	4.071	4.071			1.400	1.739	1.500	1.500							
358	Dự án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Hà Tĩnh								2.000	2.000							
359	Nhà học đa năng 02 tầng Trường mầm non xã Thạch Hà								708	708							
360	Nhà học 2 tầng 12 phòng Trường Tiểu học xã Gia Hành								1.500	1.500							
361	Trạm Y tế xã Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh	3176, 128/2015	2.788	2.788			836	800	800	800							
362	Nhà lam việc 02 tầng Trạm y tế xã Sơn Trung, huyện Hương Sơn	1372/QĐ-UBND ngày 20/4/2015	4.556	4.556			1.000	2.800	2.800	2.800							
363	Đường GTNT kết hợp phục vụ sản xuất tập trung xã Sơn Kim 2, huyện Hương Sơn	3988/QĐ-UBND 16/12/2014	14.100	14.100			12.315	500	500	500							
364	Đường GTNT kết hợp vào trang trại chăn nuôi tập trung xã Sơn Diên, Sơn Ninh, Sơn Tiên	2558/QĐ-UBND	22.980	13.500			13.500	1.400	1.400	1.400							
365	Đường GTNT kết hợp vào các khu sản xuất tập trung xã Sơn Phúc, huyện Hương Sơn	1257/QĐ-UBND: 14/4/2015	32.656	4.400			3.000	1.400	1.400	1.400							

STT	Đanh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lấy kế số vốn đã bỏ từ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tính giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tính giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020	
		Trong đó: Ngân sách tỉnh	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh											
366	Ứng dụng CNTT trong cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Cẩm Xuyên (QĐ 3182 ngày 11/11/2016)															
367	Đường GTNT xã Kỳ Hoa huyện Kỳ Anh															
368	Đường GTNT xã Đức Lập huyện Đức Thọ															
369	Đường giao thông nông thôn xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân	666/QĐ-UBND ngày 13/02/2015	6,490	6,490												
II	DỰ ÁN CẤP HUYỆN, XÃ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ		2,822,031	1,601,351						1,142,352	1,092,973	627,220	627,220			
1	Trưởng mầm non xã Ngọc Sơn, huyện Thạch Hà	87/QĐ-UBND ngày 22/9/2013	1,144	1,144					974	46	46	46	46			
2	Cầu vào thôn Quyết Tiến, xã Thạch Xuân, huyện Thạch Hà	5091/QĐ-UBND ngày 29/8/2011	501	501					300	130	130	130	130			
3	Sân vận động thể thao xã Sơn Bằng, huyện Hương Sơn	27/QĐ-UBND ngày 2/4/2015	779	779					557	155	155	155	155			
4	Đường giao thông xã Thạch Hà, thành phố Hà Tĩnh, hạng mục Tuyến vào xóm Minh Tân, Minh Yên	94/QĐ-UBND ngày 24/9/2011	2,952	2,952					2,221	231	231	231	231			
5	Đường vào khu chăn nuôi tập trung xã Cẩm Minh, huyện Cẩm Xuyên	2350/QĐ-UBND ngày 15/6/2013	2,816	2,816					2,382	248	248	248	248			
6	Kênh mương xã Hương Bình (Đoạn từ công đập Lừ) xã Hương Bình, huyện Hương Khê	82/QĐ-UBND ngày 15/6/2016	1,115	1,115					650	358	358	358	358			
7	Cải tạo trụ sở UBND xã Trường Sơn, huyện Đức Thọ	20/QĐ-UBND ngày 15/6/2015	829	829					500	271	271	271	271			
8	Nhà văn hóa xã Trường Sơn, huyện Đức Thọ	2817/QĐ-UBND ngày 26/6/2014	4,980	4,980					3,697	944	944	944	944			
9	Đường giao thông nông thôn xã Kỳ Ninh, Thị xã Kỳ Anh	6718/QĐ-UBND ngày 12/5/2015	5,142	5,142					3,195	1,641	1,641	1,641	1,641			
10	Hội trường UBND và nhà văn hóa đa chức năng xã Kỳ Tây	134/QĐ-UBND ngày 8/9/2014	4,897	4,897					3,527	1,190	1,190	1,190	1,190			
11	Hạ tầng kỹ thuật sân, đường, mương thoát nước và khu tập thể thao trụ sở công an huyện Thạch Hà	1718/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	1,399	1,399					508	800	800	800	800			
12	Hệ thống điện chiếu sáng trục đường từ thị trấn Cẩm Xuyên đi thị trấn Thiên Cẩm, huyện Cẩm Xuyên	6194/QĐ-UBND ngày 27/4/2015	5,161	5,161					4,300	662	662	662	662			
13	Các công trình phụ trợ trường THCS Hưng Đồng xã Thạch Hng, thành phố Hà Tĩnh	934/QĐ-UBND ngày 15/7/2010	2,501	2,501					1,462	603	603	603	603			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Như cần bổ sung ngân sách tình hình giải đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tình hình giải đoạn 2016-2020				Chi chi
		TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giải đoạn 2016-2018	Bổ sung giải đoạn 2019-2020		
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh											
14	Nhà văn hóa thôn Vinh Trung xã Thạch Vinh	91/QĐ-UBND ngày 12/9/2013	1,096	1,096					120	845		845					
15	Nhà văn hóa Kiên Mộc xã Khánh Lộc, huyện Can Lộc	48/QĐ-UBND ngày 13/4/2013	2,150	2,150					1,206	704		704					
16	Nhà văn hóa thôn Văn Chu xã Khánh Lộc, huyện Can Lộc	51/QĐ-UBND ngày 10/6/2012	1,450	1,450					891	416		416					
17	Nhà học 4 phòng 1 tầng trường mầm non xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân	2025/QĐ-UBND ngày 5/12/2012	2,967	2,967					2,196	450		450					
18	Nhà văn hóa xã Sơn Trung, huyện Hương Sơn	1050/QĐ-UBND ngày 9/5/2016	2,885	2,885					1,950	760		760					
19	Mương tiêu ứng Lò Ren, thị trấn Nghiện, huyện Can Lộc	33/QĐ-UBND ngày 16/01/2014	3,204	3,204					2,000	724		724					
20	Trụ sở UBND xã Mỹ Lộc, huyện Can Lộc	2110/QĐ-UBND ngày 4/12/2013	5,699	5,699					4,052	510		510					
21	Nâng cấp đường giao thông liên khối phố 7-8 phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh	2292/QĐ-UBND ngày 7/12/2012	1,696	1,696					1,000	296		296					
22	Hệ thống điện làng mới xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà	1648/QĐ-UBND ngày 14/9/2012	2,917	2,917					2,500	272		272					
23	Hàn trả tuyến kênh tưới K15A-N9 Kê Gò, xã Thạch Trì, huyện Thạch Hà	2172/QĐ-UBND ngày 25/7/2013	2,193	2,193					1,500	447		447					
24	Đường giao thông liên xã Bằng- Mỹ- Bình, huyện Lộc Hà	3894/QĐ-UBND ngày 30/12/2012	9,781	9,781					8,524	379		379					
25	Đường vào khu sản xuất chăn nuôi tập trung xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà	72/QĐ-UBND ngày 02/01/2014	4,437	4,437					3,600	709		709					
26	Cầu Vòng bắc qua sông Cụt, thành phố Hà Tĩnh	636/QĐ-UBND ngày 5/2/2013	23,169	23,169					20,834	187		187					
27	Trường tiểu học xã Quang Lộc, huyện Can Lộc	53/QĐ-UBND ngày 14/01/2014	5,978	5,978					4,444	855		855					
28	Hệ thống điện chiếu sáng, lát vỉa hè đường phía Nam bệnh viện Đa khoa Thị xã Hồng Lĩnh	1247/QĐ-UBND ngày 10/8/2016	1,991	1,991					880	750		750					
29	Hệ tầng kỹ thuật phục vụ trường rau, củ, quả trên đất cát bìa màu xã Thạch Văn - giai đoạn 2	3212/QĐ-UBND ngày 31/7/2014	1,312	1,312					250	775		775					
30	Nhà đa chức năng trường tiểu học xã Khánh Lộc, huyện Can Lộc	62/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	1,706	1,706					795	846		846					

STT	Danhs mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lũy kế số vốn để bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tính giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tính giai đoạn 2016-2020		Chi chú	
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018		Bổ sung giai đoạn 2019-2020
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh									
31	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường mầm non xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà	3044/QĐ-UBND ngày 17/07/2014	4,123	4,123					2,000	1,653		1,653				
32	Đường vào cụm công nghiệp chế biến hải sản xã Thạch Kim, huyện Lộc Hà	2603/QĐ-UBND ngày 28/7/2014	5,748	5,748					3,100	1,000		1,000				
33	Đường giao thông Tân Sơn, xã Nam Hương huyện Thạch Hà (gói XL và tư vấn)	3042/QĐ-UBND ngày 17/7/2014	9,101	9,101					4,200	2,047		2,047				
34	Chợ Thạch Môn (giai đoạn 1), thành phố Hà Tĩnh	2253/QĐ-UBND ngày 10/12/2013	6,733	6,733					4,783	1,602		1,500				
35	Đường giao thông nông thôn xã Thạch Thanh, huyện Thạch Hà	4409/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	3,798	3,798					1,500	2,062		2,062				
36	Kênh mương nội đồng xã Quang Lộc, huyện Can Lộc	104/QĐ-UBND ngày 24/01/2014	5,925	5,925					2,000	3,307		2,500				
37	Trường Trung học cơ sở Yên Thanh, huyện Can Lộc	101/QĐ-UBND ngày 23/01/2014	5,251	5,251					3,497	1,273		1,000				
38	Đường giao thông xóm Tân Trung đi xóm Tân Thành, xã Phương Mỹ huyện Hương Khê	4678/QĐ-UBND ngày 19/6/2015	3,839	3,839					2,600	1,024		1,024				
39	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Trường Lộc, huyện Can Lộc	2676/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	5,403	5,403					3,250	1,563		1,000				
40	Cải tạo nhà làm việc 4 tầng, nhà ở 2 tầng, nhà ăn, kho vũ khí, các hạng mục phụ trợ ban chỉ huy quân sự huyện Thạch Hà	3290/QĐ-UBND ngày 8/8/2014	2,522	2,522					1,000	1,361		1,000				
41	Đường giao thông tổ dân phố 4 và dân phố 6, thị trấn Thạch Hà huyện Thạch Hà	8320/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	4,002	4,002					2,690	1,000		1,000				
42	Hội trường- Trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ xã Thạch Thanh, huyện Thạch Hà	1531/QĐ-UBND ngày 9/4/2015	4,449	4,449					2,300	1,776		1,000				
43	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Huyện đoàn huyện Thạch Hà	5050/QĐ-UBND ngày 5/8/2015	1,283	1,283					-	1,149		1,000				
44	Đường giao thông nội phường Đức Thuận, thị xã Hồng Lĩnh (tuyến đường công vụ)	34/QĐ-UBND ngày 2/2/2015	8,086	8,086					5,000	2,282		2,000				
45	Đường giao thông nông thôn xã Lách Hậu (giai đoạn II) huyện Lộc Hà	2733/QĐ-UBND ngày 20/10/2014	8,074	8,074					6,125	983		983				
46	Bếp ăn bán trú, san nền và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trường mầm non xã Thạch Khê	1446/QĐ-UBND ngày 18/3/2016	3,609	3,609					2,400	1,091		1,091				
47	Hạ tầng khu dân cư xóm Bình Lý, xã Thạch Bình	591/QĐ-UBND ngày 06/4/2016	9,185	9,185					7,750	870		300				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lấy kế số vốn đã bỏ từ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao từ Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Chi chi
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018				Trong đó	Bổ sung giai đoạn 2019-2020		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh									
48	Nhà trẻ, nhà vệ sinh, gara xe và các hạng mục phụ trợ - Trại số UBND xã Thạch Bình	1593/QĐ-UBND ngày 17/8/2016	4.668	4.668			2.529	1.901		1.700	1.700					
49	Nâng cấp đường 26/3 kéo dài đoạn từ khối phố 3 đến đê Tả phủ, phường Đại Nãi thành phố Hà Tĩnh	777/QĐ-UBND ngày 19/04/2016	6.316	6.316			3.300	2.265		1.000	1.000					
50	Nhà văn phòng và nhà học đa chức năng, trường tiểu học xã Thạch Liên, huyện Thạch Hà	2654/QĐ-UBND ngày 9/5/2016	6.459	6.459			2.650	3.340		1.500	1.500					
51	Nhà học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non xã Vương Lộc, huyện Can Lộc	737/QĐ-UBND ngày 31/03/2016	8.890	8.890			4.500	3.701		1.500	1.500					
52	Nhà học 2 tầng 8 phòng trường mầm non xã Sơn Kim 2, huyện Hương Sơn	3034/QĐ-UBND ngày 1/7/2016	6.070	6.070			1.470	4.339		2.309	2.309					
53	Hạ tầng du lịch biển Thạch Hải, huyện Thạch Hà	812/QĐ-UBND ngày 11/02/2015	9.855	9.855			4.000	5.500		5.500	5.500					
54	Hạ tầng nuôi trồng thủy sản Hà Lâm, xã Thạch Sơn, huyện Thạch Hà	2677/QĐ-UBND ngày 3/9/2013	16.869	16.869			13.900	2.675		2.000	2.000					
55	Đường giao thông liên thôn xã Đông Lộc (xóm Khe Thò - Tân Hương), huyện Can Lộc	1734/QĐ-UBND ngày 31/7/2015	6.365	6.365			3.184	2.276		2.000	2.000					
56	Trại số UBND xã Thái Yên, huyện Đức Thọ	3945/QĐ-UBND ngày 16/10/2014	10.078	10.078			7.282	1.000		1.000	1.000					
57	Khu bảo tồn, nhân giống và phát triển sản xuất cây Cam Bù huyện Hương Sơn	536/QĐ-UBND ngày 3/3/2016	2.146	2.146			500	1.577		1.000	1.000					
58	Nhà học 3 tầng 15 phòng, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh	2289/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	17.459	17.459			4.000	12.831		6.000	6.000					
59	Duy tu, bảo trì đường trục xã Phú Phong, huyện Hương Khê	5543/QĐ-UBND ngày 29/7/2015	5.476	5.476			4.159	986		986	986					
60	Đường giao thông kết hợp vào trang trại chăn nuôi tập trung xã Cẩm Phúc	5622/QĐ-UBND ngày 11/11/2016	2.694	2.694			1.000	1.583		1.400	1.400					
61	Đường Giao thông nông thôn thôn Quyền Hạch, thôn Đông Trinh xã Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh	6648/QĐ-UBND ngày 12/5/2015	4.028	4.028			1.205	1.980		1.980	1.980					
62	Trường tiểu học xã Thành Lộc, huyện Lộc Hà	56/QĐ-UBND ngày 18/4/2016	1.856	1.856			400	1.456		1.456	1.456					
63	Kênh mương nội đồng thôn Thuận Châu, Bắc Châu xã Kỳ Châu, huyện Kỳ Anh	1232/QĐ-UBND ngày 19/8/2015	2.517	2.517			102	2.415		2.415	2.415					
64	Đường giao thông nông thôn xã Kim Lộc, huyện can Lộc	559/QĐ-UBND ngày 15/3/2016	3.859	3.859			2.546	1.017		1.017	1.017					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lấy kế số vốn đã bỏ từ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020	
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:									
65	Nhà học bộ môn 2 tầng trường THCS Phúc Đông, huyện Hương Khê	9441/QĐ-UBND ngày 3/12/2015	4,949	4,949	4,949					3,000	1,579	1,000	1,000			
66	Đường giao thông nông thôn xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc	1287/QĐ-UBND ngày 28/6/2016	7,064	7,064	7,064					600	5,699	4,500	4,500			
67	Kênh mương nội đồng xã Gia Hạnh, huyện Can Lộc	1649/QĐ-UBND ngày 10/10/2013	5,917	5,917	5,917					4,431	884	884	884			
68	Đường liên xã Thạch Châu- Mái Phụ, huyện Lộc Hà	13/QĐ-UBND ngày 28/02/2014	2,991	2,991	2,991					500	2,302	1,855	1,855			
69	Đường giao thông liên xã Bằng- Mỹ- Bình, huyện Lộc Hà (hạng mục đoạn đường Km1+771,93 đến Km2+276,13)	5092/QĐ-UBND ngày 25/11/2016	1,840	1,840	1,840					774	902	902	902			
70	Kênh mương nội đồng xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc	1567/QĐ-UBND ngày 19/9/2013	5,827	5,827	5,827					4,687	570	570	570			
71	Đường giao thông nông thôn xã Đồng Lộc, huyện Can Lộc	556/QĐ-UBND ngày 14/3/2016	9,046	9,046	9,046					1,000	7,048	3,500	3,500			
72	Nhà học bộ môn 2 tầng, cải tạo nhà làm việc 2 tầng, trường THCS Phan Huy Chú, huyện Thạch Hà	866/QĐ-UBND ngày 3/3/2016	5,671	5,671	5,671					1,900	2,779	2,000	2,000			
73	Đường vào khu trung tâm thương mại nội đồng trục thôn Vinh Phong, xã Hộ Độ, huyện Lộc Hà	73/QĐ-UBND ngày 6/9/2016	2,257	2,257	2,257					1,000	1,151	1,000	1,000			
74	Nâng cấp đường trục chính xã Thạch Tân, đoạn từ trường mầm non đến tỉnh lộ 17	1020/QĐ-UBND ngày 26/4/2013	7,707	7,707	7,707					6,610	493	450	450			
75	Mương thoát nước, sân đường nội bộ, hệ thống hàng rào Trung tâm Day nghề - Hương nghiệp và Giáo dục trường xuyên huyện Thạch Hà	34/QĐ-UBND ngày 08/01/2016	1,180	1,180	1,180					402	624	550	550			
76	Cải tạo, nâng cấp sân vận động xã Cẩm Thành	101/QĐ-UBND ngày 13/11/2012	2,193	2,193	2,193					1,412	763	500	500			
77	Đường giao thông nông thôn xã Sơn Mai, huyện Hương Sơn	2449/QĐ-UBND ngày 23/8/2013	6,322	6,322	6,322					500	5,000	5,000	5,000			
78	Đường giao thông nông thôn xã Hương Long, huyện Hương Khê	5374/QĐ-UBND ngày 9/7/2015	3,958	3,958	3,958					2,750	805	805	805			
79	Đường giao thông vào trung tâm xã Sơn Lễ, huyện Hương Sơn	1386/QĐ-UBND ngày 25/4/2013	11,029	11,029	11,029					2,523	5,561	4,000	4,000			
80	Nâng cấp, cải tạo kênh mương nội đồng xã Xuân Lộc, huyện Can Lộc	1650/QĐ-UBND ngày 8/10/2013	5,820	5,820	5,820					4,730	251	200	200			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lý do số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Như cầu bỏ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tình hình giai đoạn 2016-2020				Chi chi
		TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh	TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Bổ sung giải ngân 2019-2020				
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:	Đã phân bổ giải ngân 2016-2018								
81	Trụ sở làm việc UBND xã Hà Lĩnh huyện Hương Khê	126/QĐ-UBND ngày 10/01/2015	5,160	5,160					4,280	700		500	500				
82	Đường GTNT xã Phúc Đông huyện Hương Khê	5579/QĐ-UBND ngày 3/8/2015	5,586	5,586					1,300	4,000		3,500	3,500				
83	Mở rộng khuôn viên trường tiểu học Hà Huy Tập, thành phố Hà Tĩnh	1283/QĐ-UBND ngày 27/6/2014	3,956	3,956					1,770	1,493		1,000	1,000				
84	Đường giao thông trung tâm xã Thạch Khê, huyện Thạch Hà	3625/QĐ-UBND ngày 7/11/2013	4,525	4,525					1,500	2,920		2,900	2,900				
85	Đường giao thông nội đồng các xóm Thanh Tiển, Quyết Tiến xã Thạch Môn, huyện Thạch Hà	2027/QĐ-UBND ngày 24/8/2015	5,761	5,761					3,500	2,261		1,000	1,000				
86	Đường trục chính phục vụ sản xuất nông nghiệp xã Thạch Bình, thành phố Hà Tĩnh	2244/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	3,553	3,553					500	3,053		2,000	2,000				
87	Trụ sở UBND phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh	903/QĐ-UBND ngày 7/7/2010	19,686	19,686					2,300	14,900		2,000	2,000				
88	Nâng cấp đường trục xã Kỳ Hải (huyện từ công chào Ủy ban dân thôn Bắc Sơn Hải), huyện Kỳ Anh	6194/QĐ-UBND ngày 31/8/2016	5,074	5,074					900	4,000		1,000	1,000				
89	Đường giao thông nông thôn xã Thuận Thiện, huyện Can Lộc	3064/QĐ-UBND ngày 22/12/2015	10,179	10,179					1,500	6,643		2,000	2,000				
90	Đường giao thông liên thôn xã Thạch Thắng, huyện Thạch Hà	10048/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	5,283	5,283					-	4,754		3,000	3,000				
91	Đường giao thông nông thôn xã Sơn Hòa, huyện Hương Sơn	464/QĐ-UBND ngày 24/02/2016	4,282	4,282					1,170	2,415		2,400	2,400				
92	Đường giao thông nông thôn từ thôn Xuân Lâu xã Cẩm Thạch đi xã Thạch Diên huyện Thạch Hà	2284/QĐ-UBND ngày 16/6/2017	4,752	4,752					1,120	3,394		3,000	3,000				
93	Đường giao thông xã Đức Nhân, huyện Đức Thọ	2440/QĐ-UBND ngày 28/3/2017	8,666	8,666					1,000	5,550		3,500	3,500				
94	Nhà học 2 tầng 6 phòng trường tiểu học xã Tân Lộc, huyện Lộc Hà	202/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	2,858	2,858					1,000	1,700		1,000	1,000				
95	Nhà học 6 lớp 2 tầng trường mầm non xã Cẩm Huy, huyện Cẩm Xuyên	4822/QĐ-UBND ngày 29/9/2016	5,692	5,692					1,000	3,864		1,000	1,000				
96	Nhà điều trị 2 tầng trạm y tế xã Đức Lập, huyện Đức Thọ	305/QĐ-UBND ngày 3/2/2016	3,250	3,250					812	1,895		1,819	1,819				
97	Đường trục xã Kỳ Giang từ trung tâm xã về các thôn Tân Thành, Tân Phong, huyện Kỳ Anh	7099/QĐ-UBND ngày 11/10/2016	6,408	6,408					-	5,240		2,000	2,000				

STT	Danhs mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020		Ghi chú	
		TMDT		TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn) Ngân sách tỉnh				Tổng số (tất cả các nguồn vốn) Ngân sách tỉnh	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018		Trong đó: Bộ sung giai đoạn 2019-2020
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn) Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn) Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn) Ngân sách tỉnh									
98	Đường giao thông xã Đức Thanh, huyện Đức Thọ	2532/QĐ-UBND ngày 30/3/2017	14,195	14,195			2,000	9,525	5,000					
99	Đường giao thông nông thôn xã Đức Lâm, huyện Đức Thọ	2255/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	13,547	13,547			3,000	8,155	1,500					
100	Đường giao thông nội phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh (Khối 7)	31/QĐ-UBND ngày 15/7/2013	14,858	14,858			6,000	8,858	1,500					
101	Đường giao thông nông thôn xã Sơn Thủy, huyện Hương Sơn	9178/QĐ-UBND ngày 28/12/2016	8,151	8,151			4,000	3,000	3,000					
102	Nhà học 2 tầng 6 phòng trường mầm non xã Trung Lộc, huyện Can Lộc	2227/QĐ-UBND ngày 29/9/2016	6,163	6,163			2,500	2,621	1,000					
103	Cải tạo, nâng cấp nhà học 3 tầng trường THPT huyện Hương Khê	12/QĐ-THPT ngày 6/6/2014	2,394	2,394			969	1,000	1,000					
104	Đường giao thông nông thôn xã Thạch Ván, huyện nối giữa tỉnh lộ 27 đi đường 19/5, huyện Thạch Hà	05/QĐ-UBND ngày 10/9/2012	5,094	5,094			1,564	1,559	1,000					
105	Trường THCS Thị trấn Cẩm Xuyên (Hạng mục Nhà hiệu bộ)	4813/QĐ-UBND ngày 22/9/2016	5,872	5,872			3,000	2,800	1,634					
106	Trụ sở UBND xã Tùng Anh, huyện Đức Thọ	2053/QĐ-UBND ngày 24/4/2013	36,774	36,774			7,178	11,020	6,000					
107	Nhà học 2 tầng 8 phòng trường tiểu học Nga Lộc, huyện Can Lộc	445/QĐ-UBND ngày 27/02/2015	4,017	4,017			2,400	1,300	1,000					
108	Đường liên thôn từ thôn Yên Trung- Trường Xuân xã Cẩm Thịnh, huyện Cẩm Xuyên	2876/QĐ-UBND ngày 29/4/2016	4,627	4,627			2,198	1,666	1,500					
109	Đường vào và sân vận động xã An Lộc, huyện Lộc Hà	76/QĐ-UBND ngày 29/9/2016	3,104	3,104			-	2,950	1,500					
110	Đường giao thông nông thôn các xã Sơn Phú, Sơn Trung, Sơn Tây, huyện Hương Sơn	655/QĐ-UBND ngày 21/3/2013	14,992	14,992			7,451	2,185	2,100					
111	Đường vào khu sản xuất tập trung xã Sơn Bằng, huyện Hương Sơn	5040/QĐ-UBND ngày 8/10/2012	12,970	12,970			1,514	10,011	6,500					
112	Nhà học 2 tầng 12 phòng trường tiểu học xã Gia Hành (điểm trường 02), huyện Can Lộc	1699/QĐ-UBND ngày 11/8/2015	5,225	5,225			2,870	2,230	1,000					
113	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ trung tâm xã Kỳ Ninh đến trạm biến áp xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh	2447/QĐ-UBND ngày 18/12/2015	14,323	14,323			4,000	6,730	5,500					
114	Đường giao thông nông thôn xã Phương Mỹ (PM05), huyện Hương Khê	1166/QĐ-UBND ngày 11/4/2013	14,460	14,460			7,000	7,000	3,000					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lý do số vốn đã bỏ từ kế hoạch công tác hết năm 2015	Như cầu bố sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020				Ghi chú
		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT					Trong đó:		Trong đó:		
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020								
115	Đường giao thông nông thôn xã Thạch Liên, huyện Thạch Hà	4267/QĐ-UBND ngày 20/10/2014	4.826	4.826			800	2.755			2.500	2.500	500	500			
116	Đường Giao thông nông thôn kết hợp phục vụ sản xuất xã Tân Lộc, huyện Lộc Hà	1601/QĐ-UBND ngày 27/6/2016	5.523	5.523			3.400	1.102			500	500					
117	Đường giao thông nông thôn xã Quang Lộc, huyện Can Lộc	1596/QĐ-UBND ngày 22/8/2013	14.209	14.209			2.500	11.709			2.000	2.000	2.000	2.000			
118	Nhà văn hóa xã Kỳ Lạc, huyện Kỳ Anh	6970/QĐ-UBND ngày 22/8/2013	4.823	4.823			2.000	2.582			2.000	2.000	2.000				
119	Trường mầm non xã Thái Yên, huyện Đức Thọ (hang mục Nhà học 2 tầng 8 phòng)	5604/QĐ-UBND ngày 25/9/2015	10.013	10.013			4.000	6.013			3.000	3.000	3.000				
120	Đường giao thông nông thôn xã Phú Lộc, huyện Can Lộc	1985/QĐ-UBND ngày 25/11/2013	14.101	14.101			6.500	7.300			5.000	5.000	5.000				
121	Đường giao thông nội thị Thị trấn Đức Thọ	3782/QĐ-UBND ngày 15/12/2015	14.466	14.466			7.000	6.890			2.000	2.000	2.000	2.000			
122	Đường giao thông nông thôn xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ	3876/QĐ-UBND ngày 06/10/2014	14.953	14.953			8.500	5.250			3.000	3.000	3.000	3.000			
123	Đường vào khu chăn nuôi tập trung xã Đức Dũng, huyện Đức Thọ	3440/QĐ-UBND ngày 06/11/2013	12.913	12.913			7.900	4.630			2.000	2.000	2.000	2.000			
124	Đường giao thông nội phường Trung Lương (Tổ dân phố Bàn Xá)	22/QĐ-UBND ngày 10/2/2013	13.200	13.200			5.500	7.040			3.000	3.000	3.000	3.000			
125	Đường giao thông nông thôn phường Đức Thuận (Trường Cầu Bàu - Tổ dân phố Ngọc Sơn)	87/QĐ-UBND ngày 27/9/2013	9.824	9.824			4.000	5.260			2.000	2.000	2.000	2.000			
126	Khu trung tâm văn hóa thể thao xã Khánh Lộc, huyện Can Lộc	1947/QĐ-UBND ngày 14/11/2013	5.993	5.993			1.000	4.830			2.000	2.000	2.000	2.000			
127	Cải tạo, nâng cấp Hội trường lớn và Tru sở UBND huyện Hương Khê	4868/QĐ-UBND ngày 25/8/2016	14.997	14.997			9.500	3.910			3.500	3.500	3.500	3.500			
128	Đường giao thông nông thôn xã Hương Đô, huyện Hương Khê	6230/QĐ-UBND ngày 17/10/2016	14.900	14.900			3.600	8.320			2.500	2.500	2.500	2.500			
129	Nhà học bộ môn trường THCS Tân Vinh, huyện Lộc Hà	2094/QĐ-UBND ngày 12/8/2016	8.705	8.705				6.093			2.000	2.000	2.000	2.000			
130	Đường GTNT xã Đức Thành, huyện Đức Thọ (giai đoạn III)	5791/QĐ-UBND ngày 30/9/2016	5.987	5.987			1.000	3.190			2.500	2.500	2.500	2.500			
131	Nâng cấp đường Trường Chinh, thị xã Hồng Lĩnh	1686/QĐ-UBND ngày 25/10/2016	13.219	13.219			4.500	8.000			4.000	4.000	4.000	4.000			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lũy kế số vốn đã bỏ từ khi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tính giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tính giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMDT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh								
132	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Cẩm Thành	6507/QĐ-UBND ngày 21/10/2014	10,791	10,791					3,000	4,553		2,000			
133	Đường giao thông nông thôn xã Sơn Hà, huyện Hương Sơn	4995/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	4,996	4,996					1,200	3,290		3,000			
134	Kênh mương nội đồng xã Tiến Lộc, huyện Can Lộc	74/QĐ-UBND ngày 17/01/2014	9,782	9,782					2,807	3,144		3,000			
135	Nâng cấp, sửa chữa đường vào trung tâm xã Yên Lộc, huyện Can Lộc	671/QĐ-UBND ngày 11/5/2017	3,331	3,331					-	2,150		1,000			
136	Trường mầm non xã Tùng Anh, huyện Đức Thọ	6078/QĐ-UBND ngày 5/10/2017	3,950	3,950					700	2,508		1,500			
137	Đường giao thông nông thôn xã Đức Nhân, huyện Đức Thọ	5333/QĐ-UBND ngày 28/9/2016	9,217	9,217					1,000	4,561		3,000			
138	Đường giao thông nông thôn xã Xuân Lộc, huyện Can Lộc (Giai đoạn 2)	3481/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	7,176	7,176					-	3,111		1,000			
139	Đường nối từ đường Quang Trung đến đường Ngô Quyền qua chợ đầu mối Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh	2290/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	25,100	25,100					10,000	7,570		6,000			
140	Đường giao thông nông thôn xã Nam Hương	4250/QĐ-UBND ngày 15/10/2014	3,263	3,263					-	2,674		2,000			
141	Đường giao thông xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ	6296/QĐ-UBND ngày 19/10/2017	4,913	4,913					-	2,950		3,500			
142	Trạm y tế xã Thượng Lộc, huyện Can Lộc	2258/QĐ-UBND ngày 11/10/2016	1,609	1,609					600	793		700			
143	Nhà hiệu bộ trường Tiểu học xã Xuân Yên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	2955/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	4,300	4,300					1,000	2,450		1,500			
144	Nhà đa chức năng Trường Tiểu học Thạch Châu	07/QĐ-UBND ngày 20/8/2016	2,800	2,800						1,120		600			
145	Sân vận động phường Tân Giang, thành phố Hà Tĩnh	1228/QĐ-UBND ngày 20/6/2014	4,395	4,395					-	3,931		2,500			
146	Đường giao thông nông thôn xã Thạch Long, huyện Thạch Hà	5526/QĐ-UBND ngày 22/9/2017	5,482	5,482					1,500	3,434		2,000			
147	Đường giao thông nông thôn từ thôn Tây Hà qua đồng muối đi thôn Bắc Hà, xã Kỳ Hà, thị xã Kỳ Anh	2717/QĐ-UBND ngày 24/7/2017	10,507	10,507					-	3,500		2,000			
148	Đường giao thông liên xã Kỳ Hà - Kỳ Hải, thị xã Kỳ Anh	2716/QĐ-UBND ngày 24/7/2017	9,373	9,373					2,700	3,861		2,000			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lũy kế số vốn đã bỏ từ khi công tác hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tình hình năm 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tình hình giai đoạn 2016-2020			Chi chi	
		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018		Bổ sung giai đoạn 2019-2020
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh										
149	Công, hàng rào và các công trình phụ trợ UBND xã Xuân Yên huyện Nghi Xuân	67/QĐ-UBND ngày 14/9/2012	405	405				86	300			300	300				
150	Đường giao thông trục chính phục vụ sản xuất Đông Lộc xã Xuân Phổ (trả nợ xây lắp)	1483/QĐ-UBND ngày 27/5/2014	4.206	4.206				2.008	1.935			1.400	1.400				
151	Đường giao thông xã Xuân Mỹ	2176/QĐ-UBND ngày 7/11/2014	5.420	5.420				2.800	2.340			1.000	1.000				
152	Kênh mương nội đồng xã Xuân Mỹ huyện Nghi Xuân (trả nợ xây lắp)	2261/QĐ-UBND ngày 29/11/2013	5.850	5.850				1.000	4.850			3.000	3.000				
153	Đường tránh lũ vùng Mỹ Lâm xã Vương Lộc, huyện Can Lộc	1077/QĐ-UBND ngày 25/01/2014	6.824	6.824				3.500	3.000			1.500	1.500				
154	Đường GTNT xã Vĩnh Lộc	1968/QĐ-UBND ngày 21/8/2015	7.822	7.822					3.900			2.500	2.500				
155	Đường giao thông trục chính xã Việt Xuyên	3364/QĐ-UBND ngày 24/10/2013	5.931	5.931				4.000	1.560			1.000	1.000				
156	Đường vào khu trang trại tập trung xã Trường Lộc	2094/QĐ-UBND ngày 25/9/2013	5.998	5.998				1.000	4.000			1.500	1.500				
157	Đường giao thông nông thôn xã Trường Lộc	2552/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	5.370	5.370					3.000			2.000	2.000				
158	Đường GTNT xã Trường Lộc	1796/QĐ-UBND ngày 7/8/2015	6.500	6.500					6.500			2.000	2.000				
159	Đường GTNT kết hợp sản xuất vùng nhà Bàu, Cồn Chậu xã Trường Lộc huyện Can Lộc	2149/QĐ-UBND ngày 7/9/2015	7.943	7.943					3.500			2.000	2.000				
160	Kênh mương nội đồng xã Tiên Lộc	1093/QĐ-UBND ngày 7/7/2015	9.783	9.783								1.500	1.500				
161	Đường giao thông liên thôn xã Tiên Điền huyện Nghi Xuân	2362/QĐ-UBND ngày 20/10/2013	8.078	8.078				4.700	2.300			1.000	1.000				
162	Đường vào trung tâm xã Thường Nga (phần lẻ và mặt đường) huyện Can Lộc	2354/QĐ-UBND ngày 30/12/2013	4.439	4.439				2.000	2.439			1.750	1.750				
163	Đường giao thông nông thôn xã Thường Lộc (vườn từ QL 15A đến thôn Nana Phong)	77/QĐ-UBND ngày 15/01/2014	14.990	14.990				7.500	7.490			2.000	2.000				
164	Trạm y tế xã Thanh Lộc	1574/QĐ-UBND ngày 20/9/2013	5.524	5.524				2.300	3.224			2.000	2.000				
165	Đường giao thông liên thôn phục vụ sản xuất xã Thạch Xuân	5139/QĐ-UBND ngày 16/12/2014	3.960	3.960				2.000	1.960			1.500	1.500				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lấy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tính giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tính giai đoạn 2016-2020			Ghi chú	
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMDT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Trong đó:		Bổ sung giai đoạn 2019-2020
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh												
166	Đường giao thông nông thôn xã Thạch Văn	2808/QĐ-UBND ngày 23/9/2013	13,546	13,546			4,000	7,070	1,000	1,000							
167	Mương tiêu úng, thoát lũ xã Thạch Trung	2348/QĐ-UBND ngày 17/12/2013; 264/QĐ-UBND ngày 11/02/2015	14,289	14,289			9,600	4,689	2,500	2,500							
168	Trạm y tế xã Thạch Trung	2373/QĐ-UBND ngày 28/11/2014	2,840	2,840				2,730	1,000	1,000							
169	Đường giao thông nông thôn xã Thạch Tiến	3352/QĐ-UBND ngày 23/10/2013	5,989	5,989			4,000	1,820	1,000	1,000							
170	Đường giao thông liên thôn xã Thạch Thanh	3892/QĐ-UBND ngày 11/9/2014	5,592	5,592			1,000	4,325	2,200	2,200							
171	Chợ Thạch Môn	1093/QĐ-UBND ngày 05/6/2015	6,385	6,385			2,716	3,669	1,000	1,000							
172	Đường giao thông trục chính vùng Đông Mầu xã Thạch Môn	06/QĐ-UBND ngày 14/01/2014	4,293	4,293			200	2,300	1,000	1,000							
173	Nhà học 03 phòng 01 tầng Trường Mầm non xã Thạch Liên, huyện Thạch Hà	1601/QĐ-UBND ngày 27/6/2016	2,987	2,987			661	2,004	1,500	1,500							
174	Kênh tiêu úng xã Tân Lộc huyện Lộc Hà	4180/QĐ-UBND ngày 05/6/2015	13,000	13,000			3,000	6,000	1,500	1,500							
175	Đường GTNT kết hợp phục vụ sản xuất xã Tân Lộc, huyện Lộc Hà	1380/QĐ-UBND ngày 25/6/2015	5,523	5,523				1,500	1,500	1,500							
176	Đường giao thông nông thôn Tân Thành và thôn Tân Lộc xã Tân Hương	1816/QĐ-UBND ngày 11/8/2015	5,485	5,485			2,460	3,020	1,500	1,500							
177	Kênh mương nội đồng xã Song Lộc, huyện Can Lộc	1755/QĐ-UBND ngày 24/6/2013	6,500	6,500			2,500	3,670	2,000	2,000							
178	Đường GTNT xã Song Lộc (giai đoạn 2)	1751/QĐ-UBND ngày 12/5/2015	5,632	5,632			1,500	3,005	1,500	1,500							
179	Đường GTNT xã Sơn Quang huyện Hương Sơn	3772/QĐ-UBND ngày 8/8/2012	13,746	13,746			4,000	6,996	3,500	3,500							
180	Đường GTNT xã Sơn Phú	874/QĐ-UBND ngày 8/4/2016	2,937	2,937			1,537	1,400	1,400	1,400							
181	Đường GTNT xã Sơn Kim 2 huyện Hương Sơn		14,978	14,978			11,500	3,000	1,500	1,500							
182	Đường GTNT thôn Hồng Hà xã Sơn Hà huyện Hương Sơn		1,786	1,786			300		1,000	1,000							

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lấy kế số vốn đã bỏ từ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tình hình giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Độ sung ngân sách tình hình giai đoạn 2016-2020			Chi chi
		TMĐT		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:					Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020	
		Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh										
183	Đường giao thông trục chính xã Sơn Bằng (huyện QL&A- Đền Phức Lai)	7180/QĐ-UBND ngày 18/12/2014	6,601	6,601			5,087	700			700	700				
184	Đường trục chính xã Quang Lộc, huyện Can Lộc	80/QĐ-UBND ngày 19/01/2014	5,160	5,160			2,000	2,374			1,500	1,500				
185	Nhà học 02 tầng 8 phòng Trường Mầm non xã Quang Lộc	2881/QĐ-UBND ngày 15/12/2014	7,874	7,874			3,500	3,900			2,000	2,000				
186	Đường giao thông từ trung tâm xã đến các hộ dân tại đình cư xã Phúc Trạch huyện Hương Khê	2650/QĐ-UBND ngày 13/5/2016	5,038	5,038			2,000	3,000			2,797	2,797				
187	Đường giao thông nông thôn xã Phú Việt (đoạn từ trung tâm xã đi thôn Bùi Xá) huyện Thạch Hà	4707/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	4,984	4,984			1,000	3,500			1,650	1,650				
188	Đường giao thông thôn Tân Sơn xã Nam Hương huyện Thạch Hà	2669/QĐ-UBND ngày 10/7/2015	7,374	7,374			2,000	4,580			1,500	1,500				
189	Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Lộc, huyện Can Lộc	2343/QĐ-UBND ngày 30/12/2013	6,220	6,220			3,000	2,661			1,431	1,431				
190	Trụ sở làm việc xã Kỳ Lâm	4868/QĐ-UBND ngày 19/12/2013	4,200	4,200			3,581	619			600	600				
191	Nhà hội trường UBND xã Kỳ Lâm	10/QĐ-UBND ngày 22/3/2015	4,500	4,500			2,500	2,000			1,702	1,702				
192	Đường trục chính nối Quốc lộ 12C vào trung tâm xã Kỳ Hợp	252/QĐ-UBND ngày 01/7/2015	5,573	5,573			3,200	1,815			1,500	1,500				
193	Đường GTNT xã Khánh Lộc (các tuyến lên thôn) huyện Can Lộc	2135/QĐ-UBND ngày 29/11/2013	6,162	6,162			3,500	2,662			1,500	1,500				
194	Đường Giao thông đoạn từ Tỉnh lộ 6 xuống khu mới trồng thủy sản xã Khánh Lộc, huyện Can Lộc	1376/QĐ-UBND ngày 28/6/2014	5,283	5,283				3,000			1,000	1,000				
195	Nâng cấp cải tạo trường THCS Thu Hậu xã Lộc Hậu huyện Lộc Hà	105/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	1,700	1,700				1,700			1,000	1,000				
196	Đường giao thông nông thôn xã Lộc Hậu (giai đoạn 3)	2812/QĐ-UBND ngày 30/6/2015	8,074	8,074			3,500	4,100			3,300	3,300				
197	Đường Giao thông nông thôn xã Hương Thọ huyện Văn Quang	1002/QĐ-UBND ngày 2/6/2014	3,831	3,831			2,000	1,000			1,000	1,000				
198	Đường GTNT kết hợp vào khu chăn nuôi tập trung xã Hương Đô	UBND ngày 04/6/2015	7,882	7,882			1,287	4,713			2,000	2,000				
199	Đường liên thôn Le ve - Đông Thịnh, xã Hồng Lộc	2612/QĐ-UBND ngày 30/9/2014	10,000	10,000			4,500	4,100			2,500	2,500				

STT	Đanh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Chú chủ
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMDT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Trong đó:	
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Bổ sung giai đoạn 2019-2020								
200	Đường GTNT thôn Quang Tiến xã Đức Thịnh (giai đoạn 2)	3254/QĐ-UBND ngày 23/09/2013	5,800	5,800					3,800	2,000		1,000	1,000			
201	Trường mầm non xã Đức Liên	1375/QĐ-UBND	1,552	1,552					640	912		900	900			
202	Đường giao thông nông thôn xã Đông Lộc, huyện Can Lộc	51/QĐ-UBND ngày 15/01/2014	8,341	8,341					4,000	3,920		1,900	1,900			
203	Đường GTNT xã Cương Gián (thôn Bắc Sơn) huyện Nghi Xuân	430/QĐ-UBND ngày 30/03/2015	4,695	4,695					3,200	1,495		1,000	1,000			
204	Trường THCS Cương Gián, huyện Nghi Xuân	1398/QĐ-UBND ngày 21/04/2015	9,226	9,226					3,000	6,226		2,000	2,000			
205	Trường mầm non xã Cổ Đạm huyện Nghi Xuân	20/QĐ-UBND ngày 28/3/2015	2,455	2,455					1,150	1,305		1,000	1,000			
206	Đường giao thông trục xã Cẩm Yên (TX 78)	7803/QĐ-UBND ngày 23/9/15	5,238	5,238					3,500	1,700		1,000	1,000			
207	Đường giao thông xã Cẩm Vinh (Đường GT thôn 7)	4307/QĐ-UBND ngày 30/6/2014	3,967	3,967					2,000	1,675		1,644	1,644			
208	Đường giao thông nông thôn xã Cẩm Thành	6507/QĐ-UBND ngày 21/10/2014	10,800	10,800					1,000	9,800		2,500	2,500			
209	Đường giao thông nông thôn xã Cẩm Phúc	405/QĐ-UBND ngày 21/01/2014	13,965	13,965					3,000	3,500		1,500	1,500			
210	Đường GTNT kết hợp sản xuất xã Cẩm Mỹ huyện Cẩm Xuyên	8642/QĐ-UBND ngày 20/11/2015	4,299	4,299						3,000		2,000	2,000			
211	Đường GTNT xã Cẩm Hà	2183/QĐ-UBND ngày 3/4/2014	13,223	13,223					2,500	7,248		5,500	5,500			
212	Đường tránh trường THPT Nguyễn Đình Liễn	6184/QĐ-UBND ngày 27/4/2015	4,400	4,400					2,000	2,100		1,000	1,000			
213	Đường giao thông thôn 1, 3, 4 xã Ân Phú, huyện Vũ Quang	2642/QĐ-UBND ngày 07/8/2015	6,082	6,082					2,450	3,570		1,500	1,500			
214	Đường Giao thông nối từ đường Cầu cây-Quán gác đi đường tránh Quốc lộ 1A	2901/QĐ-UBND ngày 30/6/2014	4,985	4,985					2,000	2,800		2,000	2,000			
215	Đường Ngô Mây thị trấn Cẩm Xuyên	7576/QĐ-UBND ngày 12/12/2014	6,802	6,802					5,800	1,000		1,000	1,000			
216	Dự án kết cấu hạ tầng khu dân cư phía đông đường Nguyễn Huy Tự thành phố Hà Tĩnh (Gổ số 02XL)	989/QĐ-UBND ngày 31/7/2009	13,084	13,084					10,620	2,464		1,000	1,000			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lý do số vốn để bố trí từ vốn công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tình hình giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tình hình giai đoạn 2016-2020			Chị chú
		TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả Ngân sách tỉnh)	Tổng số (tất cả Ngân sách tỉnh)				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020	
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh										
217	Nhà học 3 tầng (21 phòng) trường tiểu học Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh	2133/QĐ-UBND ngày 7/11/2014	11,968	11,968					5,000	4,706		2,663	2,663			
218	Đường giao thông nội phường Trung Lương	UBND ngày 13/8/2014	13,200	13,200					8,000	5,200		2,000	2,000			
219	Sân vận động phường Nguyễn Du	UBND ngày 27/6/2014	9,324	9,324					3,500	5,500		2,000	2,000			
220	Đường giao thông nội phường Đức Thuận, thị xã Hồng Lĩnh (tuyến đường công vụ)	34/QĐ-UBND ngày 02/02/2015	11,000	11,000					2,000	9,000		1,000	1,000			
221	Đường GTNT phường Đức Thuận	122/QĐ-UBND ngày 12/2/2013	9,824	9,824					4,000	5,824		3,500	3,500			
222	Đường trục chính kết hợp vào khu chăn nuôi tập trung phường Đậu Liêu	108/QĐ-UBND ngày 4/2/2016	6,045	6,045					500			1,500	1,500			
223	Sân vườn nội bộ trụ sở UBND huyện Vũ Quang	1112/QĐ-UBND ngày 24/6/2014	2,015	2,015					50	1,965		1,000	1,000			
224	Đường giao thông nông thôn xã Đức Bằng	3374/QĐ-UBND ngày 16/09/2015	12,189	12,189					4,500	3,500		2,500	2,500			
225	Đường GTNT xã Đức Lĩnh huyện Vũ Quang	260/QĐ-UBND ngày 11/02/2015	15,000	15,000					2,000	6,000		1,500	1,500			
226	Trụ sở làm việc Hội người mù và các tổ chức xã hội huyện Thạch Hà	4862/QĐ-UBND ngày 27/6/2012	2,871	2,871					1,980	742		700	700			
227	Hệ tầng trụ sở làm việc tạm thời của huyện ủy, HĐND, UBND huyện Kỳ Anh	907/QĐ-UBND ngày 27/7/2015	2,345	2,345						2,279		1,000	1,000			
228	Điện chiếu sáng, rãnh thoát nước và chỉnh trang tuyến đường Đình Phú đoạn từ Km0+00 đến Km1+300	269/QĐ-UBND ngày 3/7/2015	1,599	1,599						1,395		1,000	1,000			
229	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp đường giao thông nội thị, thị trấn Phố Châu, đoạn QL8A (Km36+180) đến Nhà thờ Xứ Kẻ Mũi	1668/QĐ-UBND ngày 02/7/2013	14,835	14,835					2,000	9,157		5,762	5,762			
230	Đường giao thông nông thôn xã Đức Quang	134/QĐ-UBND ngày 10/01/2014	14,390	14,390					9,000	5,390		2,000	2,000			
231	Hệ thống điện chiếu sáng trục đường từ thị trấn Cẩm Xuyên đi thị trấn Thiên Cẩm huyện Cẩm Xuyên	5811/QĐ-UBND ngày 18/9/2014	3,463	3,463					1,300	2,163		1,000	1,000			
232	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm dạy nghề hướng nghiệp và GDTX huyện Can Lộc	3699/QĐ-UBND ngày 23/9/2015	4,084	4,084						4,084		3,500	3,500			
233	Cải tạo hội trường trụ sở huyện ủy Hương Sơn	4116/QĐ-UBND ngày 29/7/2015	2,727	2,727					2,000	727		700	700			

STT	Danhs mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tính giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tính giai đoạn 2016-2020			Chi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		TMDT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020	
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh									
234	Đường vào đồn biên phòng xã Kỳ Khang	6722/QĐ-UBND ngày 15/6/2015	2,800	2,800					1,000	1,600	1,600					
235	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Công an huyện Nghi Xuân	1239/QĐ-CAI ngày 29/12/2015	2,292	2,292					800	1,000	1,000					
236	Khu hợp tác huấn luyện giúp bạn Lào	625/QĐ-BCHBP	2,800	2,800					1,000	1,000	1,000					
237	Cải tạo, nâng cấp Hội trường, nhà làm việc Trung tâm văn hóa thông tin - Thể dục thể thao thành phố									2,000	2,000					
238	Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC vị trí 2 phường Hà Huy Tập - Ngày 17/01/2017 đã có YB điều chuyển vốn số 179 UBT									3,500	3,500					
239	Thăm nhưa và nâng cấp đường Võ Liêm Sơn	1712;09/09/2016	2,190	2,190						2,000	2,000					
240	Xây dựng, nâng cấp hệ thống thoát nước thành phố									3,000	3,000					
241	Xây dựng đường Lê Duẩn nối thông ra đường Vũ Quang	1557/QĐ-UBND;15/8/2016	10,286	10,286					10,286	4,000	4,000					
242	Nâng cấp, SC đường Phú Xuân đi Xuân Hải xã Thạch Bàng	3987; 28/12/2017	1,755	1,755						1,800	1,800					
243	Điện chiếu sáng từ KĐT Ngã ba Đồng Lộc đến Trung tâm xã Đồng Lộc (QĐ 1332 ngày 07/5/2018)									1,500	1,500					
244	Đường giao thông xã Thạch Lạc									1,069	1,069					
245	Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường Tiểu học xã Thạch Văn									159	159					
246	Cấp điện vào khu nuôi trồng thủy sản xã Thạch Bàn									355	355					
247	Nhà học và nhà đa chức năng Trường Tiểu học xã Thạch Khê									693	693					
248	Trạm Y tế xã Thạch Hội									1,412	1,412					
249	Nhà học 02 tầng - 6 phòng Trường MN xã Thạch Lạc									1,512	1,512					
250	Trà nư XD nhà vệ sinh công cộng KDL biển Xuân Thành và các CT phụ trợ									1,300	1,300					
251	XD nâng cấp bãi đậu xe, sửa chữa HT điện chiếu sáng, trồng cây xanh tại Quảng trường Hồ Tùng Mậu tại KDL biển Thiên Cẩm									1,000	1,000					
252	XD nhà vệ sinh công cộng và bãi đậu xe KDL biển Thạch Bàng - Lộc Hà									2,000	2,000					
253	Nhà học 2 tầng 4 phòng trường mầm non xã Cẩm Nam, huyện Cẩm Xuyên	71/QĐ-UBND ngày 12/04/2013	3,561						2,478	553	553					
254	Đường giao thông vào vùng chăn nuôi tập trung xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Xuyên	4279/QĐ-UBND ngày 20/4/2015	2,988						1,984	768	768					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lấy kế số vốn đã bỏ từ từ vốn công dân hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016 -2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Ghi chú		
		TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh												
255	Nhà học 2 tầng 6 phòng trường mầm non xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn	4022/QĐ-UBND ngày 30/8/2015	5,000				2,767	2,113		1,500	1,500							
256	Kênh mương nội đồng xã Đức Lâm, huyện Đức Thọ	3446/QĐ-UBND ngày 11/11/2013	2,790				2,059	441		441	441							
257	Trường mầm non xã Đức Lâm, huyện Đức Thọ, hạng mục Nhà học 6 phòng 2 tầng	4475/QĐ-UBND ngày 28/9/2010	3,213				2,570	359		359	359							
258	Trường mầm non xã Đức Long (Phá dỡ nhà ăn bán trú cũ và xây mới; Lát sân terazzo)	2780/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	1,650				650	850		850	850							
259	Đường vào chùa Đại Bi xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà	08/QĐ-UBND ngày 14/05/2015	631				100	503		503	503							
260	Trường mầm non xã Thanh Lộc, huyện Can Lộc	136/QĐ-UBND ngày 27/12/2012	6,062				3,350	2,162		2,000	2,000							
261	Kênh mương nội đồng xã Sơn Giang, huyện Hương Sơn (huyện Cự Mông- Rúông Vinh)	30/QĐ-UBND ngày 05/05/2014	1,692				885	571		571	571							
262	Đường và cầu qua khe Bình Lạng, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh	431/QĐ-UBND ngày 8/6/2009	2,889				1,687	1,009		1,009	1,009							
263	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính xã Quang Lộc, huyện Can Lộc	80/QĐ-UBND ngày 19/01/2014	5,160				3,600	1,037		1,037	1,037							
264	Công, hàng rào, nhà bảo vệ trường mầm non Bắc Hồng, trường tiểu học Bắc Hồng, trường THCS Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh	1356/QĐ-UBND ngày 2/12/2013	2,100				1,600	427		427	427							
265	Cải tạo nhà làm việc 4 tầng, nhà ở 2 tầng, nhà ăn, kho và kho, các hạng mục phụ trợ Ban chỉ huy quân sự huyện Thạch Hà	3290/QĐ-UBND ngày 8/8/2014	2,522				2,111	250		250	250							
266	Kênh mương nội đồng xã Sơn Giang năm 2016	28/QĐ-UBND ngày 22/6/2016	1,730				890	673		673	673							
267	Đường giao thông nông thôn xã Sơn Trùng, huyện Hương Sơn	5277/QĐ-UBND ngày 25/10/2012	7,808				3,720	3,136		1,500	1,500							
268	Hà tầng kỹ thuật khu dân cư TP Thuận An, phường Đức Thuận, thị xã Hồng Lĩnh	47/QĐ-UBND ngày 12/5/2014	1,467				950	343		343	343							
269	Nhà học kiến nhà hành chính 2 tầng, 10 phòng trường Tiểu học xã Đức Thịnh, huyện Đức Thọ	2225/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	4,275				2,575	1,237		1,007	1,007							
270	Nhà văn hóa kiêm trung tâm học tập cộng đồng và các hạng mục phụ trợ khuôn viên xã Xuân Linh, huyện Nghi Xuân	1041/QĐ-UBND ngày 17/6/2015	8,494				3,053	3,538		1,500	1,500							
271	Đường giao thông nông thôn xã Kỳ Hoa, Thị xã Kỳ Anh	528/QĐ-UBND ngày 20/8/2015	12,454				9,070	1,947		1,000	1,000							

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lấy kế số vốn để bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Chi chủ
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020	
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh									
272	Trường mầm non xã Trung Lễ, huyện Đức Thọ	4280/QĐ-UBND ngày 10/6/2015	10,359						2,347	6,786		3,500	3,500			
273	Đường giao thông sau làng thôn Tân Thượng, xã Tân Lộc, huyện Lộc Hà	214/QĐ-UBND ngày 21/03/2014	2,794						-	2,414		1,000	1,000			
274	Hội trường UBND xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc	09/QĐ-UBND ngày 05/04/2013	4,950						3,996	430		430	430			
275	Trường THCS Đặng Dung, xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc	66/QĐ-UBND ngày 10/01/2014	5,309						3,816	771		771	771			
276	Chợ Hóm Trang xã Thạch Kim, huyện Lộc Hà	57/QĐ-UBND ngày 18/8/2015	3,236						1,000	1,600		1,000	1,000			
277	Cải tạo, sửa chữa nhà học 2 tầng trường THCS xã Xuân Hồng, huyện Nghi Xuân	3863/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	921						-	810		810	810			
278	Đường nội thôn Bắc Tân Dân và chợ Lù, xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc	03/QĐ-UBND ngày 20/01/2014	2,439						-	2,196		1,000	1,000			
279	Đường giao thông trục chính xã Vĩnh Lộc, huyện Can Lộc	1171/QĐ-UBND ngày 16/06/2016	5,653						-	5,211		3,000	3,000			
280	Nâng cấp đường trục xã Kỳ Hải (tuyến từ công trường chào Ủy ban đến thôn Bắc Sơn hai), huyện Kỳ Anh	6194/QĐ-UBND ngày 31/8/2016	5,074						1,900	2,479		1,500	1,500			
281	Kênh tưới Com Tân xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc	77/QĐ-UBND ngày 18/7/2014	2,750						1,111	1,120		1,000	1,000			
282	Nâng cấp tuyến kênh Cây Trươi xã Thạch Sơn, huyện Thạch Hà		1,089						700	134		134	134			
283	Nâng cấp, mở rộng đường Ngô Đức Kế (đoạn từ công trường Bắc Sơn đến trường tiểu học thị trấn Nghiã), huyện Can Lộc	56/QĐ-UBND ngày 16/7/2013	1,644						739	739		739	739			
284	Trường mầm non phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh (hạng mục nhà học 6 phòng 2 tầng)	722/QĐ-UBND ngày 17/03/2017	7,908						5,000	1,148		1,000	1,000			
285	Nhà học 2 tầng 12 phòng trường tiểu học xã Gia Hanh, huyện Can Lộc	1699/QĐ-UBND ngày 11/8/2015	5,225						4,448	278		278	278			
286	Đường giao thông nội đồng cánh đồng mẫu xã Thạch Hà, thành phố Hà Tĩnh		1,773						826	877		877	877			
287	Đường vào khu chăn nuôi tập trung xã Gia Phố, huyện Hương Khê	4882/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	5,457						3,000	1,606		1,000	1,000			
288	Đường vào khu chăn nuôi tập trung xã Phú Lộc, huyện Can Lộc	1655/QĐ-UBND ngày 14/10/2013	6,403						2,000	4,100		1,500	1,500			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lý do số vốn đã bỏ từ khi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HBND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020				Ghi chú
		TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh	TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Đã phân bổ giải đoạn 2016-2018	Bổ sung giải đoạn 2019-2020			
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)								
289	Nhà hiệu bộ trường tiểu học xã An Lộc, huyện Lộc Hà	2371/QĐ-UBND ngày 12/09/2016	3.415						1.200	1.422		1.000	1.000				
290	Đường giao thông nội đồng dọc đường trục tỉnh lộ 12, xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh	2620/QĐ-UBND ngày 12/11/2015	12.906						4.300	5.191		2.500	2.500				
291	Nhà học 2 tầng 8 phòng trường mầm non xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh	8220/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	8.300						7.000	1.250		500	500				
292	Đường trục chính xã Liên Minh huyện Đức Thọ-Đoạn nối từ huyện lộ 08 đến nhà văn hóa thôn Yên Mỹ	489/QĐ-UBND ngày 23/2/2016	7.697						1.000	5.120		2.500	2.500				
293	Tôn tạo di tích lịch sử đền thờ Thượng thư Lê Tuấn, xã Kỳ Văn, huyện Kỳ Anh	5383/QĐ-UBND ngày 16/4/2015	2.313						1.000	1.170		1.000	1.000				
294	Kênh mương nội đồng xã Thạch Ngọc, huyện Thạch Hà (trả nợ tư vấn thiết kế)	2679/QĐ-UBND ngày 3/9/2013	5.756						5.218	250		250	250				
295	Đường giao thông xóm Minh Tân, xã Thạch Hà, thành phố Hà Tĩnh	1039/QĐ-UBND ngày 5/7/2012	2.727						1.582	521		521	521				
296	Đường cầu bê tông, cầu cạn xã vùng rừng, huyện Can Lộc (Gói XL và TVGS)	807/QĐ-UBND ngày 23/03/2011	128.066						98.500	15.500		4.400	4.400				
297	Nâng cấp mở rộng đường trục chính xã Thuận Thiện, huyện Can Lộc	594/QĐ-UBND ngày 15/04/2013	14.958						6.000	8.958		3.000	3.000				
298	Đường giao thông nông thôn xã Sơn Bình, huyện Hương Sơn	748/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	14.990						3.000	11.100		2.000	2.000				
299	Đường giao thông nông thôn xã Thuận Lộc, thị xã Hồng Lĩnh	112/QĐ-UBND ngày 28/2/2013	9.850						3.000	6.850		2.000	2.000				
300	Đường giao thông nội phường Trung Lương, thị xã Hồng Lĩnh	265/QĐ-UBND ngày 6/2/2015	13.200						10.000	3.200		1.500	1.500				
301	Đường giao thông nội phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh	11/QĐ-UBND ngày 24/01/2013	8.520						5.000	3.520		1.500	1.500				
302	Đường Giao thông nông thôn xã Cẩm Mỹ, huyện Cẩm Xuyên	4987/QĐ-UBND ngày 7/8/2013	14.296						9.500	4.796		2.000	2.000				
303	Đường vào khu sản xuất chăn nuôi tập trung xã Sơn Ninh, huyện Hương Sơn	2448/QĐ-UBND ngày 23/8/2013	13.564						6.125	6.140		3.000	3.000				
304	Đường GTNT liên thôn xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân	890/QĐ-UBND ngày 22/05/2014	7.500						5.700	697		697	697				
305	Đường giao thông nông thôn xã Thuận Thiện, huyện Can Lộc	3064/QĐ-UBND ngày 22/12/2015	10.179						3.500	4.643		3.000	3.000				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)			Lấy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giải ngân 2016-2018	Trong đó:	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh							
306	Đường giao thông thôn Xuân Khánh xã Thạch Bằng, huyện Lạc Hà	56/QĐ-UBND ngày 20/3/2013	1,063				763	300	300					
307	Đường giao thông thôn Xuân Đông xã Thạch Bằng, huyện Lạc Hà	87/QĐ-UBND ngày 25/6/2013	1,340				440	900	900					
308	Đường giao thông nội phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh	872/QĐ-UBND ngày 12/7/2010	14,858				7,500	7,358	2,000					
309	Nhà làm việc 2 tầng và các hạng mục phụ trợ, trụ sở xã Đức Vinh, huyện Đức Thọ	4230/QĐ-UBND ngày 12/7/2017	4,969				1,850	2,265	1,500					
310	Trường tiểu học xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ, hạng mục Nhà hiệu bộ và các công trình phụ trợ	3160/QĐ-UBND ngày 15/5/2017	2,953				1,000	1,324	1,000					
311	Đường giao thông trục chính vùng Đồng màu xã Thạch Môn, thành phố Hà Tĩnh	1003/QĐ-UBND ngày 5/6/2015	4,293				3,107	556	500					
312	Mương tiêu úng vùng Đồng màu và trạm bơm xã Thạch Môn, thành phố Hà Tĩnh	2236/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	2,371				1,150	983	900					
313	Đường giao thông nông thôn xã Quang Lộc, huyện Can Lộc (các tuyến thôn Ban Long, Yên Lạc, Hương Bình)	2553/QĐ-UBND ngày 30/12/2013	13,833				4,000	9,210	2,000					
314	Đường liên thôn xóm Tài năng- Tùng Sơn và xóm Tân Hương- Tây Vinh xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc	1007/QĐ-UBND ngày 18/5/2016	9,257				2,500	5,310	2,000					
315	Đền thờ liệt sỹ xã Thạch Bằng, huyện Lạc Hà	80/QĐ-UBND ngày 26/12/2010	14,983				10,000	2,004	1,000					
316	Đường liên xã Đức An- Tân Hương, huyện Đức Thọ	1896/QĐ-UBND ngày 02/4/2018	14,980				2,000	12,100	3,000					
317	Đường vào khu chăn nuôi tập trung xã Thượng Lộc, huyện Can Lộc	1656/QĐ-UBND ngày 14/10/2013	6,293				2,000	3,629	1,500					
318	Đường phục vụ sản xuất thôn Tân Thành, xã Kỳ Ninh, Thị xã Kỳ Anh	3713/QĐ-UBND ngày 29/8/2016	5,810				2,015	2,725	1,500					
319	Đường giao thông trục chính xã Phú Lộc, huyện Can Lộc	2137/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	6,399				1,000	4,048	2,000					
320	Trạm y tế xã Kỳ Tây, huyện Kỳ Anh	620/QĐ-UBND ngày 27/4/2015	4,760				2,775	1,186	1,000					
321	Trường tiểu học Sơn Lộc, huyện Can Lộc	813/QĐ-UBND ngày 23/5/2017	3,701				1,454	1,788	1,500					
322	Khu trung tâm văn hóa xã Thái Yên, huyện Đức Thọ	3228/QĐ-UBND ngày 27/7/2018	13,521				2,000	11,013	3,000					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lý do số vốn đã bỏ từ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
		TMĐT		TMĐT		TMĐT		Trong đó:								
		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018				Bổ sung giai đoạn 2019-2020			
323	Đường giao thông nông thôn xã Lộc Yên, huyện Hương Khê	6399/QĐ-UBND ngày 9/9/2015	2.245					1.276	745			600	600			
324	Đường giao thông từ Hồ Quy di nghĩa trang xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà	3039/QĐ-UBND ngày 29/8/2017	2.053					500	1.167			1.000	1.000			
325	Đường Giao thông nông thôn từ Quốc lộ 15 đến đường Nương Dầu xóm Đông Phong, xã Thượng Lộc, huyện Can Lộc	2922/QĐ-UBND ngày 8/12/2015	1.232					300	858			500	500			
326	Sân nền chợ huyện xã Đông Lộc, huyện Can Lộc	688/QĐ-UBND ngày 13/5/2017	2.994					1.500	1.066			1.000	1.000			
327	Trạm y tế phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh	2998/QĐ-UBND ngày 11/8/2017	4.997					500	4.390			2.000	2.000			
328	Nhà hội trường xã Thạch Hưng, thành phố Hà Tĩnh	802/QĐ-UBND ngày 1/6/2018	4.650					2.884	1.539			500	500			
329	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Khe Con Hồ V/6 xã Hương Giang, huyện Hương Khê (giai đoạn 1)	33/QĐ-UBND ngày 6/01/2014	26.100					15.000	2.000			1.000	1.000			
330	Sửa chữa trường huyện Đường vào Trụ sở xã Cẩm Yên (TX79), huyện Cẩm Xuyên	7144/QĐ-UBND ngày 18/11/2014	1.212					529	330			330	330			
331	Nhà hiện bộ trường tiểu học xã Cường Gián 2, xã Cường Gián, huyện Nghi Xuân	3123/QĐ-UBND ngày 15/8/2017	2.456					754	1.456			900	900			
332	Đường giao thông liên xã Kỳ Hà - Kỳ Hải, thị xã Kỳ Anh	2716/QĐ-UBND ngày 24/7/2017	9.373					3.436	5.000			1.000	1.000			
333	Đường trục chính xã Cẩm Hòa (đoạn từ huyện lỵ 124 đến nhà văn hóa thôn Đại Hòa và đoạn đường Quang-Yên - Hòa đến nhà a Lý), huyện Cẩm Xuyên	1976/QĐ-UBND ngày 24/9/2017	4.901					-	4.411			2.000	2.000			
334	Đường đi sản xuất vùng Đông Nông - Tâm Tàng xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân	135/QĐ-UBND ngày 15/10/2017	1.735					1.617	118			118	118			
335	Nhà làm việc 2 tầng 10 phòng UBND xã Hộ Đê, huyện Lộc Hà	2086/QĐ-UBND ngày 19/6/2017	2.612					500	1.981			500	500			
336	Nhà làm việc 2 tầng 12 phòng trạm y tế xã Sơn Thủy, huyện Hương Sơn	2198/QĐ-UBND ngày 19/6/2017	3.997					2.000	1.597			1.000	1.000			
337	Đường và kẻ chống sét từ ao Chùa Khánh Ngọc, xã Khánh Lộc, huyện Can Lộc	2241/QĐ-UBND ngày 3/10/2014	5.726					2.000	2.864			1.000	1.000			
338	Đài tưởng niệm liệt sỹ xã Thương Lộc, huyện Can Lộc	3033/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	2.968					1.000	1.671			1.000	1.000			
339	Nhà học 2 tầng 6 phòng trường tiểu học xã Thạch Hạ, thành phố Hà Tĩnh	3033/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	6.079					2.000	3.471			1.000	1.000			

STT	Danhs mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMDT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh								
340	Nhà đa năng trường tiểu học xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân	5887/QĐ-UBND ngày 12/12/2017	2,313							2,082		1,500	1,500		
341	Nhà học 2 tầng 4 phòng trường mầm non xã Tùng Anh, huyện Đức Thọ	5120/QĐ-UBND ngày 14/8/2015	3,950						1,000	2,555		1,500	1,500		
342	Nâng cấp, mở rộng đường nội thị từ Ngã ba lách Khe đến Quốc lộ 15B, xã Đông Lộc, huyện Can Lộc	5120/QĐ-UBND ngày 14/8/2015	12,361						8,000	4,200		3,000	3,000		
343	Cải tạo, nâng cấp Nhà làm việc 3 tầng cơ quan Huyện ủy Hương Sơn	2953/QĐ-UBND ngày 28/8/2017	2,988						2,000	689		500	500		
344	Đường giao thông nông thôn xã Hương Đô, huyện Hương Khê	6230/QĐ-UBND ngày 17/10/2016	14,900						6,100	6,100		2,000	2,000		
345	Đường qua trung tâm hành chính xã Kỳ Tiến, huyện Kỳ Anh	5023/QĐ-UBND ngày 3/10/2017	10,669						3,000	5,535		2,000	2,000		
346	Đường trục thôn xóm Yên Tráng, xóm Lũy, xã Kim Lộc, huyện Can Lộc	2307/QĐ-UBND ngày 12/10/2016	5,958						850	4,091		1,500	1,500		
347	Đường giao thông liên xã Khang Phú, xã Kỳ Khang, huyện Kỳ Anh	4427/QĐ-UBND ngày 14/8/2017	8,667						1,000	5,934		4,000	4,000		
348	Đường giao thông nông thôn xã Kỳ Hoa, Thị xã Kỳ Anh, hạng mục Đường trục thôn Hoa Thăng	2082/QĐ-UBND ngày 19/6/2017	10,822						1,500	8,026		2,000	2,000		
349	Nâng cấp đường trục chính xã Xuân Lam, huyện Nghi Xuân	3447/QĐ-UBND ngày 31/8/2017	5,297						1,000	3,767		1,500	1,500		
350	Cải tạo nâng cấp đường Trần Kim Xuyên và đường Lương Hiền thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn	4714/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	14,983						1,570	5,930		2,500	2,500		
351	Trường mầm non thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà	1536/QĐ-UBND ngày 6/6/2017	12,922						4,000	3,500		1,500	1,500		
352	Đường giao thông xã Sơn Bằng- Sơn Lễ, huyện Hương Sơn (Gói tư vấn)	163/QĐ-UBND ngày 20/01/2010	104,784						652	579		579	579		
353	Đường giao thông nông thôn xã Sơn Diệm, huyện Hương Sơn	749/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	9,015						-	5,250		2,000	2,000		
354	Đường vào trung tâm xã Sơn Quang, huyện Hương Sơn	4041/QĐ-UBND ngày 20/10/2015	172,736						129,225	15,775		3,000	3,000		
355	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trục chính xã Sơn Hàm, huyện Hương Sơn	5005/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	12,445						5,000	4,956		2,000	2,000		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)				Lý do số vốn đã bố trí từ khi công tác hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tình hình giải ngân 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND	Bổ sung ngân sách tình hình giải ngân 2016-2020			Ghi chú
		TMDT		TMDT		TMDT		Trong đó:					Đã phân bổ giải ngân 2016-2018	Bổ sung giải ngân 2019-2020		
		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh									
356	Chinh trang đồ thi đường Nguyễn Thiệp đoạn từ đường Quang Trung đến đường Nguyễn Đình Chi, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh	1658/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	5.505					1.000	3.955			2.000	2.000			
357	Nhà hội trường xã Kỳ Hợp, huyện Kỳ Anh	4874/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	4.898					300	2.745			1.500	1.500			
358	Đường giao thông, nương thoát nước, vỉa hè đoạn từ Miếu Quan Quận vào thôn Liên Nhât, xã Thạch Hà, thành phố Hà Tĩnh	680/QĐ-UBND ngày 12/4/2016	8.852					2.426	4.760			4.000	4.000			
359	Đường giao thông liên thôn xã Đức Thành, huyện Đức Thọ	12350/QĐ-UBND ngày 30/12/2016	4.816					-	3.371			2.000	2.000			
360	Đường giao thông trong trung tâm hành chính huyện Kỳ Anh (đoạn từ đường 70 qua trường THCS Giang Đổng đến sông Nhà Lê)	5423/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	10.061					2.500	3.537			1.500	1.500			
361	Nâng cấp tuyến đường liên xã Trường Sơn-Liên Minh (HL17), huyện Đức Thọ	2223/QĐ-UBND ngày 15/10/2015	14.980					2.000	10.147			2.000	2.000			
362	Nhà làm việc 3 tầng trụ sở UBND xã Thạch Ngọc, huyện Thạch Hà	6259/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	7.500					3.000	3.000			2.000	2.000			
363	Đường trục chính xã Tân Hương (đoạn qua thôn Tân Nhân), huyện Đức Thọ	7989/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	13.469					2.000	7.800			3.000	3.000			
364	Đường giao thông nâng thôn xã Đức Lạc, huyện Đức Thọ	11670/QĐ-UBND ngày 29/11/2016	7.226					3.000	2.781			1.500	1.500			
365	Đường liên thôn thôn Trung Xuân đi thôn Minh Xuân, xã Kỳ Tây, huyện Kỳ Anh	7765/QĐ-UBND ngày 21/10/2016	4.858					1.200	2.177			1.500	1.500			
366	Đường giao thông vào khu sản xuất, chăn nuôi tập trung xã Thạch Tiến, huyện Thạch Hà	4183/QĐ-UBND ngày 8/10/2014	5.659									3.000	3.000			
367	Trường mầm non xã Thạch Xuân, huyện Thạch Hà	6288/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	2.987									2.500	2.500			
368	Nhà học 2 tầng 8 phòng trường THCS Long Sơn, xã Thạch Long, huyện Thạch Hà	5670/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	4.300									2.000	2.000			
369	Đường giao thông liên thôn Ba Giang đi thôn Trung Tiến xã Phú Việt, huyện Thạch Hà	5699/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	4.497									3.000	3.000			
370	Đường giao thông thôn Lai Đông, xã Đức Đông, huyện Đức Thọ	531/QĐ-UBND ngày 8/3/2018	8.537									3.000	3.000			
371	Sửa chữa, nâng cấp đường TX03 xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Xuyên	421/QĐ-UBND ngày 22/01/2018	2.497									1.500	1.500			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)			Lấy kế số vốn để bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu bổ sung ngân sách tính giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã được giao tại Nghị quyết 75/NQ-HBND	Bổ sung ngân sách tính giai đoạn 2016-2020			Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn) Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh						Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018		Bổ sung giai đoạn 2019-2020
372	Nhà học 3 tầng 12 phòng trường tiểu học xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân	1735/QĐ-UBND ngày 13/4/2018	3,840					1,500			1,500				
373	Nâng cấp các tuyến đường giao thông hai bên đến thờ Chế Thắng phu nhân Nguyễn Thị Bích Châu, xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh	4267/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	6,778					2,000			2,000				
374	Đường giao thông nông thôn xã Sơn Bằng, huyện Hương Sơn	101/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	3,858					1,500			1,500				
375	Nhà học 2 tầng 6 phòng trường mầm non xã Khánh Lộc, huyện Can Lộc	364/QĐ-UBND ngày 5/3/2018	6,457					2,000			2,000				
376	Đường giao thông thôn Sơn Phú, xã Mai Phú, huyện Lộc Hà	3437/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	7,939					2,000			2,000				
377	Trường Trung học cơ sở xã Cẩm Nhung huyện Cẩm Xuyên (giai đoạn 1)	817/QĐ-UBND ngày 26/3/2018	20,800					3,000			3,000				
378	Sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đường ống nhà máy nước xã Kim Lộc, huyện Can Lộc	1202/QĐ-UBND ngày 4/7/2018	2,200					1,000			1,000				
379	Trường Trung học cơ sở xã Kỳ Thịnh, huyện Kỳ Anh	3774/QĐ-UBND ngày 27/9/2017	10,000					2,500			2,500				
380	Đường giao thông nông thôn xã Đức Vĩnh, huyện Đức Thọ	4618/QĐ-UBND ngày 3/8/2017	4,935					1,500			1,500				

Phụ lục 02. DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KIẾN THIẾT CÁC ĐÔ THỊ BỔ SUNG NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số 120/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		Quyết định đầu tư ban đầu		Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016- 2020		Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
		Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP cấp tỉnh	Trong đó: Đã phân bổ giai đoạn 2016- 2018	Bổ sung giai đoạn 2019- 2020		
I	TỔNG SỐ		637,884	594,467	637,884	-	511,010	443,049	166,622	276,427	-	
	Thành phố Hà Tĩnh		404,030	393,393	404,030	-	344,716	304,716	141,000	163,716	-	
1	Đường Trung Tiết (đoạn từ đường Nguyễn Huy Tự đến đường Nguyễn Công Trứ)	2100; 12/7/2018	8,271	8,271	8,271	-	7,000	7,000	-	7,000		
2	Nâng cấp hệ thống chiếu sáng thành phố Hà Tĩnh		13,000	13,000	13,000	-	11,700	11,700	-	11,700		
3	Dự án đường phía tây kênh N1-9 đoạn từ đường Vũ Quang đến đường Hàm Nghi, thành phố Hà Tĩnh		25,000	25,000	25,000	-	22,500	22,500	-	22,500		
4	Đầu tư hệ thống điều khiển chiếu sáng công cộng thành phố Hà Tĩnh		20,000	20,000	20,000	-	20,000	20,000	-	20,000		
5	Lắp đặt các cụm đèn tín hiệu giao thông trên Quốc lộ 1, đoạn qua thành phố Hà Tĩnh	5059/UBND-GT; 23/8/2018	4,500	3,150	4,500	-	3,150	3,150	-	3,150		
6	Lắp đặt các cụm đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh	2763; 18/9/2018	6,929	4,850	6,929	-	4,850	4,850	-	4,850		
7	Sân thể thao đa năng phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh		5,000	5,000	5,000	-	4,500	4,500	-	4,500		
8	Lắp đặt các cụm đèn các cụm đèn trang trí bằng công nghệ LED trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh	3207/UBND-GT; 04/6/2018	7,000	4,900	7,000	-	4,900	4,900	-	4,900		
9	Xây dựng hệ thống giám sát trật tự đô thị và an toàn giao thông tại thành phố Hà Tĩnh hướng đến mô hình thành phố thông minh	3176, 31/10/2017	131,922	131,922	131,922		100,000	100,000	100,000	-		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020			Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020		
10	Nâng cấp tuyến đường Mai Thúc Loan, thành phố Hà Tĩnh (giai đoạn I)	3142; 31/10/2017	13,000	13,000	13,000	11,700	11,700	3,500	8,200				
11	Cùng cỏ, nâng cấp đê Hữu Phú từ K2+350 đến K3+480, 8 đoạn đi qua thành phố Hà Tĩnh	3933/QĐ-UBND ngày 12/10/2015	26,340	26,340	26,340	23,652	23,652	-	23,652				
12	Khắc phục và giám ngập úng cục bộ trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh	2936/QĐ-UBND ngày 19/10/2016	9,760	9,760	9,760	8,376	8,376	8,000	376				
13	Cầu bắc qua sông Cút và đường nối từ đường Nguyễn Chí Thanh đến cầu qua sông Cút	3090; 31/10/2016	13,108	8,000	-	13,108	8,000	8,000	-				
14	Đường nối từ đường Quang Trung đến đường Ngô Quyền (qua chợ đầu mối Thạch Trung)		25,000	25,000		25,000	22,500	13,500	9,000				
15	Sân vận động xã Thạch Đồng, thành phố Hà Tĩnh	2267; 30/10/2017	2,777	2,777		2,777	2,000	-	2,000				
16	Đường Lê Duẩn kéo dài đoạn phía Nam Vincom đến đường Nguyễn Xi, phường Hà Huy Tập, thành phố Hà Tĩnh	3622; 18/9/2015	64,532	64,532	-	64,532	64,532	-	39,532				
17	Chính trang Quảng trường thành phố Hà Tĩnh	2827; 29/9/2017 1696; 8/6/2018	27,891	27,891		27,891	25,356	10,356	8,000	2,356			
II	Thị xã Hồng Lĩnh		150,492	135,200	-	150,492	102,300	97,300	10,200	87,100	-		
1	Đường Nguyễn Du, thị xã Hồng Lĩnh		24,000	24,000	-	24,000	21,600	-	21,600				
2	Kè chống sạt lở hai bờ khe Bình Lăng, thị xã Hồng Lĩnh (đoạn từ Cầu Suối Tiên trên đường Kinh Dương Vương đến Cầu Đồi trên QL1A)		38,000	38,000	-	38,000	25,000	-	25,000				
3	Lát vỉa hè và trồng cây xanh đường Nguyễn Ái Quốc, thị xã Hồng Lĩnh		15,000	15,000	-	15,000	13,500	-	13,500				
4	Đường vào Bệnh viện đa khoa Hồng Lĩnh, thị xã Hồng Lĩnh	438; 30/01/2015	46,000	46,000	-	46,000	30,000	-	25,000				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu		Lũy kế số vốn đã bỏ trị từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020		Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Chị chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: Ngân sách tỉnh	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018		Bổ sung giai đoạn 2019-2020
5	Lắp đặt các cum đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh	1801/QĐ-UBND ngày 29/6/2017	7,492	5,200	7,492	5,200	5,200	5,200	-		
6	Kè chống sạt lở hai bờ khe Bình Lạng, thị xã Hồng Lĩnh (đoạn từ cầu Bình Lạng đến cầu Đồi)	3274; 31/10/2018	20,000	7,000	20,000	7,000	7,000	5,000	2,000		
III	Thị xã Kỳ Anh		83,363	65,874	83,363	63,994	41,033	15,422	25,611	-	
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước, Khe Bò, xã Kỳ Nam, thị xã Kỳ Anh	1362/QĐ-UBND ngày 10/5/2018	19,800	19,800	19,800	19,553	1,592	-	1,592		
2	Trụ sở làm việc Công an 6 phường thuộc Công an thị xã Kỳ Anh	3101; 23/10/2017	35,982	25,000	35,982	25,000	20,000	-	20,000		
3	Nâng cấp hệ thống vỉa hè dọc 2 bên Quốc lộ 1 đoạn từ Km563+828 đến Km567+728, thị xã Kỳ Anh	1971; 15/7/2016	14,799	14,799	14,799	13,319	13,319	13,300	19		
4	Kênh thoát nước từ Cầu Đình đến Cầu Bàu, phường Sông Trú, thị xã Kỳ Anh	189; 20/01/2016	2,275	2,275	2,275	2,122	2,122	2,122	-		
5	Đường giao thôn nông thôn từ thôn Tây Hà qua đồng muối đi thôn Bắc Hà, xã Kỳ Hà, thị xã Kỳ Anh	2717; 24/7/2017	10,507	4,000	10,507	4,000	4,000	-	4,000		

Phụ lục 03. DANH MỤC DỰ ÁN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG BỔ SUNG NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số 120/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khi công đến hết năm 2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020			Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Tổng số (tất cả NSDP cấp tỉnh)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh					Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020	
	TỔNG SỐ		2,073,149	1,999,126	-	2,068,149	1,797,422	1,646,422	278,166	1,368,257	
I	HUYỆN ĐỨC THO		358,451	348,348	-	358,451	317,617	287,617	36,200	251,417	
1	Đường giao thông nội vùng xã Đức Dũng, huyện Đức Thọ	7111/UBND-GT1; 13/11/2018	14,671	14,671	-	14,671	13,204	13,204	-	13,204	
2	Đường trục thôn Tân Quang kết hợp đường vào khu chôn cất tập trung xã Đức Lạng, huyện Đức Thọ	1933 /SKHBT-TĐGSĐT; 20/7/2018	12,000	9,600	-	12,000	9,600	9,600	-	9,600	
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu Đồng Đầu vào trung tâm xã Đức Quang, huyện Đức Thọ	3209; 26/10/2018	12,500	12,500	-	12,500	11,250	11,250	3,700	7,550	
4	Đường cứu hộ, cứu nạn xã Đức Quang, huyện Đức Thọ	678/QĐ-UBND ngày 15/3/2017	5,987	5,987	-	5,987	5,388	5,388	5,000	388	
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến Huyện lộ 10 đoạn qua xã Đức Quang, huyện Đức Thọ	1110; 16/4/2018	5,000	5,000	-	5,000	4,500	4,500	-	4,500	
6	Đường giao thông nông thôn xã Đức Nhân, huyện Đức Thọ	5333; 28/9/2016	9,217	9,217	-	9,217	7,000	7,000	3,000	4,000	
7	Đường giao thông thôn Lai Đồng, xã Đức Đông, huyện Đức Thọ	12364; 30/12/2016	8,302	8,302	-	8,302	7,000	7,000	3,000	4,000	
8	Nâng cấp đường nối Quốc lộ 15 đi qua trung tâm xã Đức Dũng, Hồ chứa nước Khe Lang, huyện Đức Thọ	524/HĐND; 30/10/2015	81,000	81,000	-	81,000	72,900	72,900	-	72,900	
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên xã Liên Minh - Đức Tùng - Đức Châu (HL09), huyện Đức Thọ	6229/UBND-GT1 ngày 09/10/2018	63,000	63,000	-	63,000	56,700	56,700	-	56,700	
10	Đường từ QL8A vào trung tâm xã Đức Thủy, huyện Đức Thọ	3264; 30/10/2018	9,500	9,500	-	9,500	8,550	8,550	-	8,550	
11	Lắp đặt một số cụm đèn tín hiệu trên địa bàn huyện Đức Thọ		4,000	4,000	-	4,000	2,800	2,800	-	2,800	
12	Đường giao thông liên xã Yên Hồ - Đức Thuận, huyện Đức Thọ	6675/UBND-GT1; 26/10/2018	7,000	7,000	-	7,000	6,300	6,300	-	6,300	
13	Đường liên xã Đức Đông - Đức Lập - Tân Hương, huyện Đức Thọ	4146; 28/10/2015	55,565	55,565	-	55,565	50,008	50,008	1,500	48,508	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Lũy kế số vốn công bố từ khởi đầu năm 2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020				Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020				Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Bổ sung giai đoạn 2019-2020			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh						Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020				
14	Đường nội vùng xã Đức Đông, huyện Đức Thọ	3284; 06/11/2017	43,006	43,006	-	43,006	42,416	12,416	10,000	2,416					
15	Đường giao thông nội vùng xã Đức Hòa	4148; 28/10/2015	27,703	20,000	-	27,703	20,000	20,000	10,000	10,000					
II	HUYỆN CAN LỘC		275,312	265,314	-	275,312	243,941	243,941	21,500	222,441			-		
1	Đường giao thông liên xã Song Lộc - Kim Lộc, huyện Can Lộc	1810; 18/6/2018	10,787	10,000	-	10,787	9,708	9,708	3,500	6,208					
2	Nâng cấp, mở rộng đường Thiên - An (thuộc nhánh 01), huyện Can Lộc	3466/UBND-GT; 15/6/2018	12,337	12,337	-	12,337	11,103	11,103	-	11,103					
3	Đường trục chính xã Khánh Lộc, huyện Can Lộc	4600/UBND-GT; 06/8/2018	4,500	4,500	-	4,500	4,050	4,050	-	4,050					
4	Đường giao thông xã Mỹ Lộc, huyện Can Lộc (đoạn nối Quốc lộ 15B - Quốc lộ 15A)	2302; 31/7/2018	4,800	4,800	-	4,800	4,320	4,320	-	4,320					
5	Hệ thống kênh tiêu úng phía nam thị trấn Nghiền, huyện Can Lộc	883; 03/4/2018	19,263	19,263	-	19,263	17,337	17,337	5,000	12,337					
6	Đường giao thông liên xã Khánh - Vương, đoạn từ DT.553 về ngã tư Lương Hội, xã Khánh Lộc, huyện Can Lộc	45, 05/01/2018	5,711	5,000	-	5,711	5,000	5,000	2,000	3,000					
7	Đường giao thông huyện lộ 9, huyện Can Lộc (Chư Đình - Quán Trại)		100,000	100,000	-	100,000	90,000	90,000	-	90,000					
8	Nâng cấp mở rộng đường trục chính xã Thuần Thiện	439; 30/11/2015	48,000	39,500	-	48,000	39,500	39,500	-	39,500					
9	Đường giao thông vào vùng kinh tế mới Tân Bình xã Gia Hanh, huyện Can Lộc	1726; 11/6/2018	11,923	11,923	-	11,923	10,731	10,731	4,000	6,731					
10	Đường vào khu trang trại chăn nuôi tập trung, phát triển kinh tế mới thôn Hồng Tiến, Sơn Bình, xã Thương Lộc, huyện Can Lộc	1641; 07/5/2015 - 3160; 19/10/2018	23,991	23,991	-	23,991	21,592	21,592	7,000	14,592					
11	Nâng cấp trại cá giống Tiên Lộc, huyện Can Lộc	6813/UBND-NL; 01/11/2018	4,000	4,000	-	4,000	3,600	3,600	-	3,600					
12	Đê Ta nghien huyện Lộc Hà, đoạn qua Chùa Phố Đô nối với Tỉnh Lộ 9	7401/UBND-NL1; 23/11/2018	30,000	30,000	-	30,000	27,000	27,000	-	27,000					
III	HUYỆN LỘC HÀ		228,644	227,987	-	228,644	195,353	195,353	27,000	168,353			-		
1	Trung tâm văn hóa - Truyền thông huyện Lộc Hà	07/TTB-BCĐ; 05/10/2018	69,900	69,900	-	69,900	58,610	58,610	-	58,610					
2	Lắp đặt cum đèn tín hiệu giao thông tại nút đường liên xã Thạch Châu-Mai Phụ và đường tỉnh DT.549	2762; 18/9/2018	2,190	1,533	-	2,190	1,533	1,533	-	1,533					
3	Đường GT kết hợp vào khu trang trại vùng Bãi Ràn, xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà	4826; 18/12/2015	9,899	9,899	-	9,899	9,899	9,899	8,000	1,899					
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Thạch Kênh đến Hồng Lộc	3843; 08/12/2014	55,000	55,000	-	55,000	49,500	49,500	-	49,500					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020			Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh					Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020		
5	Hệ thống kênh nội đồng và đường giao thông nông thôn xã Mai Phú, huyện Lộc Hà	3889 8/10/2015	27,116	27,116	-	27,116	20,000	20,000	500	19,500		
6	Đường giao thông vào khu trang trại vùng Nam Hà, xã Ich Hậu, huyện Lộc Hà	878 16/03/2015; 821; 26/03/2018	7,965	7,965	-	7,965	7,965	7,965	2,500	5,465		
7	Đường giao thông liên thôn xã Tân Lộc, huyện Lộc Hà	3257; 30/10/2018	9,000	9,000	-	9,000	8,000	8,000	-	8,000		
8	Đường giao thông nông thôn kết hợp phục vụ sản xuất xã Tân Lộc, huyện Lộc Hà	1601/QĐ-UBND ngày 27/6/2016	5,523	5,523	-	5,523	2,000	2,000	1,000	1,000		
9	Đường giao thông vào khu trang trại kết hợp cấu hộ đập Khe Quả, huyện Lộc Hà	3298 21/08/2015	23,850	23,850		23,850	21,465	21,465	9,000	12,465		
10	Đường giao thông nông thôn kết hợp vào khu trang trại chăn nuôi các xã Thịnh Lộc, Phú Lưu huyện Lộc Hà	3117; 11/8/2015 2056; 09/7/2018	18,201	18,201		18,201	16,381	16,381	6,000	10,381		
IV	HUYỆN NGHI XUÂN		203,763	194,900	-	203,763	182,817	152,317	30,350	121,967	-	
1	Nâng cấp đường giao thông liên xã Mỹ - Thành - Hoa, huyện Nghi Xuân (HL03)	1512; 21/5/2018	39,319	39,319	-	39,319	38,814	8,314	7,000	1,314		
2	Lắp đặt các cụm đèn tín hiệu giao thông tại huyện Nghi Xuân	3175; 30/10/2017	5,407	3,785		5,407	3,785	3,785	-	3,785		
3	Đường giao thông nông thôn kết hợp vào các vùng sản xuất. Chăn nuôi tập trung xã Cổ Đạm huyện Nghi Xuân	4828/QĐ-UBND ngày 18/12/2015	9,265	6,474		9,265	6,900	6,900	6,900	-		
4	Đường GTNT phục vụ sản xuất và chăn nuôi tập trung xã Xuân Yên	278/QĐ-UBND ngày 1/2/2016	5,939	5,939		5,939	5,345	5,345	4,200	1,145		
5	Đường trục chính liên thôn xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	666; 13/2/2015 442; 01/2/2018	6,099	6,099	-	6,099	5,489	5,489	3,750	1,739		
6	Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông nội thị của thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân	7021/UBND-GT; 08/11/2018	49,866	49,866	-	49,866	44,879	44,879	-	44,879		
7	Đường giao thông Yên - Phố - Hải, huyện Nghi Xuân		5,000	5,000	-	5,000	5,000	5,000	-	5,000		
8	Đường giao thông Hải - Yên - Thành, huyện Nghi Xuân		22,000	22,000	-	22,000	19,800	19,800	-	19,800		
9	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Viên - Lĩnh, huyện Nghi Xuân	3997; 15/10/2015 2518; 23/8/2018	40,840	36,840	-	40,840	36,756	36,756	-	36,756		
10	Đường vào khu chăn nuôi tập trung xã Xuân Viên	4353; 31/12/2014	4,974	4,974		4,974	2,500	2,500	2,500	-		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020			Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh						Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020		
11	Cầu Đòng Trá vào khu chăn nuôi tập trung xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân	1408, 21/4/2015	10,554	10,554	-	10,554	9,499	9,499	6,000	3,499			
12	Tuyến đường qua khi xử lý rác thải tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân		4,500	4,050	-	4,500	4,050	4,050	-	4,050			
V	HUYỆN VŨ QUANG		199,763	199,763	-	199,763	179,787	179,787	6,000	173,787		-	
1	Nản dòng Hới Trươi, xã Sơn Thọ, huyện Vũ Quang	2782, 20/9/2018	42,000	42,000	-	42,000	37,800	37,800	-	37,800			
2	Đường giao thông từ đường Hồ Chí Minh đi Quốc lộ 281 đoạn qua xã Sơn Thọ, huyện Vũ Quang	7739/UBND-GT; 06/12/2018	18,500	18,500	-	18,500	16,650	16,650	-	16,650			
3	Đường Đốc bà Toàn - Hương Thọ (đoạn từ thôn Đông Minh xã Hương Minh đến thôn 2 xã Hương Thọ)		28,500	28,500	-	28,500	25,650	25,650	-	25,650			
4	Đường giao thông nông thôn xã Đức Linh	6847/UBND-GT 02/11/2018	30,000	30,000	-	30,000	27,000	27,000	-	27,000			
5	Đường giao thông nông thôn xã Hương Minh	6847/UBND-GT 02/11/2018	35,000	35,000	-	35,000	31,500	31,500	-	31,500			
6	Đường vào khu sản xuất tập trung xã Đức Linh, huyện Vũ Quang	191, 14/01/2015	11,298	11,298	-	11,298	10,168	10,168	-	10,168			
7	Đường Hương Thọ - Đức Hương (đoạn thôn Hương Phùng xã Đức Hương đến thôn 2 xã Hương Thọ)		19,500	19,500	-	19,500	17,550	17,550	-	17,550			
8	Đường giao thông nông thôn từ thôn Quang Thanh đi thôn Cao Phong, xã Đức Linh, huyện Vũ Quang	1488/QĐ-UBND ngày 25/4/2015	8,965	8,965	-	8,965	8,069	8,069	6,000	2,069			
9	Đường GT liên thôn Quang Thành - Tân Hương - Cao Phong - Tân Hương, xã Đức Linh, huyện Vũ Quang		6,000	6,000	-	6,000	5,400	5,400	-	5,400			
VI	CÁC ĐỊA PHƯƠNG KHÁC		807,217	762,814	-	802,217	677,908	587,408	157,116	430,293		-	
1	Đường Cẩm Dương - Cẩm Thịnh, huyện Cẩm Xuyên	301, 22/01/2015 572/HĐND 20/11/2015; 1808, 18/6/2018	76,398	76,398	-	76,398	76,398	21,398	5,000	16,398			
2	Lắp đặt các cum đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn huyện Cẩm Xuyên	1945, 29/6/2018	5,000	3,500	-	5,000	3,500	3,500	-	3,500			
3	Đường giao thông liên thôn xã Cẩm Sơn (đoạn từ Quốc lộ 1A đến Cầu Làng)	1400, 04/5/2017	4,482	4,482	-	4,482	3,000	3,000	-	3,000			
4	Đường giao thông trục chính xã Cẩm Hà, huyện Cẩm Xuyên	2130, 16/7/2018 2839, 25/9/2018	8,000	8,000	-	8,000	7,200	7,200	-	7,200			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020			Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP cấp tỉnh	Trong đó: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh					Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020		
39	Hạ tầng khu chăn nuôi tập trung xã Thạch Đại, huyện Thạch Hà		10,000	10,000	-	10,000	10,000	-	-	10,000		
40	Đường vào trung tâm xã Thạch Trì, huyện Thạch Hà		15,000	15,000	-	15,000	13,500	-	-	13,500		
41	Lắp đặt các cụm đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn huyện Thạch Hà	1312; 7/5/2018	5,474	3,832	-	5,474	3,832	-	-	3,832		
42	Đầu tư nâng cấp đường Đồng Văn, xã Thạch Tân, huyện Thạch Hà	1818; 30/6/2017	5,400	4,400	-	5,400	4,400	-	2,000	2,400		
43	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã 04 (LX.04) đoạn từ thị trấn Thạch Hà đến đường Quốc lộ 1A, đoạn tránh thành phố Hà Tĩnh	3188; 31/10/2017	25,000	22,000	-	25,000	22,000	-	8,000	14,000		
44	Đường từ trung tâm xã Bắc Sơn huyện Thạch Hà nối đường Quốc Lộ 15	75; 09/01/2017	3,297	3,297	-	3,297	3,000	-	3,000	-		
45	Hạ tầng giao thông, cấp điện vào khu chăn nuôi tập trung xã Thạch Hương, huyện Thạch Hà	2463; 31/8/2016	6,544	6,544	-	6,544	5,000	-	5,000	-		
46	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã phục vụ dân sinh, sản xuất và chăn nuôi xã Thạch Vĩnh và tuyến liên xã LX05, huyện Thạch Hà (giai đoạn I)	1917; 27/6/2018	16,732	16,732	-	16,732	15,059	-	7,500	7,559		
47	Đường vào các khu sản xuất, chăn nuôi tập trung phía Tây Nam xã Thạch Xuân, huyện Thạch Hà	03; 04/01/2016	12,908	12,908	-	12,908	11,617	-	4,000	7,617		
48	Đường giao thông vào mô hình trang trại kết hợp phục vụ sản xuất nông nghiệp xã Thạch Liên, huyện Thạch Hà	1637/QĐ-UBND; 07/5/2017	6,829	6,829	-	6,829	6,146	-	3,000	3,146		
49	Nâng cấp, mở rộng đường vào trung tâm hành chính xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà	3118; 11/8/2015	4,537	4,537	-	4,537	4,083	-	2,000	2,083		
50	Hạ tầng giao thông, cấp điện vào khu chăn nuôi tập trung xã Thạch Hương, huyện Thạch Hà	2463/QĐ-UBND; 31/8/2016	6,544	6,544	-	6,544	4,000	-	4,000	-		
51	Đường Huyện lộ ĐH.102 (thị trấn Thạch Hà - Thạch Hương), đoạn từ Km3+100 - Km9+200, huyện Thạch Hà	3258; 30/10/2018	43,000	43,000	-	43,000	38,700	-	-	38,700		
52	Đường giao thông nội vùng xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh	822; 26/3/2018	22,202	14,000	-	22,202	14,000	-	6,000	8,000		
53	Đường vào khu chăn nuôi tập trung Mũi Động, khu nghĩa trang phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh	317/QĐ-UBND ngày 3/2/2016	3,555	1,778	-	3,555	2,500	-	2,500	-		
54	Đường GTNT, hệ thống điện kết hợp vào vùng trang trại chăn nuôi tập trung xã Kỳ Hoa	2792; 20/7/2015	14,332	11,466	-	14,332	11,466	-	-	11,466		
55	Sửa chữa định kỳ các tuyến đường tỉnh Đ.T.547, Đ.T.550, Đ.T.551	1797; 15/6/2018	27,320	27,320	-	27,320	27,320	-	23,000	4,320		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Lũy kế số vốn đã bỏ từ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020			Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TIMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh					Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020	
56	Hệ thống đường ống cấp nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho Cụm công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp phía Bắc, huyện Cẩm Xuyên	4119, 27/10/2015	8,775	4,388	-	8,775	3,470	1,470	-	1,470	
57	Mạng lưới cấp nước sinh hoạt xã Thạch Hương, huyện Thạch Hà (NST hỗ trợ không quá 50%)	3971, 14/10/2015	11,959	5,979	-	11,959	3,000	3,000	3,000	-	
58	Đường liên thôn đi nghĩa trang Đông Hương và vùng sản xuất lâm nghiệp, xã Cẩm Thịnh, huyện Cẩm Xuyên	3205/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	5,450	5,450	-	5,450	4,905	4,905	1,500	3,405	

Phụ lục 04. DANH MỤC DỰ ÁN THEO KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRƯC TỈNH ỦY VÀ ĐOÀN GIÁM SÁT HĐND TỈNH BỔ SUNG NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số 120/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu		Lũy kế số vốn đã bỏ từ khi khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020 sau khi rà soát		Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	
	TỔNG SỐ		149,427	-	158,427	145,513	44,097	101,416	
1	Đường giao thông tránh lũ vùng Hương Yên xã Lộc Yên, huyện Hương Khê	6659; 28/9/2017	13,000		13,000	13,000	-	13,000	
2	Cầu Cây Trở, xã Phú Gia, huyện Hương Khê	2300; 31/7/2018	18,500		18,500	16,650	-	16,650	
3	Cải tạo, nâng cấp đường HL03 (Phương Điền - Phương Mỹ), huyện Hương Khê	6133/UBND-CT ngày 24/10/2018	8,500	-	8,500	7,650	-	7,650	
4	Cầu Bến Én, xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà	409, 31/01/2018	12,140		12,140	10,926	9,806	1,120	
5	Bồi thường TĐC và bảo vệ môi trường khu vực thượng nguồn và ven hồ Bộc Nguyễn thuộc địa bàn xã Thạch Điền và Nam Hương huyện Thạch Hà	3502/QĐ-UBND ngày 05/12/2016; 46/TB-HĐND ngày 09/7/2018	57,787	-	57,787	57,787	32,291	25,496	
6	Số hóa, tin học hóa và phát sóng qua vệ tinh của Đài TT-TH tỉnh Hà Tĩnh (GD 2)	6687/UBND-KGVX; 26/10/2018	30,000		30,000	27,000	-	27,000	
7	Trụ sở làm việc UBND xã Hương Đô, huyện Hương Khê	2066; 09/7/2018	7,000	-	7,000	4,000	-	4,000	
8	Trụ sở làm việc UBND xã Hương Long, huyện Hương Khê	2067; 09/7/2018	6,000	-	6,000	3,500	-	3,500	
9	Trụ sở làm việc UBND xã Hương Trạch, huyện Hương Khê	2465/QĐ-UBND ngày 21/8/2018	5,500	-	5,500	5,000	2,000	3,000	

Phụ lục 05. DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA) BỔ SUNG VỐN ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2016-2020 BỔ SUNG NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số 120/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đối ứng NSDP giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua			Nhu cầu vốn đối ứng còn thiếu trong giai đoạn 2016-2020 (ngoại KH trung hạn)			Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Chi chủ
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Số vốn còn lại giai đoạn 2019-2020	Tổng số	Trong đó:		Tổng số		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đối ứng ngân sách tỉnh		Đã bố trí kế hoạch các năm 2016-2018	Số vốn còn lại giai đoạn 2019-2020			Ngân sách Tập trung	Ngân sách tỉnh bổ sung			
	TỔNG SỐ		9,409,968	1,087,414	169,500	85,000	84,500	369,291	120,000	60,000	60,000			
A	CÁC DỰ ÁN TRONG TRUNG HẠN 2016-2020		8,458,520	953,400	169,500	85,000	84,500	314,450	97,500	60,000	37,500			
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP													
	Các dự án do tỉnh làm cơ quan chủ quản													
1	Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn (HIRDP)	3625/QĐ-UBND, 16/11/2009	385,329	24,858	8,500	6,500	2,000	3,500	3,500	2,000	1,500			
2	Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã vùng bãi ngang ven biển nhằm đối phó với biến đổi khí hậu (ICDP)	1262/QĐ-UBND, 18/4/2011, 1666/QĐ-UBND 08/6/2012	295,974	16,936	4,000	3,000	1,000	3,000	3,000	2,000	1,000			
3	Phát triển nông thôn bền vững vì người nghèo Hà Tĩnh (SRDP)	2269/QĐ-UBND, 25/7/2013	481,257	92,616	4,000	1,000	3,000	5,000	5,000	3,000	2,000			
6	Quản lý tổng hợp nguồn nước và phát triển đô thị liên quan đến biến đổi khí hậu (B)	Hiệp định cụ thể ký ngày 20/6/2013	225,694	7,694	1,000	1,000	-	5,694	5,500	3,000	2,500			
II	Các dự án do Bộ ngành TW làm cơ quan chủ quản													
5	Dự án phát triển Giáo dục THPT giai đoạn 2	7868/QĐ-BGDĐT, 29/10/2013	29,284	5,909	1,000	1,000	-	500	500	500				
6	Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững (WB)	3221/QĐ-UBND ngày 29/10/2012	187,688	38,189	4,000	2,500	1,500	300	300	300				
7	Nạo vét và chỉnh trị luồng vào Cảng neo đậu tránh trú bão Cửa Sót - Thạch Kim (thuộc Dự án Quản lý thiên tai: VN-Haz/WB5)	1840/QĐ-UBND ngày 26/6/2012; 2633/QĐ-UBND, ngày 12/9/2014	141,165	51,709	2,000	1,500	500	250	250	250				
8	Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có nước, Hà Tĩnh (Tiểu dự án Khai thác đa mục tiêu Hệ thống thủy lợi Kê Gò - Sông Rác (WB7))	Quyết định 09/QĐ-BNN	703,832	28,014	1,000	1,000	-	1,800	1,000	1,000				

STT	Danh mục dự án	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đối ứng NSDP giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua			Nhu cầu vốn đối ứng còn thiếu trong giai đoạn 2016-2020 (ngoài KH trung hạn)	Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Chi chú
			TMĐT		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đối ứng ngân sách tỉnh		Đã bố trí kế hoạch các năm 2016-2018	Số vốn còn lại giai đoạn 2019-2020			Tổng số	Nguồn Dự phòng Ngân sách Tập trung	
9	Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung, tỉnh Hà Tĩnh (ADP) (Giai đoạn 2)		337,043	64,862	16,000	9,000	7,000	9,122	7,000	4,000	3,000	
10	Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Hà Tĩnh (Gca)	2225/QĐ-UBND, ngày 01/8/2012	196,999	34,539	5,500	1,500	4,000	9,569	4,000	2,000	2,000	
11	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch phục vụ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng tỉnh Hà Tĩnh	QĐ số 280/QĐ-TTg ngày 20/02/2014	195,845	18,091	11,000	10,000	1,000	1,100	1,100	1,100		
DỰ ÁN KHÔI CÔNG MỚI												
I Các dự án do tỉnh làm cơ quan chủ quản												
a	<i>Dự án đã được ký Hiệp định</i>					-						
1	Cải tạo và nâng cấp Hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và thoát lũ cho vùng Bắc Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu	1566/QĐ-UBND ngày 15/6/2016	457,990	37,922	19,000	12,000	7,000	18,922	11,850	6,850	5,000	
b	<i>Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chỉ trương đầu tư</i>					-						
1	Dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng các xã vùng ngập lụt tỉnh Hà Tĩnh nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	1315/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 của UBND tỉnh	667,800	60,102	16,000	5,000	11,000	44,102	11,000	6,000	5,000	
2	Dự án Hỗ trợ khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai tại một số tỉnh Miền Trung	894/QĐ-UBND ngày 30/3/2017	464,600	50,600	10,000	5,000	5,000	20,000	6,000	3,000	3,000	
3	Hà tầng cơ bản cho tăng trưởng toàn diện các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Nghệ An và Hà Tĩnh" hợp phần tỉnh Hà Tĩnh	613/QĐ-TTg ngày 08/5/2017	1,420,977	208,184	21,500	10,000	11,500	86,824	10,000	5,000	5,000	
c	<i>Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép lập báo cáo chủ trương đầu tư</i>					-						
-	Triều dự án Thạch Hà		787,263	54,343	2,000	-	2,000	20,000	4,000	4,000		
-	Triều dự án Hương Khê		654,677	38,601	2,000	-	2,000	15,000	3,000	3,000		
II Dự án do các Bộ ngành TW làm cơ quan chủ quản												
a	<i>Dự án đã được Ký hiệp định</i>					-						
1	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ đập, tỉnh Hà Tĩnh (V/B8)	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015	484,430	25,425	11,000	3,000	8,000	7,925	6,000	4,000	2,000	

STT	Đanh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đối ứng NSDP giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua			Nhu cầu vốn đối ứng còn thiếu trong giai đoạn 2016-2020 (ngoại KH trung hạn)			Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Chi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Số vốn còn lại giai đoạn 2019-2020	Tổng số	Trong đó:		Tổng số		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đối ứng ngân sách tỉnh		Đã bố trí kế hoạch các năm 2016-2018	Số vốn còn lại giai đoạn 2019-2020			Nguồn Dự phòng Ngân sách Tập trung	Ngân sách tỉnh bổ sung			
2	Dự án quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	QĐ 622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016	289,200	82,200	25,000	9,000	16,000	12,000	7,000	5,000				
3	Dự án "Chương trình đào tạo nghề 2011- Dự án thành phần 2" tại trường cao đẳng nghề Việt Đức Hà Tĩnh	629/QĐ-UBND ngày 15/3/2016	51,523	12,606	5,000	3,000	2,000	2,500	2,000	500				
B	CÁC DỰ ÁN CHƯA ĐƯỢC BỐ TRÍ TRONG TRUNG HẠN 2016-2020		951,448	134,014	-	-	-	22,500	-	22,500				
I	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020													
1	Tiểu dự án cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Thạch Bàng, huyện Lộc Hà thuộc Dự án cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn vùng miền Trung	3282/QĐ-UBND 5/11/2012	99,259	8,613		-		2,000		2,000				
2	Tiểu dự án Hợp phần 3 "Quản lý rủi ro thiên tai đê vào công đồng" giai đoạn 2	681/QĐ-UBND ngày 22/3/2016	25,688	4,483		-		1,500		1,500				
3	Hỗ trợ chuẩn bị sẵn sàng thực hiện sáng kiến Giám phát thải thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon của rừng ở Việt Nam, tỉnh Hà Tĩnh	1491/QĐ-UBND ngày 9/6/2016	19,800	1,500		-		1,000		1,000				
II	Dự án đã được phê duyệt chủ trương và triển khai trong giai đoạn 2016-2020													
1	Dự án "Chuẩn bị dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh" (PBIG2 - Hà Tĩnh)	1869/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND tỉnh	48,500	4,382		-		4,300		4,300				
2	Dự án thí điểm "Quy hoạch hồ trợ tăng trưởng xanh" (GGSF)	3862, 3863/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 UBND tỉnh	11,742	1,060		-		200		200				
3	Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai"	1190/QĐ-UBND ngày 04/5/2017	181,253	28,144		-		2,950		2,950				
4	Dự án "Tăng cường hiệu quả quản trị công và tham gia của người dân về hành chính công ở tỉnh Hà Tĩnh" (RALG)	2059/QĐ-UBND ngày 21/7/2016 của UBND tỉnh	28,980	3,780		-		1,800		1,800				
5	Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 4/5/2017	474,708	70,535		-		3,000		3,000				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đối ứng NSDP giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua			Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Chi chi	
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TKBĐT		Tổng số	Trong đó:		Nhu cầu vốn đối ứng còn thiếu trong giai đoạn 2016-2020 (ngoài KH trung hạn)	Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đối ứng ngân sách tỉnh		Đã bố trí kế hoạch các năm 2016-2018	Số vốn còn lại giai đoạn 2019-2020			Ngân Dư phòng Ngân sách Tập trung		Ngân sách tỉnh bổ sung
6	Dự án "Trồng mới, phục hồi và bảo vệ rừng ngập mặn ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu các huyện Nghi Xuân, Cẩm Xuyên và thị xã Kỳ Anh					-	-	778	750		750	
7	Tiền dự án "Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2018-2020, nguồn vốn EU tài trợ"	3425/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh	61,517	11,517		-		11,517	5,000		5,000	

Phụ lục 06. DANH MỤC DỰ ÁN QUAN TRỌNG, CẤP BÁCH BỔ SUNG NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số 120/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu		Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020			Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
			TMĐT	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
									Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020	
	TỔNG SỐ		4,103,953	2,570,684	-	4,103,953	2,374,182	2,237,496	296,481	1,941,015	-
I	ĐẦU TƯ, NÂNG CẤP HỆ THỐNG CẦU DÂN SINH		2,803,109	1,351,111	-	2,803,109	1,241,051	1,129,051	155,400	973,651	-
1	Cầu Vạn Thành, xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Xuyên	3157; 30/10/2017	6,500	6,500	-	6,500	5,850	5,850	3,500	2,350	
2	Cầu Na Kênh, xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Xuyên	2288; 31/7/2018	12,000	12,000	-	12,000	11,000	11,000	3,000	8,000	
3	Cầu Trược Nháng, xã Cẩm Lạc, huyện Cẩm Xuyên	6728/UBND- GT; 29/10/2018	6,000	6,000	-	6,000	5,400	5,400	-	5,400	
4	Xây dựng cầu Chợ Chùa 1, xã Cẩm Thạch	3184/QĐ- UBND ngày 31/10/2017	14,500	14,500	-	14,500	13,050	13,050	5,000	8,050	
5	Cầu Hội, thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên	2528/SKHĐT- TĐGSDT ngày 20/9/2018	25,000	25,000	-	25,000	22,500	22,500	-	22,500	
6	Cầu Chợ Nhe, xã Vĩnh Lộc, huyện Can Lộc	3016; 17/10/2017 1581; 29/5/2018	11,382	11,382	-	11,382	9,182	9,182	7,900	1,282	
7	Cầu Hồng Thái, huyện Can Lộc	3266; 30/10/2018	28,000	28,000	-	28,000	25,200	25,200	-	25,200	
8	Cầu Chợ Mới và khắc phục sạt lở cầu đoạn đường từ cầu Chợ Mới đến cuối thôn Đông Nam, xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc	3572; 27/11/2018	6,500	6,500	-	6,500	6,500	6,500	-	6,500	
9	Cầu Com Khê, Cầu Kênh và khắc phục sạt lở cầu đoạn đường từ cầu Chợ Nhe đến xã Song Lộc thuộc Huyện lỵ HL 09, huyện Can Lộc	2536; 24/8/2018	14,998	12,000	-	14,998	12,000	12,000	-	12,000	
10	Cầu Thỏ, xã Thanh Lộc, huyện Can Lộc	2335; 06/8/2018	19,000	19,000	-	19,000	17,100	17,100	7,000	10,100	
11	Cầu Ba Ni, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ	1768; 12/6/2018	19,000	19,000	-	19,000	17,100	17,100	4,000	13,100	
12	Cầu La - Xá, huyện Đức Thọ	7611/UBND- GT1; 03/12/2018	30,000	30,000	-	30,000	27,000	27,000	-	27,000	

STT	Danh mục dự án	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT		Lũy kế số vốn đã bỏ từ khi công dân hết năm 2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020		Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020				Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP cấp tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:				
							Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020					
13	Cầu Bình Định, xã Thái Yên, huyện Đức Thọ	1314, 07/5/2018	11,630	11,630	-	11,630	10,467	10,467	-	10,467	-	10,467	
14	Cầu Hương Giang, huyện Hương Khê	3225, 29/10/2018	60,000	60,000		60,000	54,000	54,000	-	54,000	-	54,000	
15	Cầu Bãi Hát, xã Hòa Hải, huyện Hương Khê	1905/UBND-KTHT, 30/1/2018	12,000	12,000		12,000	10,800	10,800	-	10,800	-	10,800	
16	Cầu tràn, xã Lộc Yên, huyện Hương Khê	7390/UBND-GT, 23/1/2018	16,000	16,000		16,000	14,400	14,400	-	14,400	-	14,400	
17	Cầu Khe Con, huyện Hương Khê	7391/UBND-GT, 23/1/2018	42,000	42,000		42,000	35,000	35,000	-	35,000	-	35,000	
18	Cầu Hà Linh, huyện Hương Khê	2821, 29/9/2017	47,000	47,000		47,000	42,879	17,879	15,000	2,879		2,879	
19	Cầu Xóm Hương Giang, xã Lộc Yên, huyện Hương Khê	4171/UBND-TH2, 13/7/2018	13,000	13,000		13,000	10,000	10,000	30,000	10,000		10,000	
20	Cầu Hương Thủy, huyện Hương Khê	3199, 30/10/2017	48,478	48,478		48,478	44,071	34,071	30,000	4,071		4,071	
21	Cầu Hới Địa, cầu Chấm Trừng và khác phục các vị trí hư hỏng cục bộ tuyến đường liên xã 8 (Hà Linh - Phương Mỹ), huyện Hương Khê	3237, 29/10/2018	27,000	27,000		27,000	24,300	24,300	-	24,300	-	24,300	
22	Cầu Trung Lưu xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn	4171, 30/10/2015 1256, 12/5/2018	40,592	40,592		40,592	40,342	13,342	10,000	3,342		3,342	
23	Cầu Vực Nám xã Sơn Ninh, huyện Hương Sơn	3173, 30/10/2017	43,970	43,970		43,970	39,973	19,973	10,000	9,973		9,973	
24	Cầu Tước Vạc, xã Sơn Kim 2, huyện Hương Sơn	4616/UBND-GT, 06/8/2018	43,000	43,000		43,000	38,700	38,700	-	38,700	-	38,700	
25	Cầu Đá Gân, xã Sơn Hồng, huyện Hương Sơn	3262, 30/10/2018	30,000	26,000		30,000	26,000	26,000	-	26,000	-	26,000	
26	Cầu Cây Tắt, xã Kỳ Lạc, huyện Kỳ Anh	3218, 26/10/2018	24,600	24,600		24,600	22,140	22,140	-	22,140	-	22,140	
27	Cầu Trọt và đường 2 đầu cầu xã Thạch Xuân, huyện Thạch Hà	3255, 30/10/2018	4,845	4,845		4,845	4,361	4,361	-	4,361	-	4,361	
28	Cầu Vai, xã Thạch Đài, huyện Thạch Hà	2025, 06/7/2018	8,001	8,001		8,001	8,001	8,001	2,500	5,501		5,501	
29	Cầu Bãi Thèn, phường Đức Thuận, thị xã Hồng Lĩnh	7030/UBND-GT, 08/11/2018	14,000	14,000		14,000	12,600	12,600	-	12,600	-	12,600	
30	Cầu Liên Lạc, thị xã Hồng Lĩnh	1315, 07/5/2018	14,997	14,997		14,997	13,497	13,497	8,500	4,997		4,997	
31	Cầu Tràng Cán, thị xã Hồng Lĩnh	3113, 18/10/2018	18,118	18,118		18,118	16,306	16,306	5,000	11,306		11,306	
32	Cầu Liên Hòa xã Đức Liên, huyện Vũ Quang	3174, 30/10/2017	81,000	81,000		81,000	72,834	52,834	25,000	27,834		27,834	
33	Cầu Mưa Sứ, huyện Đức Thọ	3261, 30/10/2018	10,000	10,000		10,000	9,000	9,000	3,000	6,000		6,000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Lấy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020		Bổ sung ngân sách tình giai đoạn 2016-2020		Ghi chú	
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh					Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018		Bổ sung giai đoạn 2019-2020
34	Cầu Cửa Rào, huyện Vũ Quang	7642/UBND-GTI; 27/11/2018	65,000	65,000	-	65,000	53,500	53,500	-	53,500	
35	Phần vốn nhà nước tham gia Dự án Cầu Cửa Hội bắc qua Sông Lam, tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh	2342/QĐ-BGTVT; 28/7/2016	1,695,000	250,000	-	1,695,000	240,000	240,000	-	240,000	
36	Cầu Thọ Tường bắc qua Sông La, huyện Đức Thọ	3138; 18/10/2018	214,998	214,998	-	214,998	193,498	193,498	-	193,498	
37	Dự án đầu tư xây dựng công trình Sừ chữa cầu Hải Ninh và đường ĐT.555 vào đường trục chính Khu đô thị Kỳ Ninh	2101; 27/7/2017	11,000	11,000	-	11,000	9,900	9,900	7,000	2,900	
38	Cầu Tam Đa và đường hai đầu cầu thuộc tuyến đường liên huyện Thạch Hà - Can Lộc	573; 13/2/2018	14,000	14,000	-	14,000	12,600	12,600	9,000	3,600	
II	ĐẦU TƯ, NÂNG CẤP CƠ SỞ HẠ TẦNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		302,095	292,497	-	302,095	273,180	248,494	76,421	172,073	
(1)	Hạ tầng CNTT phục vụ cải cách hành chính		165,030	163,530	-	165,030	154,383	144,197	40,971	103,226	
1	Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin các cơ quan Đảng tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016-2018	2449; 31/8/2016	21,500	21,500	-	21,500	21,500	11,314	7,500	3,814	
2	Mua sắm xe truyền hình lưu động HD của Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Tĩnh	593; 26/02/2018	29,960	29,960	-	29,960	29,960	29,960	10,000	19,960	
3	Xây dựng hạ tầng CNTT, mua sắm trang thiết bị, đào tạo hướng dẫn sử dụng cho các đơn vị làm việc tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	1404/QĐ-UBND; 24/5/2017	4,499	4,499	-	4,499	4,471	4,471	4,471	-	
4	Xây dựng Hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân	3730/QĐ-UBND; 24/11/2011	2,859	2,859	-	2,859	2,500	2,500	2,500	-	
5	Ứng dụng CNTT trong CCHC tại Sở Xây dựng	3918; 09/10/2015	4,481	4,481	-	4,481	2,500	2,500	2,500	-	
6	Ứng dụng CNTT phục vụ hoạt động chỉ đạo điều hành và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động ngành NN và PTNT	1996/QĐ-UBND; 18/7/2016	2,867	2,867	-	2,867	2,867	2,867	500	2,367	
7	Triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh năm 2016	1143/QĐ-UBND; 16/5/2016	5,000	5,000	-	5,000	5,000	5,000	5,000	-	
8	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác cải cách hành chính trong toàn lực lượng công an	1950; 29/6/2018	10,094	10,094	-	10,094	9,085	9,085	5,000	4,085	
9	Ứng dụng CNTT trong CCHC trên địa bàn huyện Cẩm Xuyên	3015/QĐ-UBND; 25/10/2016	4,500	3,000	-	4,500	3,500	3,500	3,500	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Lũy kế số vốn đã bỏ từ khi khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020				Bổ sung ngân sách tình hình giai đoạn 2016-2020				Ghi chú
		TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSDP cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Bổ sung giai đoạn 2019-2020				
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Sách tỉnh						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018		Bổ sung giai đoạn 2019-2020			
10	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong cải cách hành chính huyện Can Lộc	09, 04/01/2016	4,270	4,270	-	4,270	3,000	3,000	-	3,000	-	3,000			
11	Đầu tư Nâng cấp, xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Hà Tĩnh theo công nghệ điện toán đám mây		75,000	75,000	-	75,000	70,000	70,000	-	70,000	-	70,000			
(2)	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở các cơ quan quản lý nhà nước		137,065	128,967	-	137,065	118,797	104,297	35,450	68,847	-				
1	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Đức Thọ	3078, 31/10/2016	8,136	8,136	-	8,136	7,322	7,322	5,500	1,822					
2	Các tuyến đường giao thông quanh khu vực trung tâm hành chính huyện Kỳ Anh	3810, 23/12/2016 1626, 16/6/2017	34,469	34,469	-	34,469	31,022	21,022	16,000	5,022					
3	Hệ thống điện chiếu sáng 06 tuyến đường tại khu vực Trung tâm hành chính huyện Kỳ Anh	3157/QĐ-UBND ngày 19/10/2018	14,900	10,430	-	14,900	10,430	10,430	-	10,430					
4	Trụ sở xã Phú Lưu, huyện Lộc Hà	3254, 16/11/2016	12,000	12,000	-	12,000	12,000	12,000	-	12,000					
5	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Lộc Hà	4645/QĐ-UBND, 03/12/2015	7,386	5,000	-	7,386	5,000	5,000	5,000	-					
6	Trạm kiểm dịch động vật nội địa, tại phường Đậu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh	3268, 31/10/2018	6,000	6,000	-	6,000	5,400	5,400	-	5,400					
7	Đầu tư xây dựng một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật của trường Chính trị Trần Phú	3769, 22/12/2016	2,421	2,421	-	2,421	2,421	2,421	2,000	421					
8	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	1440, 07/6/2016	8,100	8,100	-	8,100	8,100	3,600	2,500	1,100					
9	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh	2412, 22/8/2017	1,230	1,230	-	1,230	1,230	1,230	650	580					
10	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Tư pháp Hà Tĩnh	2115, 13/7/2018	2,091	2,091	-	2,091	2,091	2,091	-	2,091					
11	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục thuộc Trụ sở làm việc Văn phòng UBND tỉnh	1429, 16/5/2018	2,997	2,997	-	2,997	2,997	2,997	-	2,997					
12	Mở rộng, chỉnh trang khuôn viên trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư	2865, 27/9/2018	5,174	5,174	-	5,174	5,174	5,174	-	5,174					
13	Mua sắm trang thiết bị, nâng cấp Bảo Hà Tĩnh điện tử	3210, 26/10/2018	6,500	6,500	-	6,500	6,500	6,500	2,000	4,500					
14	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Ngoại vụ	1993, 17/7/2017	3,042	1,800	-	3,042	1,800	1,800	1,800	-					
15	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy Cẩm Xuyên		15,000	15,000	-	15,000	13,500	13,500	-	13,500					
16	Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường		998,749	927,076	-	998,749	859,951	859,951	64,660	795,291					
III	CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG, CẤP BẬCH KHÁC		998,749	927,076	-	998,749	859,951	859,951	64,660	795,291					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020		Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh					Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020	
1	Bồi thường, hỗ trợ, di dời tái định cư các hộ dân xung quanh Nhà máy xử lý rác thải tại xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh	7227/UBND-XDI; 16/11/2018	108,000	78,000		108,000	78,000	78,000	-	78,000	
2	Di dời, tái định cư các hộ dân tổ dân phố Thăng Lợi và Nhân Thắng, phường Kỳ Phương, thị xã Kỳ Anh	6050/UBND-GT; 01/10/2018	120,460	97,610		120,460	97,610	97,610	-	97,610	
3	Giải phóng mặt bằng vùng đệm xung quanh Nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải tại xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên		4,500	4,500		4,500	4,500	4,500	-	4,500	
4	Kè chống xói lở bờ sông Ngân Mỏ, huyện Cẩm Xuyên	7460/UBND-NL1 ngày 27/11/2018	15,000	15,000	-	15,000	13,500	13,500	-	13,500	
5	Kè nối từ khu du lịch Thiên Cầm đến kè biển Cẩm Nhung, huyện Cẩm Xuyên	3281; 31/10/2018	25,000	20,000		25,000	20,000	20,000	-	20,000	
6	Xử lý sạt lở đầu kè đoạn qua xã Phúc Trạch, huyện Hương Khê	1831; 19/6/2018	6,000	1,490	-	6,000	1,490	1,490	-	1,490	
7	Công trình Kè bờ sông Ngân Phố đoạn qua xã Sơn Quang, huyện Hương Sơn	1574; 27/4/2015	14,783	14,783	-	14,783	13,305	13,305	-	13,305	
8	Dự án đường nối Quốc lộ 1 đi Khu du lịch biển Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh	7311/UBND-GT1; 21/11/2018	135,000	135,000		135,000	121,500	121,500	-	121,500	
9	Đường nối đường cứu hộ hồ chứa nước Kim Sơn với trung tâm xã Kỳ Lạc, huyện Kỳ Anh	481; 03/2/2015 - 2898; 28/9/2018	49,629	49,629	-	49,629	44,666	44,666	-	44,666	
10	Kè chống sạt lở bờ sông Rào Cái (Ngân Mỏ) kết hợp giao thông đoạn từ cầu Núi đến cầu Phù 2 xã Thạch Lâm, huyện Thạch Hà	991; 20/3/2015	42,000	42,000	-	42,000	37,800	37,800	-	37,800	
11	Tuyến đường gom thuộc Cụm công nghiệp Phù Việt, huyện Thạch Hà	3032; 26/10/2016	9,447	9,447	-	9,447	7,800	7,800	7,800	-	
12	Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp sân vận động tỉnh Hà Tĩnh	349/TT-UBND; 31/10/2018	51,397	48,901		51,397	48,901	48,901	-	48,901	
13	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 2017-2020)	263; 17/01/2017	30,393	30,393		30,393	20,000	20,000	9,000	11,000	
14	Đường từ đường Hồ Chí Minh vào Cụm công nghiệp Vũ Quang, huyện Vũ Quang		7,000	7,000	-	7,000	6,300	6,300	-	6,300	
15	Khắc phục, sửa chữa sự cố đập Cỏ Châu, huyện Can Lộc	167; 12/01/2018	2,272	2,272	-	2,272	2,272	2,272	700	1,572	
16	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước An Hùng, huyện Can Lộc	4337; 31/12/2014	25,400	25,400	-	25,400	22,860	22,860	-	22,860	
17	Khắc phục hư hỏng cầu Rào Tra tại Km20+676, ĐT.551, xã Cẩm Mỹ, huyện Cẩm Xuyên	1386; 23/5/2017	8,985	8,985	-	8,985	8,900	8,900	8,900	-	
18	Sửa chữa, cải thiện mặt đường và bổ sung rãnh thoát nước dọc đoạn Km0+00 - km11+500 đường tỉnh ĐT.547	3130; 04/11/2016	26,689	26,689	-	26,689	24,020	24,020	5,000	19,020	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020				Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020				Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Bổ sung giai đoạn 2019-2020			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: sách tỉnh						Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020				
19	Nâng cấp đường vào nhà máy xử lý rác thải, huyện Cẩm Xuyên	2304, 17/8/2016	4,646	2,146	-	4,646	2,146	2,146	2,146	2,146	-	-	-		
20	Khu xử lý chất thải rắn tại Khe Nào, xã Gia Phố, huyện Hương Khê	3216, 31/10/2017	23,317	19,000	-	23,317	19,000	19,000	19,000	9,053	9,947	-	-		
21	Nâng cấp sản giao dịch thương mại điện tử Hà Tĩnh	6686/UBND-VX, ngày 26/10/2018	2,000	2,000	-	2,000	2,000	2,000	2,000	-	2,000	-	-		
22	Đầu tư xây dựng mới hệ thống các trạm quan trắc môi trường tự động cố định trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và bổ sung trang thiết bị cho trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường		127,000	127,000		127,000	114,300	114,300	114,300	-	114,300				
23	Dự án Xử lý ô nhiễm môi trường do hóa chất BHYT lòn lưn tại thôn Chiến Thắng, xã Vinh Lộc, huyện Can Lộc	3146, 07/11/2016	3,061	3,061	-	3,061	3,061	3,061	3,061	3,061	-	-	-		
24	Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020; lập quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	4046, 29/12/2017	49,270	49,270	-	49,270	49,270	49,270	49,270	16,000	33,270				
25	Đầu tư phương tiện, trang thiết bị tăng cường năng lực cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn tỉnh Hà Tĩnh		100,000	100,000	-	100,000	90,000	90,000	90,000	-	90,000				
26	Âu thuyền tại lạch kênh 19/5, công xã Bùi Xá (cũ), huyện Đức Thọ	3172, 31/10/2017	7,500	7,500	-	7,500	6,750	6,750	6,750	3,000	3,750				

Phụ lục 07. DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI BỔ SUNG NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số 120/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu		Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020			Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020		Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: Ngân sách tỉnh	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018		Bổ sung giai đoạn 2019-2020
	TỔNG SỐ		1,354,612	1,124,952	-	1,354,612	817,027	797,843	107,289	690,554	
A	LĨNH VỰC Y TẾ		545,925	404,473	-	545,925	391,986	391,986	13,687	378,299	
I	Bệnh viện tuyến tỉnh		188,000	188,000	-	188,000	169,200	169,200	1,000	168,200	
1	Khu điều trị cho bệnh nhân là phạm nhân và bị can, bị cáo đang bị tạm giam, Bệnh viện đa khoa tỉnh	643, 05/3/2018	2,000	2,000	-	2,000	1,800	1,800	1,000	800	
2	Nâng cấp hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Hà Tĩnh và Bệnh viện Đa khoa thị xã Kỳ Anh	5968/UBND-VX1, ngày 01/10/2018	186,000	186,000		186,000	167,400	167,400	-	167,400	
II	Bệnh viện tuyến huyện		262,000	147,367	-	262,000	147,367	147,367	-	147,367	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Hương Khê		34,000	11,717		34,000	11,717	11,717	-	11,717	
2	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Hà		37,000	12,750		37,000	12,750	12,750	-	12,750	
3	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ		7,000	6,300		7,000	6,300	6,300	-	6,300	
4	Bệnh viện đa khoa huyện Can Lộc		4,800	4,320		4,800	4,320	4,320	-	4,320	
5	Bệnh viện đa khoa huyện Hương Sơn		5,500	4,950		5,500	4,950	4,950	-	4,950	
6	Bệnh viện đa khoa huyện Vũ Quang		5,000	4,500		5,000	4,500	4,500	-	4,500	
7	Bệnh viện đa khoa thị xã Kỳ Anh		5,500	4,950		5,500	4,950	4,950	-	4,950	
8	Bệnh viện đa khoa thị thành phố Hà Tĩnh		3,000	2,700		3,000	2,700	2,700	-	2,700	
9	Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Xuân		45,000	40,500		45,000	40,500	40,500	-	40,500	
10	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà		3,000	2,700		3,000	2,700	2,700	-	2,700	
11	Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Xuyên		110,000	50,000		110,000	50,000	50,000	-	50,000	

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020				Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh						Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020		
12	Bệnh viện đa khoa thị xã Hồng Lĩnh		2.200	1.980		2.200	1.980	1.980	-	1.980			
III	Trạm y tế xã		95,925	69,106	-	95,925	75,419	75,419	12,687	62,732		-	
1	Trạm y tế xã Cẩm Minh, huyện Cẩm Xuyên	3175/QĐ-UBND, 12/8/2015	5.598	2.799	-	5.598	2.799	2.799	2.140	659			
2	Trạm Y tế xã Trung Lộc, huyện Can Lộc	1246, 11/5/2017	3.177	1.589	-	3.177	1.589	1.589	1.000	589			
3	Nhà làm việc 2 tầng Trạm Y tế xã Đức Đông, huyện Đức Thọ	114, 12/01/2015	3.836		-	3.836	3.836	3.836	800	3.036			
4	Trạm y tế xã Phú Phong, huyện Hương Khê	1773/QĐ-UBND, 15/5/2015	3.212	1.000	-	3.212	1.447	1.447	1.447	-			
5	Nhà làm việc 02 tầng, Trạm y tế xã Hương Giang, huyện Hương Khê	2207/QĐ-UBND, 10/6/2015	4.000	1.000	-	4.000	2.300	2.300	2.300	-			
6	Trạm Y tế xã Kỳ Hải, huyện Kỳ Anh	111/QĐ-UBND ngày 13/1/2016	4.490	2.245	-	4.490	2.245	2.245	800	1.445			
7	Nhà khám và điều trị 2 tầng 12 phòng, Trạm Y tế xã Bình Lộc	4448/QĐ-UBND, 13/11/2015	3.005	1.503	-	3.005	1.500	1.500	-	1.500			
8	Nhà khám và điều trị 2 tầng 12 phòng, Trạm Y tế xã Thịnh Lộc	4415, 12/11/2015	3.006	1.503	-	3.006	1.700	1.700	1.700	-			
9	Nhà làm việc 2 tầng Trạm y tế xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà	1315/QĐ-UBND ngày 15/4/2015	3.931	1.966	-	3.931	2.500	2.500	2.500	-			
10	Trạm y tế xã Cẩm Mỹ, huyện Cẩm Xuyên		2.200	1.980		2.200	1.980	1.980	-	1.980			
11	Trạm y tế xã Cẩm Duệ, huyện Cẩm Xuyên		3.800	3.420		3.800	3.420	3.420	-	3.420			
12	Trạm y tế xã Cẩm Hà, huyện Cẩm Xuyên		3.800	3.420		3.800	3.420	3.420	-	3.420			
13	Trạm y tế xã Hương Đố		3.860	3.474	-	3.860	3.474	3.474	-	3.474			
14	Trạm y tế xã Hương Long, huyện Hương Khê	1892/QĐ-UBND 20/5/2015	3.500	3.150	-	3.500	3.150	3.150	-	3.150			
15	Trạm y tế xã Hương Lâm, huyện Hương Khê	3328/QĐ-UBND, 03/11/2014	4.850	4.365	-	4.850	4.365	4.365	-	4.365			
16	Trạm Y tế xã Sơn Hàm, Hương Sơn		4.300	3.870	-	4.300	3.870	3.870	-	3.870			
17	Trạm Y tế xã Sơn Mỹ, Hương Sơn		3.800	3.420	-	3.800	3.420	3.420	-	3.420			
18	Trạm y tế xã Sơn Trường		4.300	3.870	-	4.300	3.870	3.870	-	3.870			
19	Trạm Y tế xã Kỳ Văn, huyện Kỳ Anh		3.800	3.420		3.800	3.420	3.420	-	3.420			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020		Bổ sung ngân sách tình hình giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh					Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020	
20	Trạm Y tế thị trấn Xuân An, Nghi Xuân		3,800	3,420		3,800	3,420		-	3,420	
21	Trạm Y tế xã Xuân Hồng, Nghi Xuân		3,800	3,420		3,800	3,420		-	3,420	
22	Trạm Y tế xã Thạch Xuân, huyện Thạch Hà		4,400	3,960		4,400	3,960		-	3,960	
23	Trạm Y tế xã Thạch Lạc, huyện Thạch Hà		3,800	3,420		3,800	3,420		-	3,420	
24	Trạm Y tế xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà		3,800	3,420		3,800	3,420		-	3,420	
25	Trạm y tế phường Trung Lương		3,860	3,474		3,860	3,474		-	3,474	
B	LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO		253,273	192,778		253,273	182,813		56,407	113,361	
1	Dự án Nhà học 12 phòng và Kê chống sạt lở bờ sông Khe Dinh báo vệ trường Tiểu học Cẩm Lĩnh, huyện Cẩm Xuyên	1792 ngày 28/6/2017	9,418	9,418		9,418	8,476		5,500	2,976	
2	Nhà học 2 tầng 12 phòng Trường THCS Mỹ Duệ, huyện Cẩm Xuyên	2024 27/5/2015	6,098	3,659		6,098	4,000		4,000	-	
3	Sửa chữa Trường Trung học cơ sở Cẩm Hòa, huyện Cẩm Xuyên	161/QĐ-SKHĐT, ngày 27/12/2017	1,998	1,998		1,998	1,998		1,998	-	
4	Trường THCS Cẩm Nhung, huyện Cẩm Xuyên (giai đoạn I)	1715; 08/6/2018	20,799	12,479		20,799	12,479		-	12,479	
5	Nhà học 2 tầng 8 phòng Trường THCS Minh Lạc, huyện Cẩm Xuyên	Số 62/QĐ-UBND ngày 07/01/2015	4,800	2,880		4,800	2,880		-	1,980	1,980
6	Nhà học 2 tầng 10 phòng Trường THCS Sơn Hà, huyện Cẩm Xuyên	685 QĐ-UBND ngày 25/2/2015	7,759	4,655		7,759	4,655		-	1,610	1,610
7	Nhà học 2 tầng 8 phòng Trường THCS Đồng Lộc, huyện Can Lộc	156/QĐ-UBND ngày 13/1/2015	4,856	2,914		4,856	3,500		3,500	-	
8	Nhà học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học xã Phú Lộc, huyện Can Lộc	1314/QĐ-UBND ngày 15/4/2015	4,677	2,806		4,677	2,109		2,109	-	
9	Trường Tiểu học xã Song Lộc, huyện Can Lộc	1815 14/5/2015	7,458	4,475		7,458	3,700		500	1,800	
10	Nhà học 02 tầng 04 phòng Trường mầm non xã Song Lộc, huyện Can Lộc	2702 13/7/2015	5,137	3,082		5,137	4,000		4,000	-	
11	Nhà học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non xã Phúc Trạch, huyện Hương Khê	2755; 3/10/2016	6,900	4,000		6,900	5,500		5,500	-	
12	Nhà học 2 tầng 8 phòng Trường THCS Há Linh, huyện Hương Khê	4107; 26/10/2015	4,822	2,893		4,822	2,893		-	2,893	
13	Trường MN Sơn Hàm, Hương Sơn	3363 25/8/2015	7,322	4,393		7,322	4,393		2,000	2,393	
14	Nhà học 2 tầng 8 phòng Trường MN Sơn Trung, huyện Hương Sơn	1406; 21/4/2015	9,519	5,711		9,519	5,711		2,800	2,911	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Lũy kế số vốn đã bỏ từ khi khởi công đến hết năm 2015	Như cầu đầu tư 5 năm 2016-2020			Bổ sung ngân sách tình giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Sách tỉnh						Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020		
15	Xây dựng nhà 03 tầng 12 phòng Trường tiểu học xã Thạch Kim, huyện Lộc Hà	1118, 16/4/2018	8,000	4,800		8,000	2,000	2,000	-	-	2,000		
16	Nhà học 02 tầng, 06 phòng Trường tiểu học xã Thạch Lộc	834/QĐ-UBND ngày 04/4/2016	3,849	2,309		3,849	1,500	1,500	1,500	-	-		
17	Nhà học 2 tầng 6 phòng trường mầm non xã Thạch Châu, huyện Lộc Hà	4666/4/12/2015 4377, 10/11/2015 4953, 25/12/2015	7,146	4,288		7,146	4,288	4,288	2,000	2,000	2,288		
18	Trường THPT Lý Tự Trọng, huyện Thạch Hà (hang mục: Nhà học 4 tầng, 20 phòng)	1131, 17/4/2018	5,000	3,000		5,000	3,000	3,000	2,000	2,000	1,000		
19	Nhà học bộ môn 02 tầng 06 phòng và các công trình hạ tầng kỹ thuật phụ trợ, Trường THCS Minh Tiến, huyện Thạch Hà	2052, 25/8/2015	4,376	2,626		4,376	2,626	2,626	1,500	1,500	1,126		
20	Nhà học bộ môn trường tiểu học xã Thạch Vĩnh	6819/UBND-XD1, 01/11/2018	5,900	4,720		5,900	4,720	4,720	-	-	4,720		
21	Nhà đa năng và cải tạo, sửa chữa nhà học 02 tầng 12 phòng, Trường THCS Hàm Nghi, phân hiệu Thạch Đại	3515, 05/12/2016	3,501	2,000		3,501	3,000	3,000	3,000	3,000	-		
22	Trường Trung học cơ sở Đậu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh	3085, 31/10/2016	6,697	4,018		6,697	4,018	4,018	3,000	3,000	1,018		
23	Trường mầm non Thuận Lộc	1692, 8/6/2018	4,929	4,929		4,929	4,436	4,436	-	-	4,436		
24	Nhà học 02 tầng 06 phòng Trường mầm non xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh	1258, 12/5/2017	4,209	4,209		4,209	3,788	3,788	2,500	2,500	1,288		
25	Cải tạo nâng cấp trường TCVNHT thành trường CB VHHT & DL Nguyễn Du	787/QĐ-UBND, 23/3/2018	3,890	500		3,890	500	500	-	-	500		
26	Đường từ công trường Đại học Hà Tĩnh đến đường nối QL 1A đi mỏ sắt Thạch Khê	1536, 06/6/2017	12,923	12,923		12,923	10,000	5,000	2,000	2,000	3,000		
27	Xây dựng trường học thông minh Chuyên Hà Tĩnh	7768/UBND-XD, 07/12/2018	6,500	6,500		6,500	6,500	6,500	-	-	6,500		
28	Nâng cấp xây dựng Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ loại I tại Trường Trung cấp nghề Hà Tĩnh	3699/QĐ-UBND ngày 23/9/2015	4,084	4,084		4,084	3,676	3,676	2,000	2,000	1,676		
29	Trường mầm non thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà		9,500	9,500		9,500	8,550	8,550	-	-	8,550		
30	Trường THPT Hương Khê		4,535	4,535		4,535	4,535	1,835	-	-	1,835		
31	Nhà đa chức năng trường THPT Lê Hữu Trác, Hương Sơn		4,535	4,535		4,535	4,535	1,835	-	-	1,835		
32	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Dạy nghề - Hương nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Can Lộc.		4,084	4,084		4,084	3,676	3,676	2,000	2,000	1,676		
33	Trường mầm non xã Kỳ Phú		9,500	9,500		9,500	8,550	8,550	-	-	8,550		

STT	Đanh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020			Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP cấp tỉnh	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	
34	Xây dựng nhà hiệu bộ 02 tầng 06 phòng và cải tạo sửa chữa Nhà học 2 tầng 08 phòng, Trường tiểu học Thạch Bình, thành phố Hà Tĩnh	1649, 04/6/2018	5,995	3,597	3,597	5,995	3,597	3,597	2,500	1,097		
35	Trường Trung học phổ thông Chuyên Hà Tĩnh (Sân bóng đá cỏ nhân tạo, sân thể dục ngoài trời có tự nhiên, hệ thống mương thoát nước, sân lát gạch, bồn hoa cây cảnh)	65; 08/1/2018	2,648	2,648	-	2,648	2,383	2,383	1,500	883		
C	LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI		555,415	527,701	-	555,415	242,229	236,090	37,195	198,895		
1	Tu bổ, tôn tạo một số hạng mục công trình tại Khu di tích Ngã ba Đồng Lộc	1240; 27/4/2018	6,967	1,000	-	6,967	1,000	1,000	1,000	-		
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường nội bộ, mương thoát nước và điện chiếu sáng Khu di tích Ngã ba Đồng Lộc	1875; 03/7/2017	3,929	3,929	-	3,929	3,682	3,682	3,300	382		
3	Hỗ sinh thái Khu di tích Ngã ba Đồng Lộc (giai đoạn 1)	1305; 04/5/2018	11,334	11,334	-	11,334	10,201	10,201	4,000	6,201		
4	Nâng cấp, mở rộng Bãi đỗ xe Khu di tích Ngã ba Đồng Lộc	1306; 04/5/2018	5,503	5,503	-	5,503	4,953	4,953	2,000	2,953		
5	Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa đền thờ Mai Hắc Đế, xây dựng tượng đài và quảng trường Mai Hắc Đế, huyện Lộc Hà	404/QĐ-UBND ngày 5/2/2016	52,592	47,592	-	52,592	17,500	17,500	7,000	10,500		
6	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng Khu du lịch Xuân Thành (giai đoạn 2), xã Xuân Thành	4492/QĐ-UBND; 18/11/2015	3,773	2,641	-	3,773	520	520	520	-		
7	Đường đi qua khu mộ Xuân Quận Công Nguyễn Nghiêm, xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân	1283; 15/5/2017	3,600	3,600	-	3,600	3,600	3,600	3,300	300		
8	Nhà đón tiếp và các hạng mục phụ trợ tại Khu mộ Cổ tổng bí thư Hà Huy Tập	1492/QĐ-UBND; 02/6/2017	2,700	2,500	-	2,700	2,500	2,500	2,500	-		
9	Đầu tư xây dựng Bảo tàng Hà Tĩnh	878; 31/3/2017	240,862	240,862	-	240,862	20,110	20,110	-	20,110		
10	Tu bổ, chỉnh trang Khu lưu niệm Bác Hồ về thăm Hà Tĩnh	917/QĐ-UBND; 05/4/2017	2,198	2,198	-	2,198	2,018	2,018	2,018	-		
11	Sửa chữa, nâng cấp nhà thi đấu thể dục, thể thao tỉnh	1679; 07/6/2018	6,451	6,451	-	6,451	5,806	5,806	2,000	3,806		
12	Đài truyền thanh không dây cho một số xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2016	4084/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	3,158	2,158	-	3,158	3,158	3,158	3,158	-		
13	Đầu tư một số hạng mục tại Làng trẻ em mồ côi Hà Tĩnh	3232/QĐ-UBND, ngày 29/10/2018	6,500	6,500	-	6,500	5,850	5,850	-	5,850		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Như cầu đầu tư 5 năm 2016-2020			Bổ sung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Bổ sung giai đoạn 2019-2020	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh						Đã phân bổ giai đoạn 2016-2018	Bổ sung giai đoạn 2019-2020		
14	Hàng rào bao quanh Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội Hà Tĩnh	6860/UBND-VX, ngày 03/11/2018	5,700	5,700		5,700	5,130	5,130	-	5,130			
15	Hệ thống đường dây 35KV, trạm biến áp 100KV/A-35/0,4KV và đường dây 0,4KV cấp điện cho Căn cứ hậu cần T34 và khu vực lân cận	613, 06/3/2017	2,249	2,249	-	2,249	2,024	2,024	1,500	524			
16	Nhà văn hóa Lê Hữu Trác	350, 10/02/2015	39,586	39,586	-	39,586	30,000	30,000	-	30,000			
17	Khu di tích Lịch sử - Văn hóa Nguyễn Công Trứ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	6708/UBND-KGVX, 29/10/2018	85,164	85,164	-	85,164	70,554	70,554	-	70,554			
18	Đền xứ Tô sư ca trú Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân	6938/UBND-KGVX, 06/11/2018	35,000	35,000	-	35,000	31,500	31,500	-	31,500			
19	Cụm quảng bá Khu du lịch Xuân Thành, huyện Nghi Xuân	95/OD-SKHDT, 27/9/2016	1,153	1,100		1,153	1,100	1,100	1,100	-			
20	Dự án Thực hiện Đề án phát triển và nâng cao hiệu quả Đài truyền thanh không dây	48/OD-SKHDT ngày 27/4/2018	1,799	1,799		1,799	1,799	1,799	1,799	-			
21	Nâng cao hiệu quả hoạt động của Đài truyền thanh không dây giai đoạn 2015-2017 và những năm tiếp theo	1292, 24/5/2016	2,000	2,000		2,000	2,000	2,000	2,000	-			
22	Nhà bia ghi tên các Anh hùng Liệt sỹ thi xã Kỳ Anh	1363, 19/5/2017	14,451	8,451		14,451	7,729	1,591	-	1,591			
23	Sửa chữa, cải tạo Nghĩa trang liệt sỹ Năm, huyện Hương Sơn	3229, 29/10/2018	8,209	1,500		8,209	1,500	1,500	-	1,500			
24	Đường vào khu căn cứ chiến đấu T34, huyện Can Lộc	3275, 31/10/2018	8,884	8,884		8,884	7,996	7,996	-	7,996			